

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN
Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (kỹ vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
27203124894	Bùi Thị Ánh Ngọc	07/09/2003	K28NAB1	Quảng Nam	7.9	Khá	1	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206204497	Châu Ngọc Anh	20/04/2004	K28NAB1	Đà Nẵng	8.5	Giỏi	2	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216800125	Chu Đình An Khang	25/12/2004	K28NAB1	Kon Tum	8.1	Giỏi	3	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206820199	Đặng Lê Kiều Hiếu	15/09/2004	K28NAB1	Quảng Nam	8.4	Giỏi	4	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
27213153930	Đinh Thanh Thủy	10/08/2003	K28NAB1	Quảng Nam	8.0	Giỏi	5	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204852957	Đinh Thị Trang	29/07/2004	K28NAB1	Đà Nẵng	7.6	Khá	6	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216252559	Đỗ Nhật Tân	23/07/2004	K28NAB1	Đắk Nông	7.6	Khá	7	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206539134	H'Chinh Niê	12/04/2004	K28NAB1	Đắk Lắk	8.9	Giỏi	8	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206254382	Hồ Lê Thảo Phương	26/12/2004	K28NAB1	Đà Nẵng	8.3	Giỏi	9	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216202630	Lê Thanh Hoàng	13/02/2004	K28NAB1	Kon Tum	8.0	Giỏi	10	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206235201	Lê Thị Diệu Huyền	19/11/2004	K28NAB1	Quảng Trị	8.5	Giỏi	11	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
27203133350	Lê Thị Thu Phương	09/05/2003	K28NAB1	Gia Lai	8.7	Giỏi	12	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206252625	Lê Trần Bảo Trâm	10/07/2004	K28NAB1	Quảng Nam	8.5	Giỏi	13	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28207403932	Lê Trần Khánh Ngọc	16/11/2004	K28NAB1	Quảng Nam	8.7	Giỏi	14	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206252031	Lê Trần Minh Châu	06/12/2004	K28NAB1	Phú Yên	7.5	Khá	15	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28219101650	Lý Huy Tín	10/12/2004	K28NAB1	Quảng Ngãi	7.4	Khá	16	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206252470	Mai Thị Bích Ngọc	24/07/2004	K28NAB1	Quảng Ngãi	7.6	Khá	17	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
27211245609	Nguyễn Đình Tuấn	28/05/2003	K28NAB1	Quảng Nam	7.7	Khá	18	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206252690	Nguyễn Lê Yến Trâm	08/03/2004	K28NAB1	Đà Nẵng	8.9	Giỏi	19	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206740617	Nguyễn Ngọc Bảo Gia Hân	28/04/2004	K28NAB1	Đắk Lắk	8.3	Giỏi	20	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206252030	Nguyễn Ngọc Thủy Bình	03/12/2004	K28NAB1	Đà Nẵng	8.4	Giỏi	21	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206206700	Nguyễn Thị Hương Trà	13/02/2004	K28NAB1	Quảng Bình	8.5	Giỏi	22	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28209449564	Nguyễn Thị Minh Anh	01/08/2004	K28NAB1	Quảng Nam	7.8	Khá	23	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206240084	Nguyễn Thị Ngọc Minh	04/04/2004	K28NAB1	Đà Nẵng	8.3	Giỏi	24	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206205983	Nguyễn Thị Thùy Dung	01/12/2004	K28NAB1	Gia Lai	7.2	Khá	25	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206252560	Phan Nguyễn Phương Thanh	15/02/2004	K28NAB1	Quảng Ngãi	8.2	Giỏi	26	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216244308	Phan Phú Toàn	09/05/2004	K28NAB1	Quảng Nam	7.4	Khá	27	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216246856	Phan Thị Thắm	23/01/2004	K28NAB1	Gia Lai	8.3	Giỏi	28	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206250559	Trần Hoài Tiên	14/08/2004	K28NAB1	Quảng Nam	7.3	Khá	29	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206201947	Trần Thị Mỹ Linh	06/01/2004	K28NAB1	Bình Định	9.0	Xuất sắc	30	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206931453	Võ Thị Mỹ Ly	14/02/2004	K28NAB1	Đắk Lắk	8.2	Giỏi	31	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204545329	Bùi Thị Hoàng Hạ	19/07/2004	K28NAB2	Quảng Ngãi	8.1	Giỏi	32	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206201905	Cao Nữ Lan Anh	19/09/2004	K28NAB2	Đắk Nông	7.9	Khá	33	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
27203121451	Đinh Thị Ánh Mai	25/03/2003	K28NAB2	Quảng Ngãi	8.1	Giỏi	34	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206252354	Đỗ Thị Gia Hiếu	26/05/2004	K28NAB2	Quảng Ngãi	8.0	Giỏi	35	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206231623	Đoàn Thị Anh Đào	03/02/2004	K28NAB2	Quảng Nam	7.0	Khá	36	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN
Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (ký vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28206205169	Hồ Quỳnh Thư	20/08/2004	K28NAB2	Đắk Lắk	8.2	Giỏi	37	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204635079	Huỳnh Mai Ly	13/03/2004	K28NAB2	Phú Yên	8.3	Giỏi	38	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206222896	Huỳnh Thị Việt Trinh	01/10/2004	K28NAB2	Đà Nẵng	7.9	Khá	39	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206202189	Lê Khánh Tiên	26/03/2004	K28NAB2	Quảng Nam	7.5	Khá	40	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206202654	Lê Thị Thu Nga	13/09/2004	K28NAB2	Gia Lai	7.8	Khá	41	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206252623	Lê Thiên Trang	16/08/2003	K28NAB2	Quảng Ngãi	7.9	Khá	42	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206251968	Nguyễn Phạm Việt Anh	13/11/2004	K28NAB2	Quảng Trị	7.9	Khá	43	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206200094	Nguyễn Thị Kiều Oanh	21/10/2004	K28NAB2	Kon Tum	8.4	Giỏi	44	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206247220	Nguyễn Thị Kiều Trân	02/10/2004	K28NAB2	Gia Lai	8.0	Giỏi	45	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206252562	Nguyễn Thị Phương Thảo	04/06/2004	K28NAB2	Nghệ An	7.6	Khá	46	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206252334	Nguyễn Thị Thanh Thanh	26/06/2004	K28NAB2	Quảng Nam	7.7	Khá	47	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206202866	Nguyễn Thị Trúc Phương	22/10/2004	K28NAB2	Gia Lai	8.3	Giỏi	48	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206203171	Nguyễn Trần Thảo Vy	01/07/2004	K28NAB2	Bình Định	8.1	Giỏi	49	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216206931	Nguyễn Văn Phúc	30/01/2004	K28NAB2	Đắk Lắk	8.6	Giỏi	50	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206237746	Nguyễn Vĩnh Ngọc	08/07/2004	K28NAB2	Đà Nẵng	8.0	Giỏi	51	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216254950	Phạm Nguyễn Hoàng Lâm	30/06/2004	K28NAB2	Đà Nẵng	7.0	Khá	52	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216751303	Trần Khánh Linh	01/04/2004	K28NAB2	Hà Tĩnh	7.4	Khá	53	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28207150474	Trần Kiều Ngọc Hiếu	08/12/2004	K28NAB2	Đà Nẵng	8.2	Giỏi	54	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206704222	Trần Lê Thanh Thúy	01/10/2004	K28NAB2	Quảng Nam	8.4	Giỏi	55	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216201595	Trần Lê Tiến Đạt	24/11/2003	K28NAB2	Đà Nẵng	7.9	Khá	56	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206204930	Trần Thị Mỹ Hằng	27/09/2004	K28NAB2	Quảng Ngãi	7.6	Khá	57	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28208004386	Trần Thị Phúc	10/09/2004	K28NAB2	Quảng Nam	8.2	Giỏi	58	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206252145	Trần Thu Hà	25/12/2004	K28NAB2	Quảng Ngãi	8.7	Giỏi	59	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206204952	Trần Thùy Linh	19/10/2004	K28NAB2	Đà Nẵng	7.9	Khá	60	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216252426	Trần Trung Hưng	09/12/2004	K28NAB2	Quảng Nam	8.1	Giỏi	61	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206203308	Bùi Thị Thuý Ngọc	08/02/2004	K28NAB3	Đắk Lắk	8.4	Giỏi	62	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206204439	Đặng Thị Bích Tuyền	29/06/2004	K28NAB3	Đắk Lắk	8.5	Giỏi	63	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206206752	Lê Kim Cúc	20/02/2004	K28NAB3	Đắk Lắk	8.2	Giỏi	64	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206251153	Lê Ngọc Việt Anh	22/04/2004	K28NAB3	Quảng Trị	7.6	Khá	65	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206223310	Lê Nguyễn Ngọc Tuyền	14/01/2004	K28NAB3	Bình Định	8.5	Giỏi	66	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28218000311	Lê Thanh Thiên	10/03/2004	K28NAB3	Quảng Ngãi	8.0	Giỏi	67	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206200590	Lương Huyền Trang	18/10/2004	K28NAB3	Gia Lai	8.2	Giỏi	68	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28201153429	Nguyễn Kiều Trinh	16/06/2004	K28NAB3	Hà Tĩnh	7.9	Khá	69	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206202190	Nguyễn Phương Thảo	06/11/2004	K28NAB3	Gia Lai	8.2	Giỏi	70	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204624126	Nguyễn Thị Hoài Nhi	27/07/2004	K28NAB3	Quảng Nam	7.7	Khá	71	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206252624	Nguyễn Thị Minh Trang	20/10/2004	K28NAB3	Hà Tĩnh	7.4	Khá	72	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN
Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (ký vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28206204524	Nguyễn Thị Phương Nhi	10/09/2004	K28NAB3	Đà Nẵng	8.1	Giỏi	73	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206206116	Nguyễn Thị Thanh Phương	12/09/2004	K28NAB3	Đắk Lắk	8.4	Giỏi	74	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206203592	Phạm Thị Huyền Trang	09/07/2004	K28NAB3	Quảng Ngãi	7.7	Khá	75	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206204826	Phạm Thị Thanh Trà	21/08/2004	K28NAB3	Quảng Nam	7.9	Khá	76	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206205031	Trần Nhất Hân	12/08/2004	K28NAB3	Quảng Ngãi	8.4	Giỏi	77	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206203096	Trần Phương Lan Trinh	19/08/2004	K28NAB3	Quảng Nam	8.4	Giỏi	78	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206252221	Trần Thị Huệ	03/08/2004	K28NAB3	Bình Định	8.5	Giỏi	79	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28208453326	Trần Thị Minh Thư	06/04/2004	K28NAB3	Đà Nẵng	8.4	Giỏi	80	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206202610	Trương Thị Thuý Dương	24/07/2004	K28NAB3	Quảng Trị	7.8	Khá	81	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28208126220	Uông Thị Quỳnh Như	13/10/2003	K28NAB3	Đắk Lắk	8.2	Giỏi	82	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204643600	Cao Nguyễn Huyền Trang	04/05/2004	K28NAB4	Quảng Bình	7.8	Khá	83	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206227151	Đặng Thị Thu Lệ	11/03/2004	K28NAB4	Kon Tum	7.8	Khá	84	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206206782	Đào Thị Mộng Phương	23/12/2004	K28NAB4	Quảng Nam	7.3	Khá	85	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206252427	Đinh Thị Lan Hương	19/09/2004	K28NAB4	Đắk Lắk	7.7	Khá	86	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206200887	Dương Huỳnh Minh Tâm	16/05/2004	K28NAB4	Đà Nẵng	8.1	Giỏi	87	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216252143	Dương Tiến Đạt	25/08/2004	K28NAB4	Quảng Nam	7.5	Khá	88	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206200624	Hồ Tiểu Quyên	11/03/2004	K28NAB4	Quảng Trị	7.7	Khá	89	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206252271	Huỳnh Thảo Nguyên	17/09/2004	K28NAB4	TP. Hồ Chí Minh	7.3	Khá	90	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204904950	Lê Hoàng Quỳnh Như	09/01/2004	K28NAB4	Thừa Thiên Huế	8.2	Giỏi	91	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206202386	Lê Thị Trang	16/04/2004	K28NAB4	Nghệ An	7.3	Khá	92	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216206207	Lê Trần Gia Bảo	18/10/2003	K28NAB4	Quảng Trị	8.1	Giỏi	93	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206204331	Nguyễn Đăng Thanh Nga	22/04/2004	K28NAB4	Quảng Nam	8.1	Giỏi	94	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
26213120066	Nguyễn Hoàng Anh Khoa	09/07/2001	K28NAB4	Đà Nẵng	7.5	Khá	95	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206249283	Nguyễn Thị Hương Giang	11/05/2004	K28NAB4	Đắk Lắk	7.3	Khá	96	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28208104590	Nguyễn Thị Huỳnh Anh	14/08/2004	K28NAB4	Quảng Nam	7.5	Khá	97	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206202525	Nguyễn Thị Mai Anh	23/10/2003	K28NAB4	Quảng Nam	7.7	Khá	98	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204306950	Nguyễn Thị Sang	04/03/2004	K28NAB4	Nghệ An	8.2	Giỏi	99	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28208329310	Nguyễn Thị Thu Hồng	12/11/2004	K28NAB4	Đà Nẵng	7.0	Khá	100	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206203788	Phan Bảo Quyên	14/02/2004	K28NAB4	Kon Tum	8.1	Giỏi	101	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216205153	Phan Lê Quốc Khánh	03/10/2004	K28NAB4	Quảng Nam	7.7	Khá	102	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206203126	Phan Võ Khánh Huyền	16/02/2004	K28NAB4	Quảng Bình	8.3	Giỏi	103	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28208034946	Trần Quỳnh Như	14/10/2004	K28NAB4	Quảng Trị	7.6	Khá	104	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206202760	Trần Thị Mỹ Duyên	08/06/2004	K28NAB4	Gia Lai	7.7	Khá	105	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204647831	Trần Thị Thảo My	01/06/2004	K28NAB4	Quảng Bình	7.6	Khá	106	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206306852	Võ Thị Ngọc Ánh	11/11/2004	K28NAB4	Quảng Trị	7.1	Khá	107	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206202061	Võ Thị Trà Giang	23/01/2004	K28NAB4	Quảng Trị	8.3	Giỏi	108	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN
Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (ký vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28214306962	Vũ Đình Chinh	19/05/2004	K28NAB4	Nghệ An	7.8	Khá	109	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206205210	Đinh Thị Hạ Vy	02/06/2004	K28NAB5	Quảng Nam	7.3	Khá	110	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206254272	Đoàn Lê Nguyên Bảo	20/07/2004	K28NAB5	Đà Nẵng	8.2	Giỏi	111	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216200223	Lê Hoàng Minh	03/01/2003	K28NAB5	Kon Tum	8.2	Giỏi	112	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206227450	Lê Nguyễn Thanh Tú	09/09/2004	K28NAB5	Đà Nẵng	7.6	Khá	113	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216206307	Lê Quang Đức	26/06/2000	K28NAB5	Đà Nẵng	7.7	Khá	114	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206201954	Lê Thị Như Quỳnh	16/04/2003	K28NAB5	Quảng Bình	8.2	Giỏi	115	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
27203148990	Lê Thị Thanh Diễm	01/05/2003	K28NAB5	Quảng Nam	8.1	Giỏi	116	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206200496	Lê Thị Trúc Uyên	29/10/2003	K28NAB5	Gia Lai	7.3	Khá	117	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206806001	Mai Ly Na	05/05/2004	K28NAB5	Quảng Nam	8.3	Giỏi	118	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216251573	Nguyễn Hải Nam	05/10/2004	K28NAB5	Hà Giang	8.3	Giỏi	119	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206254408	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	26/09/2004	K28NAB5	Bình Định	7.8	Khá	120	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
27203153702	Nguyễn Thị Huế	22/09/2003	K28NAB5	Thừa Thiên Huế	8.0	Giỏi	121	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206251408	Nguyễn Thị Lâm Anh	01/07/2003	K28NAB5	Nghệ An	8.2	Giỏi	122	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216247786	Phạm Đăng Khang	22/09/2001	K28NAB5	Đắk Lắk	7.9	Khá	123	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
27203149739	Phạm Khánh Vy	09/06/2003	K28NAB5	Quảng Trị	7.9	Khá	124	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216203084	Phạm Phú Quốc	28/07/2004	K28NAB5	Đà Nẵng	7.9	Khá	125	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216252424	Thái Nhất Huy	28/04/2004	K28NAB5	Đà Nẵng	7.7	Khá	126	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206254725	Trần Anh Thơ	25/12/2002	K28NAB5	Đà Nẵng	8.0	Giỏi	127	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216242598	Trần Duy Mẫn	17/01/2003	K28NAB5	Quảng Nam	8.3	Giỏi	128	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206254850	Trần Thị Khánh Huyền	07/08/2003	K28NAB5	Hà Tĩnh	7.9	Khá	129	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206954595	Trần Thị Phương Nhung	12/02/2003	K28NAB5	Quảng Trị	7.8	Khá	130	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216551291	Trần Văn Chinh	18/03/2004	K28NAB5	Đà Nẵng	7.4	Khá	131	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216204092	Triệu Bảo Nguyên	23/09/2004	K28NAB5	Quảng Nam	7.5	Khá	132	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206254645	Võ Thị Mỹ Hậu	07/05/2004	K28NAB5	Gia Lai	8.9	Giỏi	133	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206203023	Võ Thị Nga	20/05/2003	K28NAB5	Hà Tĩnh	8.5	Giỏi	134	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206206378	Vũ Thảo Vy	20/01/2003	K28NAB5	Quảng Ngãi	7.4	Khá	135	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206254903	Đặng Ngọc Cẩm	05/09/2004	K28NAD1	Quảng Nam	7.9	Khá	136	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206254098	Đặng Nguyễn Uyển Trân	11/11/2004	K28NAD1	Phú Yên	7.4	Khá	137	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216235335	Đoàn Phước Hiếu	17/12/2004	K28NAD1	Quảng Trị	8.3	Giỏi	138	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206247782	Dương Thị Ái Thương	11/07/2004	K28NAD1	Quảng Nam	8.4	Giỏi	139	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206203484	Ksor Ngoại	18/01/2004	K28NAD1	Gia Lai	8.5	Giỏi	140	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206237453	Lê Khánh Huyền	29/05/2004	K28NAD1	Đà Nẵng	8.4	Giỏi	141	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216203559	Lê Nhật Thăng	31/01/2004	K28NAD1	Quảng Trị	8.0	Giỏi	142	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206224811	Lê Phùng Yến Nhi	13/10/2004	K28NAD1	Đà Nẵng	8.4	Giỏi	143	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28205235669	Lê Thị Quỳnh Nhân	11/12/2004	K28NAD1	Quảng Trị	8.0	Giỏi	144	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN
Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (ký vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28206250759	Lê Thị Trúc Nguyên	02/06/2004	K28NAD1	Quảng Nam	8.2	Giỏi	145	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28212336058	Lưu Quang Minh	01/11/2004	K28NAD1	Đà Nẵng	8.0	Giỏi	146	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206201026	Ngô Thị Mỹ Nguyên	14/07/2004	K28NAD1	Đắk Lắk	7.6	Khá	147	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206252402	Nguyễn Phương Uyên	05/03/2004	K28NAD1	Quảng Nam	8.3	Giỏi	148	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28209449720	Nguyễn Thị My My	15/02/2004	K28NAD1	Đà Nẵng	8.0	Giỏi	149	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206206922	Nguyễn Thị Ngọc Hà	04/11/2004	K28NAD1	Quảng Bình	8.1	Giỏi	150	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206202503	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	14/05/2004	K28NAD1	Đắk Lắk	8.3	Giỏi	151	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216246640	Nguyễn Trương Anh Thái	29/10/2004	K28NAD1	Đà Nẵng	7.4	Khá	152	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206246550	Phan Thị Khánh Ly	26/01/2004	K28NAD1	Bình Định	8.4	Giỏi	153	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216204166	Trần Hữu Nguyên	05/09/2004	K28NAD1	Đà Nẵng	7.8	Khá	154	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206502678	Trần Nhật Vy	18/12/2004	K28NAD1	Quảng Nam	8.6	Giỏi	155	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206203754	Trần Thị Kim Yến	22/10/2004	K28NAD1	Quảng Nam	8.3	Giỏi	156	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206206067	Trần Thị Mỹ Ngọc	20/12/2004	K28NAD1	Đắk Lắk	8.1	Giỏi	157	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206239407	Trần Tuyết Nhi	06/09/2004	K28NAD1	Quảng Nam	8.5	Giỏi	158	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206205824	Trịnh Ái Duyên	18/09/2004	K28NAD1	Khánh Hòa	7.7	Khá	159	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206205359	Bùi Lê Trúc Ly	01/03/2004	K28NAD2	Kon Tum	8.3	Giỏi	160	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206548644	Đặng Thị Kim Phụng	05/08/2003	K28NAD2	Quảng Nam	8.1	Giỏi	161	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216238313	Đoàn Sĩ Hà	26/02/2003	K28NAD2	Đắk Lắk	6.8	TB Khá	162	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28207351485	H' Nĩa Byă	24/04/2004	K28NAD2	Đắk Lắk	8.1	Giỏi	163	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206201530	Hà Thị Thiệu Tiên	29/03/2004	K28NAD2	Quảng Nam	8.1	Giỏi	164	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
27213200501	Hà Văn Tấn Tài	17/04/2003	K28NAD2	Quảng Nam	7.6	Khá	165	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206204306	Hồ Thu Trang	12/06/2004	K28NAD2	Đắk Lắk	7.9	Khá	166	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206249629	Lê Kiều Trinh	12/05/2004	K28NAD2	Phú Yên	7.4	Khá	167	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206201462	Lê Nguyễn Bảo Trân	21/08/2004	K28NAD2	Gia Lai	8.2	Giỏi	168	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206245658	Lê Thị Diễm Hương	26/05/2000	K28NAD2	Đà Nẵng	8.1	Giỏi	169	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28218028288	Nguyễn Công Thế	04/01/2004	K28NAD2	Bình Định	8.6	Giỏi	170	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206206520	Nguyễn Thái Hà Na	30/04/2004	K28NAD2	Quảng Nam	8.4	Giỏi	171	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
27203201479	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	15/05/2003	K28NAD2	Quảng Nam	7.8	Khá	172	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
27203201989	Nguyễn Thị Uyên Nhi	26/12/2003	K28NAD2	Gia Lai	8.4	Giỏi	173	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214501836	Nguyễn Xuân Quang Anh	22/07/2004	K28NAD2	Thừa Thiên Huế	8.1	Giỏi	174	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216201582	Trần Đình Hoàng Phi	14/01/2004	K28NAD2	Lâm Đồng	8.0	Giỏi	175	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28211150005	Trần Khánh Hưng	07/06/2003	K28NAD2	Đắk Lắk	7.6	Khá	176	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204102868	Trương Thị Ngọc Hiếu	09/10/2004	K28NAD2	Quảng Ngãi	7.9	Khá	177	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206204000	Võ Nữ Hà Vy	08/03/2004	K28NAD2	Quảng Bình	7.9	Khá	178	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206239936	Đinh Trần Tuyết Nhi	04/10/2004	K28NAT1	Đà Nẵng	8.1	Giỏi	179	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206751357	Hà Thị Cẩm Ly	08/01/2004	K28NAT1	Thừa Thiên Huế	8.3	Giỏi	180	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN
Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (kỹ vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28206201218	Hoàng Thị Tố Uyên	11/10/2004	K28NAT1	Quảng Nam	7.8	Khá	181	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216249296	Lê Bá Trung	11/01/2004	K28NAT1	Quảng Trị	8.2	Giỏi	182	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206223900	Lê Nguyễn Bảo Hân	10/12/2004	K28NAT1	Đà Nẵng	8.3	Giỏi	183	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206105887	Lê Thị Ngọc Linh	01/08/2004	K28NAT1	Bình Định	8.2	Giỏi	184	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206251082	Nguyễn Anh Thư	25/11/2004	K28NAT1	Quảng Nam	7.8	Khá	185	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216200199	Nguyễn Mạnh Hùng	01/03/2004	K28NAT1	Đồng Nai	8.0	Giỏi	186	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206252521	Nguyễn Ngọc Hoàng Nhi	05/09/2004	K28NAT1	Quảng Nam	7.6	Khá	187	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216251014	Nguyễn Quang Lợi	08/06/2004	K28NAT1	Quảng Nam	8.1	Giỏi	188	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206201223	Nguyễn Thị Khánh Linh	16/03/2004	K28NAT1	Phú Yên	8.3	Giỏi	189	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206205071	Nguyễn Thị Kiều	28/02/2004	K28NAT1	Đà Nẵng	7.8	Khá	190	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216203808	Nguyễn Thị Phương Anh	17/06/2004	K28NAT1	Gia Lai	8.4	Giỏi	191	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206202859	Nguyễn Thị Thanh Bình	06/11/2003	K28NAT1	Quảng Ngãi	6.7	TB Khá	192	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206252353	Nguyễn Thị Thanh Hiền	26/04/2002	K28NAT1	Quảng Trị	8.3	Giỏi	193	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206238509	Nguyễn Thị Tố Lên	16/06/2004	K28NAT1	Quảng Nam	8.0	Giỏi	194	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216203329	Nguyễn Thị Xuân Mai	26/10/2004	K28NAT1	Gia Lai	8.3	Giỏi	195	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206251486	Nguyễn Thị Yến Nhi	10/01/2004	K28NAT1	Đắk Lắk	8.5	Giỏi	196	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28201452454	Nguyễn Trần Anh Châu	08/10/2004	K28NAT1	Đà Nẵng	7.4	Khá	197	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216245498	Phạm Khánh Huy Hào	18/06/2004	K28NAT1	Quảng Nam	8.2	Giỏi	198	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216205861	Phan Đức Phúc	18/02/2004	K28NAT1	Quảng Nam	6.2	TB Khá	199	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216202219	Trần Chí Hào	09/10/2004	K28NAT1	Đắk Nông	7.7	Khá	200	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206250449	Trần Thị Thu Thảo	03/01/2004	K28NAT1	Hà Tĩnh	7.3	Khá	201	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206201918	Trương Nguyễn Hồng Nhung	03/11/2004	K28NAT1	Quảng Nam	8.1	Giỏi	202	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206232186	Trương Thảo Ny	08/06/2004	K28NAT1	Quảng Nam	8.0	Giỏi	203	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206204428	Võ Hoàng Mai Thi	15/10/2004	K28NAT1	Đà Nẵng	8.5	Giỏi	204	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206204491	Võ Hoàng Thủy Tiên	04/08/2004	K28NAT1	Quảng Ngãi	8.3	Giỏi	205	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206202713	Võ Thị Thanh Hồng	03/10/2004	K28NAT1	Quảng Ngãi	8.1	Giỏi	206	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216252693	Võ Văn Vĩ	24/12/2004	K28NAT1	Bình Định	8.3	Giỏi	207	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206254125	Bùi Đoàn Tố Uyên	19/05/2004	K28NAT2	Đà Nẵng	8.4	Giỏi	208	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204535167	Đặng Nguyên Phương	06/02/2004	K28NAT2	Đà Nẵng	8.1	Giỏi	209	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206202068	Đào Khánh Ly	03/03/2004	K28NAT2	Lạng Sơn	8.0	Giỏi	210	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206250884	Lê Hoàng Ny	10/12/2004	K28NAT2	Quảng Nam	8.3	Giỏi	211	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204501423	Lê Thị Hồng Phương	27/09/2004	K28NAT2	Bình Định	7.3	Khá	212	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28208004580	Lê Thị Yến Nhi	20/12/2004	K28NAT2	Đắk Lắk	8.0	Giỏi	213	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216206501	Nguyễn Ngọc Tú	10/03/2003	K28NAT2	Phú Yên	7.5	Khá	214	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206254568	Nguyễn Thị Hạ Hân	10/03/2004	K28NAT2	Khánh Hòa	8.7	Giỏi	215	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206251225	Nguyễn Thị Hồng Ngân	02/10/2002	K28NAT2	Thừa Thiên Huế	8.2	Giỏi	216	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN
Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (kỹ vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28206203976	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	25/12/2004	K28NAT2	Đắk Nông	8.3	Giỏi	217	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206204901	Nguyễn Thị Tường Ly	10/02/2004	K28NAT2	Quảng Nam	8.5	Giỏi	218	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206202062	Nguyễn Thuý Hằng	04/08/2004	K28NAT2	Quảng Bình	8.9	Giỏi	219	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206239212	Phạm Minh Trang	01/03/2004	K28NAT2	Đà Nẵng	7.9	Khá	220	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206251644	Phạm Ngọc Trâm	24/08/2004	K28NAT2	Nghệ An	8.3	Giỏi	221	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216205819	Phạm Thị Thúy An	26/11/2004	K28NAT2	Kon Tum	8.4	Giỏi	222	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206202529	Phạm Võ Kiều Ngân	08/01/2004	K28NAT2	Bình Định	8.1	Giỏi	223	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206205458	Phan Lê Quỳnh	16/09/2004	K28NAT2	Kon Tum	8.2	Giỏi	224	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206201293	Phan Thị Hồng Ngân	17/09/2004	K28NAT2	Gia Lai	8.3	Giỏi	225	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206201827	Phùng Thảo Trang	23/10/2004	K28NAT2	Phú Yên	8.2	Giỏi	226	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206204057	Quảng Thị My Na	27/02/2004	K28NAT2	Bình Định	8.5	Giỏi	227	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216203964	Trần Nguyễn Vĩnh Tâm	14/11/2004	K28NAT2	Thừa Thiên Huế	8.0	Giỏi	228	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206201363	Trần Thị Thu Phương	29/01/2004	K28NAT2	Gia Lai	7.7	Khá	229	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206204792	Trần Thị Thủy	02/03/2004	K28NAT2	Quảng Bình	8.1	Giỏi	230	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216254820	Võ Hoàng Phương Lam	06/09/2004	K28NAT2	Phú Yên	8.2	Giỏi	231	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206252467	Võ Thị Hồng Linh	18/02/2004	K28NAT2	Gia Lai	8.7	Giỏi	232	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206702611	Bùi Hậu Giang	01/01/2004	K28NHB1	Quảng Nam	7.9	Khá	233	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206724878	Bùi Phương Dung	24/03/2004	K28NHB1	Hà Nội	8.2	Giỏi	234	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206720559	Đặng Thị Minh Duyên	19/05/2000	K28NHB1	Quảng Nam	8.4	Giỏi	235	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206706129	Đặng Thị Thu Hương	25/12/2004	K28NHB1	Quảng Nam	8.4	Giỏi	236	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206701752	Đinh Thị Xuân Mai	26/07/2004	K28NHB1	Quảng Trị	8.1	Giỏi	237	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206747114	Hồ Anh Thơ	19/04/2004	K28NHB1	Bình Định	8.4	Giỏi	238	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206701678	Hoàng Thị Thanh Thảo	14/09/2004	K28NHB1	Quảng Ngãi	7.5	Khá	239	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206700308	Huỳnh Nguyễn Bảo Trân	03/12/2004	K28NHB1	Quảng Nam	8.4	Giỏi	240	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206751385	Lê Thị Duyên	19/03/2004	K28NHB1	Nghệ An	8.6	Giỏi	241	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206748785	Lê Thị Kim Hiền	17/04/2004	K28NHB1	Quảng Nam	8.6	Giỏi	242	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206706540	Lê Thị Minh Tâm	26/06/2004	K28NHB1	Thừa Thiên Huế	7.8	Khá	243	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206752413	Lê Thị Thảo Nguyên	19/09/2004	K28NHB1	Quảng Trị	8.3	Giỏi	244	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206734815	Mai Thị Phương Trinh	05/12/2004	K28NHB1	Quảng Bình	8.2	Giỏi	245	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206701362	Nguyễn Hoài Nhi	11/09/2004	K28NHB1	Quảng Nam	7.9	Khá	246	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206706811	Nguyễn Lê Thúy Hiền	25/12/2004	K28NHB1	Đà Nẵng	7.7	Khá	247	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206700567	Nguyễn Ngô Hạ Đan	08/07/2004	K28NHB1	Đà Nẵng	7.6	Khá	248	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206750515	Nguyễn Ngọc Hải Yến	20/11/2004	K28NHB1	Bình Định	7.7	Khá	249	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206752710	Nguyễn Phạm Nhật Vi	26/11/2004	K28NHB1	Quảng Nam	8.1	Giỏi	250	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206703306	Nguyễn Thị Huyền Trang	10/08/2004	K28NHB1	Đắk Lắk	8.5	Giỏi	251	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206726875	Nguyễn Thị Ánh Diệu	17/09/2004	K28NHB1	Đà Nẵng	7.7	Khá	252	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN
Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (ký vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28206521938	Nguyễn Thị Hà My	08/05/2004	K28NHB1	Quảng Trị	8.6	Giỏi	253	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206703211	Nguyễn Thị Hương Giang	31/10/2004	K28NHB1	Gia Lai	8.3	Giỏi	254	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206604451	Nguyễn Thị Hương Trà	27/01/2004	K28NHB1	Hà Tĩnh	7.6	Khá	255	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206702621	Nguyễn Thị Kim Liên	09/04/2004	K28NHB1	Gia Lai	8.2	Giỏi	256	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206700960	Nguyễn Thị Linh	15/02/2004	K28NHB1	Nghệ An	8.4	Giỏi	257	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206705908	Nguyễn Thị Minh Thu	24/03/2004	K28NHB1	Đà Nẵng	8.4	Giỏi	258	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206736044	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	03/01/2004	K28NHB1	Quảng Nam	7.5	Khá	259	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206752237	Nguyễn Thị Thùy Dương	25/10/2004	K28NHB1	Quảng Nam	8.1	Giỏi	260	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206703052	Nguyễn Thư Như Quỳnh	23/04/2004	K28NHB1	Khánh Hòa	8.4	Giỏi	261	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206546387	Phạm Ngọc Yến	26/09/2004	K28NHB1	Quảng Nam	8.5	Giỏi	262	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206701247	Phạm Nguyễn Thảo My	23/04/2004	K28NHB1	Quảng Nam	8.4	Giỏi	263	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28211138553	Phạm Trung Đệ	22/01/2004	K28NHB1	Nghệ An	8.2	Giỏi	264	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28208026109	Trần Nguyễn Thanh Tâm	01/09/2004	K28NHB1	Quảng Nam	8.6	Giỏi	265	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206738500	Trần Nguyễn Thảo Vy	02/07/2004	K28NHB1	Quảng Nam	7.9	Khá	266	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206702044	Trần Thị Mỹ Duyên	15/08/2004	K28NHB1	Quảng Nam	8.2	Giỏi	267	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206503999	Trần Thị Thùy Vân	20/01/2004	K28NHB1	Quảng Trị	7.7	Khá	268	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
27213845235	Trần Thủy Linh	22/08/2003	K28NHB1	Bình Định	8.3	Giỏi	269	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206703531	Trần Tú Uyên	31/05/2004	K28NHB1	Đà Nẵng	8.1	Giỏi	270	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216734938	Trương Thị Thành Tâm	10/05/2004	K28NHB1	Đà Nẵng	8.1	Giỏi	271	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206522199	Trương Thu Hảo	20/11/2004	K28NHB1	Bình Định	8.3	Giỏi	272	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206701817	Vũ Lê Trà My	08/09/2004	K28NHB1	Kon Tum	8.6	Giỏi	273	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28208150111	Đặng Như Quỳnh	01/01/2004	K28NHB2	Quảng Bình	8.2	Giỏi	274	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206750131	Đào Thị Thúy Nga	19/06/2004	K28NHB2	Đắk Lắk	7.9	Khá	275	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206500153	Đoàn Thúy Huyền	24/09/2004	K28NHB2	Quảng Nam	7.9	Khá	276	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28209100861	Hồ Thị Thu Thảo	25/01/2004	K28NHB2	Gia Lai	8.0	Giỏi	277	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206706940	Hoàng Phúc Bảo Châu	14/10/2004	K28NHB2	Quảng Bình	8.2	Giỏi	278	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206754749	Huỳnh Thị Kim Hậu	20/10/2004	K28NHB2	Quảng Nam	7.3	Khá	279	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206724477	Lê Huỳnh Hoa	22/06/2004	K28NHB2	Đà Nẵng	7.9	Khá	280	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206752409	Lê Huỳnh Như Mai	02/06/2004	K28NHB2	Đà Nẵng	8.2	Giỏi	281	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28208003560	Lê Thị Mỹ Hạnh	21/05/2004	K28NHB2	Quảng Nam	8.4	Giỏi	282	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206725226	Lê Thị Thanh Thảo	15/12/2004	K28NHB2	Nghệ An	7.3	Khá	283	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206752549	Lữ Thị Như Quỳnh	03/12/2004	K28NHB2	Quảng Bình	8.2	Giỏi	284	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206704473	Nguyễn Diệu Nga	02/11/2004	K28NHB2	Quảng Trị	8.0	Giỏi	285	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28208028058	Nguyễn Ngọc Phương Như	09/06/2004	K28NHB2	Đắk Lắk	8.0	Giỏi	286	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206702548	Nguyễn Phương Linh	18/03/2004	K28NHB2	Quảng Trị	8.4	Giỏi	287	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206722852	Nguyễn Thanh Ngân	20/02/2004	K28NHB2	Bình Định	7.8	Khá	288	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN
Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (ký vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28206752534	Nguyễn Thị Ngọc Lê	05/10/2004	K28NHB2	Hà Tĩnh	8.4	Giỏi	289	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206739433	Nguyễn Thị Nhung	14/02/2004	K28NHB2	Nghệ An	7.3	Khá	290	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204602788	Nguyễn Thị Thọ	02/05/2004	K28NHB2	Quảng Nam	8.2	Giỏi	291	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206749615	Nguyễn Thị Thu Thanh	01/01/2004	K28NHB2	Quảng Nam	7.6	Khá	292	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206700165	Nguyễn Thị Thu Trang	24/10/2004	K28NHB2	Quảng Nam	7.0	Khá	293	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206754472	Nguyễn Thị Thùy Linh	05/09/2004	K28NHB2	Thừa Thiên Huế	8.2	Giỏi	294	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206700489	Nguyễn Thị Trà My	20/03/2004	K28NHB2	Bình Định	7.9	Khá	295	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206702887	Nguyễn Thị Tường Vi	11/02/2004	K28NHB2	Quảng Nam	7.9	Khá	296	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206705624	Nguyễn Trần Anh Thư	24/05/2004	K28NHB2	Quảng Nam	8.6	Giỏi	297	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28218001419	Nguyễn Văn Lợi	25/07/2004	K28NHB2	Quảng Bình	7.5	Khá	298	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206700862	Phan Thị Hà Mi	23/01/2004	K28NHB2	Quảng Trị	8.2	Giỏi	299	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206701707	Phan Thị Kiều Hân	24/07/2004	K28NHB2	Kon Tum	7.4	Khá	300	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
26203842724	Phan Thị Nhật Quyên	13/04/2002	K28NHB2	Quảng Trị	7.9	Khá	301	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206752644	Phan Thị Nhật Trang	03/09/2004	K28NHB2	Quảng Nam	8.1	Giỏi	302	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206502854	Phan Thị Tuyết Sương	25/11/2004	K28NHB2	Quảng Nam	7.9	Khá	303	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206700481	Phan Trà Hoa Lê	18/09/2004	K28NHB2	Quảng Nam	7.0	Khá	304	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206731865	Tôn Nữ Trâm Anh	28/10/2004	K28NHB2	Đà Nẵng	8.4	Giỏi	305	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206752617	Trần Ngọc Trâm	01/07/2004	K28NHB2	Bình Định	8.1	Giỏi	306	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206204204	Trần Thị Hương Giang	17/06/2004	K28NHB2	Quảng Nam	8.2	Giỏi	307	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206700584	Trần Thị Lộc Uyên	07/02/2004	K28NHB2	Quảng Nam	8.0	Giỏi	308	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206725679	Trần Thị Thùy Trang	06/05/2004	K28NHB2	Quảng Nam	7.3	Khá	309	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206548971	Văn Thị Thanh Tâm	02/11/2004	K28NHB2	Quảng Trị	7.8	Khá	310	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206700753	Võ Thị Kim Thoa	30/04/2004	K28NHB2	Quảng Nam	7.5	Khá	311	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206550775	Võ Thị Ly Na	18/09/2004	K28NHB2	Đà Nẵng	8.1	Giỏi	312	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206752238	Võ Thị Mỹ Hạnh	28/12/2004	K28NHB2	Quảng Ngãi	8.3	Giỏi	313	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206701006	Đỗ Thị Hiền	19/06/2004	K28NHB3	Quảng Ngãi	7.9	Khá	314	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206703633	Đoàn Thị Bích Liên	14/08/2004	K28NHB3	Quảng Nam	8.3	Giỏi	315	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28208231386	Dương Lý Trúc Quỳnh	16/12/2003	K28NHB3	Đắk Lắk	8.3	Giỏi	316	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206702043	Hồ Thị Thúy Ngọc	02/02/2004	K28NHB3	Đắk Lắk	8.0	Giỏi	317	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206705314	Hồ Thị Tuyết Thanh	20/12/2004	K28NHB3	Quảng Nam	7.6	Khá	318	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206750669	Hoàng Thị Thảo	14/04/2004	K28NHB3	Quảng Trị	8.4	Giỏi	319	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28208101109	Huỳnh Thị Thùy Trang	24/07/2004	K28NHB3	Quảng Nam	8.3	Giỏi	320	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204804190	Lê Bảo Hân	20/08/2004	K28NHB3	Bình Định	8.6	Giỏi	321	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206738095	Lê Nguyễn Tường Vy	28/09/2004	K28NHB3	Quảng Nam	8.2	Giỏi	322	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206704844	Lê Thị Ngọc Huyền	20/03/2004	K28NHB3	Quảng Nam	7.8	Khá	323	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
27203334163	Lê Thị Thu Hường	17/03/2003	K28NHB3	Quảng Trị	8.6	Giỏi	324	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN
Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (ký vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28208004946	Lê Triệu Vy	13/02/2004	K28NHB3	Quảng Trị	8.2	Giỏi	325	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206703782	Lưu Thị Trang	16/04/2004	K28NHB3	Kon Tum	8.0	Giỏi	326	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204940006	Nguyễn Anh Thi	20/10/2004	K28NHB3	Gia Lai	7.8	Khá	327	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206703639	Nguyễn Ngọc Trinh	25/08/2004	K28NHB3	Bình Định	7.8	Khá	328	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206752620	Nguyễn Ngọc Tường Vy	28/12/2004	K28NHB3	Quảng Bình	7.3	Khá	329	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204136446	Nguyễn Nhân Tâm	22/06/2004	K28NHB3	Quảng Nam	8.3	Giỏi	330	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204600267	Nguyễn Phương Trinh	05/09/2004	K28NHB3	Quảng Nam	8.2	Giỏi	331	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206551238	Nguyễn Thị Hoàng	15/10/2003	K28NHB3	Thừa Thiên Huế	7.9	Khá	332	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206500535	Nguyễn Thị Lệ Mỹ	22/07/2004	K28NHB3	Đắk Lắk	8.0	Giỏi	333	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28205224358	Nguyễn Thị Phương Thảo	01/06/2004	K28NHB3	Quảng Trị	8.2	Giỏi	334	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206504158	Nguyễn Thị Thanh Ngân	25/12/2004	K28NHB3	Quảng Nam	8.4	Giỏi	335	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206746067	Nguyễn Thị Thanh Trúc	08/03/2004	K28NHB3	Quảng Nam	8.4	Giỏi	336	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206506937	Nguyễn Thị Thảo Quyên	14/08/2004	K28NHB3	Quảng Nam	7.8	Khá	337	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204401811	Nguyễn Thị Thùy Trâm	03/08/2003	K28NHB3	Quảng Ngãi	7.3	Khá	338	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206752359	Nguyễn Thủy Linh	15/08/2004	K28NHB3	Nghệ An	7.9	Khá	339	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206704034	Phạm Thị Phương Thảo	11/04/2004	K28NHB3	Hà Tĩnh	8.4	Giỏi	340	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206754357	Thái Nguyễn Thùy Dung	06/05/2004	K28NHB3	Nghệ An	8.1	Giỏi	341	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216704189	Tôn Thị Út Trinh	29/11/2004	K28NHB3	Quảng Ngãi	7.9	Khá	342	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28208000126	Trần Thị Huyền Trang	10/05/2004	K28NHB3	Đắk Lắk	7.8	Khá	343	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206722997	Trần Thị Minh Tâm	18/09/2004	K28NHB3	Quảng Ngãi	8.2	Giỏi	344	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206303363	Trần Thị Thanh Tuyền	16/10/2004	K28NHB3	Quảng Nam	8.2	Giỏi	345	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206704775	Trần Thị Thuỳ Oanh	30/06/2004	K28NHB3	Quảng Nam	8.5	Giỏi	346	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206752410	Võ Linh Mơ	11/06/2004	K28NHB3	Bình Định	8.1	Giỏi	347	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206703436	Bùi Thị Thảo Vi	29/09/2004	K28NHB4	Quảng Nam	8.1	Giỏi	348	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206705042	Cao Thị Thu Hương	22/10/2004	K28NHB4	Quảng Nam	8.2	Giỏi	349	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206726573	Đào Ngọc Thùy	18/05/2004	K28NHB4	Đà Nẵng	8.1	Giỏi	350	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206705762	Đỗ Thị Trâm	05/02/2004	K28NHB4	Quảng Trị	7.9	Khá	351	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206550581	Đoàn Thị Phúc	26/09/2004	K28NHB4	Quảng Nam	8.0	Giỏi	352	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206704416	Dương Thị Mỹ Kiều	21/03/2004	K28NHB4	Gia Lai	8.4	Giỏi	353	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28207133184	Hồ Thị Thu Thủy	17/07/2004	K28NHB4	Quảng Trị	8.3	Giỏi	354	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206752474	Huỳnh Thị Hoàng Hương	03/09/2004	K28NHB4	Quảng Nam	8.1	Giỏi	355	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28205203006	Ksor Nguyễn Bảo Ngọc	09/10/2004	K28NHB4	Gia Lai	7.5	Khá	356	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206744822	Lê Thanh Kiều	06/08/2004	K28NHB4	Gia Lai	7.7	Khá	357	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206750962	Lê Thị Lệ Quyên	28/12/2004	K28NHB4	Gia Lai	7.7	Khá	358	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206704498	Lê Thị Phương Thư	11/09/2004	K28NHB4	Quảng Nam	8.1	Giỏi	359	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206706153	Lê Thị Thanh Huyền	16/10/2004	K28NHB4	Quảng Bình	8.0	Giỏi	360	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN
Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (ký vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28206702069	Mai Thu Hiền	07/05/2004	K28NHB4	Đắk Lắk	7.3	Khá	361	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
27207125789	Nguyễn Hoàng Văn Linh	19/08/2003	K28NHB4	Đà Nẵng	7.8	Khá	362	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206533508	Nguyễn Thị Hạ Vy	23/11/2004	K28NHB4	Đà Nẵng	8.0	Giỏi	363	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206702994	Nguyễn Thị Ngọc Yến	08/01/2002	K28NHB4	Thừa Thiên Huế	8.1	Giỏi	364	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216702992	Phan Hồng Sơn	04/06/2004	K28NHB4	Quảng Nam	8.3	Giỏi	365	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206605047	Thái Thúy Hiền	27/09/2003	K28NHB4	Nghệ An	8.0	Giỏi	366	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216703259	Trần Thị Tinh	21/04/2004	K28NHB4	Quảng Trị	8.0	Giỏi	367	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206705985	Trương Thị Uyên	04/08/2004	K28NHB4	Hà Tĩnh	7.3	Khá	368	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206740964	Võ Châu Giang	01/12/2004	K28NHB4	Đắk Lắk	7.8	Khá	369	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206500883	Võ Thị Gia Lưu	03/10/2004	K28NHB4	Quảng Ngãi	7.6	Khá	370	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206200633	Võ Thị Hậu	02/03/2004	K28NHB4	Quảng Bình	7.9	Khá	371	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206750593	Bạch Thị Diễm Quỳnh	30/07/2003	K28NHB5	Thừa Thiên Huế	8.4	Giỏi	372	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206706507	Bùi Thị Ly	17/07/2003	K28NHB5	Quảng Nam	8.3	Giỏi	373	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206751649	Đỗ Thị Minh Hòa	18/10/2004	K28NHB5	Đà Nẵng	8.1	Giỏi	374	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
27213826745	Dương Xuân Bình	13/11/2000	K28NHB5	Bình Phước	7.9	Khá	375	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
27203800912	Hà Băng Băng	28/01/2003	K28NHB5	Đồng Nai	8.2	Giỏi	376	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206749441	Hồ Thị Tú Trinh	30/07/2004	K28NHB5	Thừa Thiên Huế	8.0	Giỏi	377	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206754233	Lê Thị Nhi	25/05/2004	K28NHB5	Thừa Thiên Huế	8.5	Giỏi	378	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204302891	Lê Trần Hà Phương	12/08/2004	K28NHB5	Quảng Trị	8.3	Giỏi	379	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206754728	Ngô Thị Hồng Trinh	06/05/2004	K28NHB5	Quảng Nam	8.4	Giỏi	380	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206702060	Ngô Trúc Quỳnh	17/12/2004	K28NHB5	Bình Định	8.0	Giỏi	381	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28212351396	Nguyễn Anh Quân	17/03/2004	K28NHB5	Quảng Bình	8.4	Giỏi	382	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206754417	Nguyễn Hoàng Như Thảo	12/05/2004	K28NHB5	Thừa Thiên Huế	7.6	Khá	383	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28215130347	Nguyễn Hữu Hải	01/05/2004	K28NHB5	Quảng Nam	8.4	Giỏi	384	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204647695	Nguyễn Ngọc Trà My	25/10/2004	K28NHB5	Quảng Nam	8.0	Giỏi	385	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204644799	Nguyễn Quý Minh	12/01/2004	K28NHB5	Bình Định	8.4	Giỏi	386	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28208103686	Nguyễn Thị Anh Thư	23/04/2004	K28NHB5	Quảng Nam	8.2	Giỏi	387	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
26207227831	Nguyễn Thị Anh Thư	26/10/2002	K28NHB5	Đà Nẵng	7.9	Khá	388	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206701219	Nguyễn Thị Duyên	06/03/2003	K28NHB5	Nghệ An	8.4	Giỏi	389	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206754637	Nguyễn Thị Hồng Thúy	09/04/2004	K28NHB5	Quảng Bình	8.5	Giỏi	390	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206701309	Nguyễn Thị Hồng Vân	20/01/2003	K28NHB5	Quảng Nam	8.5	Giỏi	391	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206746199	Nguyễn Thị Mỹ	24/11/2003	K28NHB5	Bình Định	7.7	Khá	392	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206736150	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	15/02/2004	K28NHB5	Bình Định	7.4	Khá	393	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206704116	Nguyễn Thị Phương Thảo	13/10/2004	K28NHB5	Thanh Hóa	7.8	Khá	394	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
27207153936	Nguyễn Thị Thu Hiền	07/07/2003	K28NHB5	Bình Dương	8.6	Giỏi	395	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204300857	Nguyễn Thị Trà My	18/10/2003	K28NHB5	Quảng Bình	8.4	Giỏi	396	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN
Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (ký vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28206754500	Nguyễn Thị Tuyên	22/04/2004	K28NHB5	Quảng Nam	8.1	Giỏi	397	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206752619	Nguyễn Thị Tuyết Tường	08/09/2004	K28NHB5	Bình Định	8.5	Giỏi	398	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206754633	Phạm Thị Quỳnh Châu	05/01/2004	K28NHB5	Quảng Trị	8.3	Giỏi	399	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28203680319	Phạm Xuân Mai	27/01/2004	K28NHB5	Quảng Trị	7.7	Khá	400	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204648077	Phan Thị Ngọc Hải	02/04/2004	K28NHB5	Thừa Thiên Huế	8.4	Giỏi	401	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206705080	Quảng Thị Hoàng Ngân	22/08/2004	K28NHB5	Quảng Nam	8.4	Giỏi	402	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206502758	Trần Đăng Thị Khánh Tâm	25/12/2004	K28NHB5	Quảng Nam	8.2	Giỏi	403	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206700382	Trần Hoàng Gia Vy	25/04/2004	K28NHB5	Đà Nẵng	8.5	Giỏi	404	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28205102875	Trần Thảo Vân	01/06/2004	K28NHB5	Quảng Trị	8.1	Giỏi	405	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206750745	Trần Thị Thanh Trà	19/05/2003	K28NHB5	Đà Nẵng	8.6	Giỏi	406	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206703007	Trần Thị Thu Vương	02/12/2003	K28NHB5	Đà Nẵng	7.9	Khá	407	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206501784	Võ Thị Hoài	04/11/2003	K28NHB5	Quảng Bình	7.7	Khá	408	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206749944	Võ Thị Thuý Vân	20/07/2003	K28NHB5	Quảng Nam	8.3	Giỏi	409	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
27207101038	Vương Thị Thu Hà	28/07/2003	K28NHB5	Bình Phước	8.5	Giỏi	410	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206702973	Bùi Thị Thùy Linh	19/09/2004	K28NHD	Kon Tum	7.5	Khá	411	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216735929	Đoàn Duy Tấn	17/02/2004	K28NHD	Quảng Nam	8.1	Giỏi	412	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206744957	Huỳnh Thị Ngọc Quyền	01/12/2004	K28NHD	Đà Nẵng	8.1	Giỏi	413	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206748405	Nguyễn Hà Thanh Thảo	19/07/2004	K28NHD	Quảng Nam	7.9	Khá	414	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206706124	Nguyễn Thị Lan Anh	19/02/2004	K28NHD	Quảng Bình	8.0	Giỏi	415	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28208003655	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	17/02/2004	K28NHD	Đắk Lắk	7.6	Khá	416	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206702707	Nguyễn Thương Doanh	09/11/2004	K28NHD	Quảng Ngãi	7.8	Khá	417	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206736695	Phạm Thị Linh Đan	25/04/2004	K28NHD	Đà Nẵng	8.3	Giỏi	418	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206235906	Trần Thị Thu Xuân	31/03/2004	K28NHD	Đắk Lắk	7.9	Khá	419	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216627273	Trần Văn Thanh	06/02/2004	K28NHD	Đà Nẵng	8.1	Giỏi	420	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
27203828098	Trương Bảo Đình	21/07/2003	K28NHD	Quảng Bình	7.4	Khá	421	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206740096	Trương Thị Kiều Trang	21/07/2004	K28NHD	Đà Nẵng	7.4	Khá	422	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206705306	Trương Thị Kiều Trinh	05/03/2004	K28NHD	Quảng Trị	8.5	Giỏi	423	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206749930	Bùi Lê Phương Anh	19/06/2004	K28NHT	Quảng Trị	8.5	Giỏi	424	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206751109	Hồ Thị Xuân Thanh	14/03/2004	K28NHT	Gia Lai	7.9	Khá	425	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206703767	Huỳnh Thị Linh Chi	21/08/2004	K28NHT	Gia Lai	7.9	Khá	426	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206754688	Lê Nguyễn Khánh Linh	08/12/2004	K28NHT	Thừa Thiên Huế	8.5	Giỏi	427	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206704087	Lê Thị Hoài Thanh	01/03/2004	K28NHT	Phú Yên	7.9	Khá	428	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206700882	Lê Thị Khánh Huyền	10/01/2004	K28NHT	Quảng Bình	8.4	Giỏi	429	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206945033	Lê Thị Việt Thao	10/07/2004	K28NHT	Quảng Bình	8.3	Giỏi	430	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206541123	Lê Thị Vy	22/02/2004	K28NHT	Quảng Nam	7.6	Khá	431	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204603309	Lê Thu Na	17/04/2004	K28NHT	Quảng Nam	7.7	Khá	432	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN
Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (ký vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28204700879	Lê Thùy Hương Giang	11/03/2004	K28NHT	Gia Lai	8.0	Giỏi	433	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28205136597	Lê Trà My	06/05/2004	K28NHT	Quảng Ngãi	8.4	Giỏi	434	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206705556	Lương Thị Thuận	12/03/2004	K28NHT	Quảng Nam	8.2	Giỏi	435	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206704967	Ngô Thị Kim Quy	29/11/2004	K28NHT	Quảng Ngãi	8.3	Giỏi	436	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206702092	Nguyễn Ái Viên	08/12/2003	K28NHT	Bình Định	7.7	Khá	437	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206701375	Nguyễn Khánh Vy	09/05/2004	K28NHT	Kon Tum	8.1	Giỏi	438	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206754267	Nguyễn Thị Minh Chi	12/04/2004	K28NHT	Hà Tĩnh	8.3	Giỏi	439	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206206778	Nguyễn Thị Phương Nguyệt	12/05/2004	K28NHT	Quảng Nam	8.3	Giỏi	440	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206701180	Nguyễn Thị Thanh Thảo	19/10/2004	K28NHT	Đà Nẵng	7.1	Khá	441	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206702751	Nguyễn Thị Thu Huyền	03/12/2004	K28NHT	Quảng Nam	8.4	Giỏi	442	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216734893	Nguyễn Trà Mi	08/02/2004	K28NHT	Quảng Ngãi	7.7	Khá	443	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204642489	Phạm Thị Phương Sao	09/01/2004	K28NHT	Quảng Trị	8.1	Giỏi	444	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204345765	Phạm Thị Tường Vy	08/11/2004	K28NHT	Quảng Nam	8.2	Giỏi	445	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206737356	Trần Thị Hoài Thương	04/10/2004	K28NHT	Quảng Bình	8.1	Giỏi	446	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206754556	Trần Thị Thuý Linh	18/11/2004	K28NHT	Hà Tĩnh	7.9	Khá	447	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206735322	Võ Thị Ngọc Thư	07/10/2004	K28NHT	Hà Tĩnh	8.2	Giỏi	448	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216901083	Cao Gia Huy	13/11/2004	K28NNB	Khánh Hòa	8.6	Giỏi	449	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206951494	Châu Thị Mai Linh	27/04/2003	K28NNB	Phú Yên	8.2	Giỏi	450	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206944281	Đặng An Hoà	22/12/2004	K28NNB	Đà Nẵng	8.2	Giỏi	451	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206903011	Đặng Phương Uyên	20/10/2004	K28NNB	Gia Lai	7.8	Khá	452	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
27217500050	Diệp Thế Khải	04/07/2003	K28NNB	Đà Nẵng	7.8	Khá	453	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28217354420	Đoàn Anh Tuấn	10/02/2004	K28NNB	Quảng Nam	7.7	Khá	454	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206952191	Hồ Hoàng Tổ Quyên	05/10/2004	K28NNB	Bình Định	8.1	Giỏi	455	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206952371	Hoàng Thị Minh Thư	15/02/2004	K28NNB	Quảng Bình	8.1	Giỏi	456	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
27207643283	Huỳnh Vũ Huyền Trân	07/11/2003	K28NNB	Lâm Đồng	8.2	Giỏi	457	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206900885	Lê Đỗ Trà My	12/07/2001	K28NNB	Đà Nẵng	8.4	Giỏi	458	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204702030	Lê Mỹ Duyên	13/12/2004	K28NNB	Khánh Hòa	8.7	Giỏi	459	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206900731	Lê Nguyễn Như Ngọc	04/08/2004	K28NNB	Bình Phước	8.3	Giỏi	460	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206205429	Lê Nhật Tổ Quyên	04/02/2004	K28NNB	Bình Định	8.3	Giỏi	461	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206906115	Lê Thị Hồng Linh	02/10/1999	K28NNB	Quảng Trị	8.4	Giỏi	462	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206903683	Lương Thị Hồng Vy	17/07/2004	K28NNB	Quảng Ngãi	8.5	Giỏi	463	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216902935	Lương Trọng Phúc	01/11/2004	K28NNB	Quảng Nam	8.6	Giỏi	464	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206900458	Ngô Phạm Minh Thư	22/12/2004	K28NNB	Bình Định	8.4	Giỏi	465	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206901380	Nguyễn Quỳnh Hương	11/12/2002	K28NNB	Gia Lai	7.9	Khá	466	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206951279	Nguyễn Thị Hiền Xinh	16/07/2000	K28NNB	Gia Lai	7.2	Khá	467	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206952192	Nguyễn Thị Hồng Thắm	12/11/2004	K28NNB	Quảng Nam	8.1	Giỏi	468	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN
Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (ký vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28206945506	Nguyễn Thị Linh	16/07/2004	K28NNB	Đắk Lắk	7.8	Khá	469	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206106424	Nguyễn Thị Loan	14/06/2004	K28NNB	Quảng Nam	8.1	Giỏi	470	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206901941	Nguyễn Thị Thắm	04/03/2004	K28NNB	Quảng Nam	8.5	Giỏi	471	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204537684	Nguyễn Thị Thanh Dương	23/02/2004	K28NNB	Đà Nẵng	7.9	Khá	472	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206920331	Nguyễn Võ Tuyết Quỳnh	16/10/2004	K28NNB	Đà Nẵng	8.5	Giỏi	473	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
27207544291	Phan Thị Minh Trang	22/03/2003	K28NNB	Đà Nẵng	8.2	Giỏi	474	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
27207550395	Phùng Thị Hồng Chi	03/12/2003	K28NNB	Khánh Hòa	7.7	Khá	475	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206950316	Trần Ngọc Ánh	15/06/2004	K28NNB	Kon Tum	7.4	Khá	476	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206701346	Trần Thị Bích Trâm	09/09/2004	K28NNB	Quảng Nam	8.5	Giỏi	477	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28208126252	Trần Thị Nhật Linh	07/10/2004	K28NNB	Quảng Bình	8.7	Giỏi	478	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204639966	Trần Thị Thu Hồng	07/03/2004	K28NNB	Quảng Nam	8.2	Giỏi	479	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206900988	Võ Thị Phương Ngọc	09/09/2004	K28NNB	Nghệ An	7.9	Khá	480	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206801355	Cao Thị Bích Nga	08/01/2004	K28NNT	Quảng Ngãi	7.5	Khá	481	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206904809	Đào Trà Ly	26/03/2004	K28NNT	Hà Tĩnh	8.1	Giỏi	482	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206705524	Đinh Thị Ly Na	14/02/2004	K28NNT	Quảng Nam	8.1	Giỏi	483	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214304080	Lê Hoàng Tổ Uyên	04/07/2004	K28NNT	Đà Nẵng	7.4	Khá	484	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206951036	Lê Thị Phương Uyên	23/05/2004	K28NNT	Quảng Trị	8.4	Giỏi	485	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204644419	Lê Thị Tú Trinh	07/11/2004	K28NNT	Quảng Nam	7.9	Khá	486	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206904288	Mai Thị Thu Huyền	17/07/2004	K28NNT	Quảng Ngãi	8.3	Giỏi	487	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28205131373	Ngô Ngọc Phương Anh	06/05/2004	K28NNT	Đà Nẵng	7.4	Khá	488	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
27212140466	Nguyễn Nhật Trường	16/05/2003	K28NNT	Quảng Ngãi	7.7	Khá	489	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204601457	Nguyễn Thị Thanh Bình	13/12/2004	K28NNT	Quảng Nam	6.9	TB Khá	490	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206743305	Nguyễn Thị Trúc Linh	03/10/2004	K28NNT	Quảng Nam	7.9	Khá	491	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206952311	Nguyễn Thị Tuyết Minh	08/03/2004	K28NNT	Quảng Ngãi	8.1	Giỏi	492	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216901035	Nguyễn Xuân Nam	21/12/2003	K28NNT	Gia Lai	7.5	Khá	493	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206900023	Tạ Thị Vi Hân	08/02/2004	K28NNT	Quảng Nam	7.4	Khá	494	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216906485	Trần Quốc Trường	14/11/2004	K28NNT	Bình Định	8.4	Giỏi	495	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206904575	Trần Thị My Ly	27/05/2004	K28NNT	Quảng Nam	7.5	Khá	496	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206903434	Trần Thị Ngân Lượng	29/04/2004	K28NNT	Phú Yên	8.4	Giỏi	497	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206954536	Trần Thị Thùy Vinh	09/11/2004	K28NNT	Bình Định	7.7	Khá	498	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216905882	Trần Văn Tuấn	27/08/2004	K28NNT	Quảng Ngãi	7.1	Khá	499	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
27203342189	Dương Xuân Quỳnh	29/10/2003	K28NTB	Quảng Nam	8.3	Giỏi	500	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206554078	Cao Thị Hoài Phương	07/07/2004	K28NTB1	Hà Tĩnh	8.5	Giỏi	501	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206549800	Đặng Thị Mỹ Anh	19/08/2004	K28NTB1	Quảng Trị	8.0	Giỏi	502	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206500818	Đào Huỳnh Yên Ly	17/04/2004	K28NTB1	Lâm Đồng	8.8	Giỏi	503	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206550104	Đinh Thị Khánh Ly	03/02/2004	K28NTB1	Hà Tĩnh	7.9	Khá	504	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN
Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (ký vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28206533980	Đỗ Hoàng Khuyên	15/11/2004	K28NTB1	Quảng Nam	8.1	Giỏi	505	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206500218	Đoàn Khánh Ly	08/04/2004	K28NTB1	Quảng Trị	8.4	Giỏi	506	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206525258	Dương Phạm Như Vy	24/08/2004	K28NTB1	Gia Lai	8.5	Giỏi	507	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206553331	Hoàng Châu Ly	18/01/2004	K28NTB1	Quảng Trị	8.3	Giỏi	508	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206937222	Lê Ngọc May	07/06/2004	K28NTB1	Đà Nẵng	8.5	Giỏi	509	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216502376	Lê Thanh Thu Nhung	15/10/2004	K28NTB1	Gia Lai	8.3	Giỏi	510	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206553667	Lê Thị Minh Ngọc	22/09/2004	K28NTB1	Quảng Trị	8.4	Giỏi	511	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206501788	Lê Thị Quỳnh Như	16/07/2004	K28NTB1	Quảng Bình	8.9	Giỏi	512	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206245963	Lê Thị Thanh Nhân	11/07/2004	K28NTB1	Quảng Trị	8.3	Giỏi	513	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206552076	Nguyễn Chế Nam Trần	28/04/2004	K28NTB1	Thừa Thiên Huế	8.6	Giỏi	514	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206551989	Nguyễn Thị Anh Thơ	23/08/2004	K28NTB1	Quảng Ngãi	8.1	Giỏi	515	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206537809	Nguyễn Thị Hà Phương	07/07/2004	K28NTB1	Quảng Nam	8.4	Giỏi	516	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206537606	Nguyễn Thị Hồng Ngân	02/07/2004	K28NTB1	Thừa Thiên Huế	7.9	Khá	517	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206505277	Nguyễn Thị Lệ Thu	09/08/2004	K28NTB1	Quảng Trị	8.0	Giỏi	518	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206900642	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	16/01/2004	K28NTB1	Bình Định	8.1	Giỏi	519	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206506471	Nguyễn Thị Ngọc Nữ	13/12/2004	K28NTB1	Thừa Thiên Huế	8.8	Giỏi	520	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206205511	Nguyễn Thị Ngọc Thư	29/12/2004	K28NTB1	Khánh Hòa	7.8	Khá	521	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206552254	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	09/01/2004	K28NTB1	Quảng Nam	8.8	Giỏi	522	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206531527	Nguyễn Thị Thảo Giang	03/02/2004	K28NTB1	Nghệ An	8.2	Giỏi	523	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28208100854	Nguyễn Thị Thảo Nhi	14/12/2004	K28NTB1	Quảng Trị	8.2	Giỏi	524	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204624974	Nguyễn Thị Trúc Linh	21/03/2004	K28NTB1	Quảng Ngãi	8.7	Giỏi	525	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206503599	Nguyễn Văn Anh	19/01/2004	K28NTB1	Nghệ An	8.5	Giỏi	526	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
27203339199	Phạm Thị Kim Phượng	22/11/2003	K28NTB1	Thừa Thiên Huế	8.1	Giỏi	527	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206503013	Phạm Thị Thu Thảo	30/06/2004	K28NTB1	Quảng Bình	8.5	Giỏi	528	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206500423	Phạm Văn Giang	04/12/2004	K28NTB1	Quảng Nam	8.6	Giỏi	529	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206204300	Phan Thanh Thúy	20/12/2004	K28NTB1	Bình Định	8.3	Giỏi	530	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206503993	Phan Thị Kim Quý	30/08/2004	K28NTB1	Gia Lai	8.0	Giỏi	531	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206506809	Thủy Mai Cẩm Tú	29/01/2004	K28NTB1	Quảng Nam	8.3	Giỏi	532	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206506984	Trần Đặng Uyên Thi	08/09/2004	K28NTB1	Kon Tum	7.8	Khá	533	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206552757	Trần Lê Yến Nhi	11/02/2004	K28NTB1	Quảng Nam	8.1	Giỏi	534	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216520600	Trần Thị Khánh Quỳnh	09/10/2004	K28NTB1	Đà Nẵng	8.3	Giỏi	535	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206503170	Trần Thị Kim Oanh	28/07/2004	K28NTB1	Phú Yên	8.4	Giỏi	536	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206551221	Trần Thị Thu	29/04/2004	K28NTB1	Quảng Nam	8.6	Giỏi	537	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206550746	Trần Thị Thu Loan	21/12/2004	K28NTB1	Quảng Nam	8.3	Giỏi	538	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28208005544	Trương Thị Thành Thơ	01/09/2004	K28NTB1	Thừa Thiên Huế	8.1	Giỏi	539	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206506969	Đặng Huỳnh Lệ Quyên	07/11/2004	K28NTB2	Quảng Nam	8.2	Giỏi	540	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN
Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (ký vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28206553134	Đặng Thị Mỹ Diên	20/06/2004	K28NTB2	Quảng Ngãi	7.9	Khá	541	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206553073	Đinh Thị Hồng Anh	11/08/2004	K28NTB2	Quảng Nam	7.8	Khá	542	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206503491	Dương Thụy Xu Ny	20/03/2004	K28NTB2	Bình Định	8.4	Giỏi	543	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204605246	Hồ Thị Mỹ Trinh	15/01/2004	K28NTB2	Quảng Trị	8.2	Giỏi	544	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204604271	Hứa Ngọc Tường Vi	07/01/2004	K28NTB2	Quảng Nam	7.9	Khá	545	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206545315	Huỳnh Thị Hồng Nhung	22/04/2004	K28NTB2	Đà Nẵng	7.5	Khá	546	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206504530	Lê Cẩm Tú	11/04/2004	K28NTB2	Nghệ An	8.5	Giỏi	547	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206506176	Lê Cao Quỳnh Nhi	28/12/2004	K28NTB2	Đắk Lắk	8.0	Giỏi	548	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206501780	Lê Thị Kiều Oanh	03/04/2004	K28NTB2	Quảng Trị	8.3	Giỏi	549	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206504683	Lê Thị Như Quỳnh	11/11/2004	K28NTB2	Quảng Nam	7.3	Khá	550	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206903291	Lê Thị Như Quỳnh	07/01/2004	K28NTB2	Bình Định	8.6	Giỏi	551	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216502661	Lê Văn Tài	27/03/2004	K28NTB2	Quảng Ngãi	8.0	Giỏi	552	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206545707	Mai Trần Thanh Tâm	23/03/2004	K28NTB2	Quảng Nam	8.7	Giỏi	553	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206236493	Ngô Thị Kim Vân	15/10/2004	K28NTB2	Quảng Nam	8.3	Giỏi	554	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206552077	Nguyễn Đào Nguyên Trinh	01/03/2002	K28NTB2	Hà Tĩnh	8.1	Giỏi	555	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206501925	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	25/10/2004	K28NTB2	Quảng Ngãi	7.8	Khá	556	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206502542	Nguyễn Thị Thảo My	20/05/2004	K28NTB2	Kon Tum	8.5	Giỏi	557	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206500537	Nguyễn Thị Thủy Hằng	29/03/2004	K28NTB2	Hà Tĩnh	7.8	Khá	558	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206545526	Nguyễn Thị Trà My	11/01/2004	K28NTB2	Quảng Ngãi	8.5	Giỏi	559	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206503107	Nguyễn Võ Bảo Trâm	23/07/2004	K28NTB2	Quảng Nam	8.2	Giỏi	560	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206637107	Phạm Hồng Mỹ Duyên	01/04/2004	K28NTB2	Quảng Ngãi	7.7	Khá	561	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206545218	Phạm Lê Thùy Linh	17/03/2004	K28NTB2	Kon Tum	7.9	Khá	562	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204604789	Phạm Quỳnh Nhung	19/02/2004	K28NTB2	Quảng Ngãi	8.2	Giỏi	563	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206546509	Phạm Thị Hoàng Trâm	02/08/2004	K28NTB2	Quảng Ngãi	8.3	Giỏi	564	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206550846	Phạm Thị Hương Giang	28/10/2004	K28NTB2	Quảng Ngãi	7.9	Khá	565	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206505490	Phạm Thị Kỳ Diệu	07/05/2004	K28NTB2	Quảng Ngãi	8.1	Giỏi	566	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206525884	Phan Ngọc Trinh	07/01/2004	K28NTB2	Bình Định	8.1	Giỏi	567	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204626927	Tăng Bùi Như Bạ	16/08/2004	K28NTB2	Quảng Ngãi	8.2	Giỏi	568	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206504272	Thái Thị Thương	02/01/2004	K28NTB2	Quảng Nam	7.1	Khá	569	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206551877	Trần Phương Thảo	18/07/2004	K28NTB2	Hà Tĩnh	8.3	Giỏi	570	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206500507	Trần Thị Kiều Oanh	05/02/2004	K28NTB2	Quảng Trị	8.0	Giỏi	571	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206545351	Trần Thị Kim Liên	21/07/2004	K28NTB2	Quảng Nam	8.2	Giỏi	572	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206504246	Trần Thị Ngọc Liên	10/07/2004	K28NTB2	Gia Lai	8.1	Giỏi	573	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206551984	Trần Thị Quỳnh Như	20/03/2004	K28NTB2	Quảng Nam	7.6	Khá	574	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206505681	Trần Thị Thuý Vy	07/09/2004	K28NTB2	Quảng Ngãi	8.4	Giỏi	575	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206200032	Trần Văn Anh	30/04/2004	K28NTB2	Quảng Ngãi	8.3	Giỏi	576	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN
Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (ký vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28205244676	Vương Thị Thương	13/07/2004	K28NTB2	Nghệ An	8.6	Giỏi	577	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206501385	Bạch Thị Kim Nhân	28/08/2004	K28NTB3	Quảng Ngãi	8.1	Giỏi	578	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206503528	Bùi Thị Thu Trà	15/08/2004	K28NTB3	Hà Tĩnh	8.3	Giỏi	579	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206540584	Đặng Thị Bảo Ngọc	03/08/2004	K28NTB3	Hà Tĩnh	8.5	Giỏi	580	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206501949	Đinh Thị Khánh Ly	20/08/2004	K28NTB3	Quảng Nam	7.9	Khá	581	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206502565	Đinh Thị Thanh Xuân	30/03/2004	K28NTB3	Hà Tĩnh	8.0	Giỏi	582	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206501782	Hoàng Thị Mỹ Linh	26/10/2004	K28NTB3	Thừa Thiên Huế	8.6	Giỏi	583	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206506452	Hoàng Tố Uyên	03/03/2004	K28NTB3	Quảng Nam	8.6	Giỏi	584	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204601547	Huỳnh Thị Hoài Thương	04/08/2004	K28NTB3	Quảng Ngãi	8.3	Giỏi	585	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206524929	Huỳnh Thị Ngọc Nữ	27/03/2004	K28NTB3	Bình Định	8.4	Giỏi	586	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206506025	Lê Thị Cẩm Nhi	25/05/2004	K28NTB3	Quảng Nam	8.7	Giỏi	587	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28205152850	Mai Thị Cẩm Tú	18/08/2004	K28NTB3	Quảng Bình	8.5	Giỏi	588	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206504708	Ngô Hoài Thương	08/01/2004	K28NTB3	Đắk Lắk	8.2	Giỏi	589	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206552139	Nguyễn Ngọc Như Ý	07/02/2004	K28NTB3	Quảng Ngãi	8.6	Giỏi	590	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206205281	Nguyễn Thị Anh Thư	27/04/2004	K28NTB3	Hà Tĩnh	8.3	Giỏi	591	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206545216	Nguyễn Thị Nguyệt Vy	03/11/2004	K28NTB3	Quảng Nam	8.4	Giỏi	592	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206553328	Nguyễn Thị Văn Khánh	01/05/2004	K28NTB3	Nghệ An	8.4	Giỏi	593	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206502873	Nguyễn Trần Bảo Trâm	03/04/2004	K28NTB3	Quảng Trị	8.1	Giỏi	594	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216500570	Nguyễn Văn Chương	20/12/2004	K28NTB3	Hà Tĩnh	8.3	Giỏi	595	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216244344	Nguyễn Văn Quyển	14/04/2004	K28NTB3	Quảng Bình	8.4	Giỏi	596	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206533134	Phạm Thị Vy	17/08/2004	K28NTB3	Quảng Nam	8.1	Giỏi	597	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206504141	Trần Bích Hà	15/07/2004	K28NTB3	Lâm Đồng	8.2	Giỏi	598	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206502194	Trần Ngọc Ý Như	08/12/2004	K28NTB3	Hà Tĩnh	8.4	Giỏi	599	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206551790	Trần Thị Hương Mơ	26/05/2004	K28NTB3	Hà Tĩnh	8.5	Giỏi	600	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28207104461	Trần Thị Lanh	25/12/2004	K28NTB3	Phú Yên	8.1	Giỏi	601	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28205120408	Trần Thị Thảo Nguyên	15/06/2004	K28NTB3	Hà Tĩnh	7.7	Khá	602	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206551758	Trần Thị Thu Hiền	24/03/2004	K28NTB3	Bình Định	8.6	Giỏi	603	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206534905	Trần Thị Thúy Hiền	01/04/2004	K28NTB3	Quảng Trị	8.1	Giỏi	604	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206552458	Trần Thị Y Bình	11/11/2004	K28NTB3	Quảng Ngãi	8.5	Giỏi	605	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206501797	Trương Thị Thuý Linh	25/08/2004	K28NTB3	Quảng Ngãi	8.3	Giỏi	606	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206520093	Võ Thị Hiền	22/10/2004	K28NTB3	Quảng Trị	8.2	Giỏi	607	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206500297	Vũ Phương Nhi	03/09/2004	K28NTB3	Gia Lai	8.1	Giỏi	608	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206347524	Cao Ngọc Vy	09/04/2004	K28NTB4	Quảng Ngãi	8.5	Giỏi	609	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206542362	Châu Thị Minh Thái	21/08/2004	K28NTB4	Quảng Nam	5.4	TB Khá	610	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206503514	Đào Thị Cẩm Tiên	05/07/2004	K28NTB4	Gia Lai	8.5	Giỏi	611	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204448357	Đỗ Khánh Linh	10/11/2004	K28NTB4	Thái Nguyên	8.4	Giỏi	612	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN
Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (ký vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28206552157	Hồ Thị Thủy Tiên	26/02/2004	K28NTB4	Quảng Trị	8.5	Giỏi	613	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206503440	Hồng Thị Hoàng Oanh	15/03/2004	K28NTB4	Đắk Lắk	8.2	Giỏi	614	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206541740	Huỳnh Nguyễn Vi Ni	01/09/2004	K28NTB4	Quảng Nam	8.2	Giỏi	615	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206252352	Lê Phạm Thúy Hiền	16/06/2004	K28NTB4	Quảng Nam	8.4	Giỏi	616	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204303064	Lê Phan Thị Thúy Quyên	20/07/2004	K28NTB4	Quảng Ngãi	8.2	Giỏi	617	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206501727	Nguyễn Ngọc Anh Phi	07/07/2004	K28NTB4	Quảng Ngãi	7.6	Khá	618	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206204142	Nguyễn Phương Trinh	04/07/2004	K28NTB4	Quảng Bình	8.5	Giỏi	619	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206502036	Nguyễn Thị Hoài Thu	05/10/2004	K28NTB4	Quảng Trị	8.5	Giỏi	620	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206504232	Nguyễn Thị Phương Hiền	22/02/2004	K28NTB4	Quảng Bình	8.4	Giỏi	621	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206501095	Nguyễn Thị Quỳnh Mi	13/02/2004	K28NTB4	Quảng Ngãi	8.4	Giỏi	622	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206537621	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	16/09/2004	K28NTB4	Quảng Trị	7.9	Khá	623	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206506869	Nguyễn Thị Thùy Trang	22/11/2004	K28NTB4	Quảng Ngãi	8.2	Giỏi	624	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206501312	Phạm Thị Kim Oanh	17/02/2004	K28NTB4	Tây Ninh	8.0	Giỏi	625	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206504330	Phạm Thị Như Quỳnh	20/10/2004	K28NTB4	Quảng Ngãi	7.6	Khá	626	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206552137	Phan Lê Tú Uyên	01/01/2004	K28NTB4	Thừa Thiên Huế	8.6	Giỏi	627	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28208103328	Phan Thị Kim Hoa	17/05/2004	K28NTB4	Quảng Nam	8.2	Giỏi	628	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216503302	Phan Thị Như Bình	27/01/2004	K28NTB4	Quảng Ngãi	8.7	Giỏi	629	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204546342	Phan Trương Ngọc Thủy	04/10/2004	K28NTB4	Quảng Ngãi	8.1	Giỏi	630	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206543618	Trần Lý Thảo Vy	23/09/2004	K28NTB4	Quảng Nam	7.4	Khá	631	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206540017	Trần Thanh Trúc	06/04/2004	K28NTB4	Quảng Trị	8.7	Giỏi	632	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28208001262	Trần Thị Kim Hoanh	01/11/2004	K28NTB4	Quảng Ngãi	8.7	Giỏi	633	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206500932	Trần Thị Ngọc Diễm	11/01/2004	K28NTB4	Quảng Ngãi	8.6	Giỏi	634	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206554905	Trần Thị Quỳnh Giang	24/09/2004	K28NTB4	Nghệ An	8.3	Giỏi	635	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206502773	Trần Thị Thanh Thủy	18/04/2004	K28NTB4	Quảng Trị	8.1	Giỏi	636	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28205001813	Trần Thị Thúy Hằng	22/10/2004	K28NTB4	Quảng Nam	8.3	Giỏi	637	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206504293	Trần Võ Yến Nhi	02/01/2004	K28NTB4	Bình Định	7.9	Khá	638	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206522377	Trịnh Anh Thư	22/06/2004	K28NTB4	Quảng Bình	8.7	Giỏi	639	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206501114	Võ Hoàng Oanh	03/09/2004	K28NTB4	Quảng Nam	7.8	Khá	640	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206245119	Võ Thị Thu Ngân	26/01/2004	K28NTB4	Quảng Ngãi	6.9	TB Khá	641	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204544890	Bạch Thị Thu Diễm	24/01/2004	K28NTB5	Quảng Ngãi	8.5	Giỏi	642	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28200245791	Cao Thị Tuyết Minh	19/08/2004	K28NTB5	Quảng Nam	8.8	Giỏi	643	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206552831	Đặng Ngọc Tâm Oanh	15/07/2004	K28NTB5	Đà Nẵng	7.9	Khá	644	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206501269	Đào Hải Uyên	06/05/2004	K28NTB5	Nghệ An	8.7	Giỏi	645	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206505117	Đinh Ngọc Giang	25/05/2004	K28NTB5	Kon Tum	8.8	Giỏi	646	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206506499	Đinh Thị Dương	04/11/2004	K28NTB5	Quảng Ngãi	8.6	Giỏi	647	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204902500	Đỗ Thị Kiều Linh	12/08/2004	K28NTB5	Quảng Nam	8.1	Giỏi	648	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN
Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (kỹ vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28200305288	Hà Thị Yến Ly	22/11/2004	K28NTB5	Gia Lai	8.5	Giỏi	649	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206502230	Hồ Ngọc Bích Phượng	27/05/2004	K28NTB5	Phú Yên	8.1	Giỏi	650	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206503746	Hoàng Thị Mỹ Duyên	13/04/2004	K28NTB5	Quảng Trị	8.8	Giỏi	651	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206506449	Huỳnh Thị Thúy Nga	27/10/2004	K28NTB5	Bình Định	8.5	Giỏi	652	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206503178	Lê Khánh Ly	02/09/2004	K28NTB5	Quảng Trị	8.4	Giỏi	653	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206502058	Lê Phương Hà	18/11/2004	K28NTB5	Quảng Ngãi	8.7	Giỏi	654	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206501340	Nguyễn Đặng Ngọc Linh	23/09/2004	K28NTB5	Bình Định	8.5	Giỏi	655	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206504117	Nguyễn Lâm Nhi	28/05/2004	K28NTB5	Gia Lai	8.2	Giỏi	656	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206548148	Nguyễn Thị Hạ Nhi	02/08/2004	K28NTB5	Quảng Nam	8.5	Giỏi	657	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216504513	Nguyễn Thị Hồng Diễm	05/07/2004	K28NTB5	Quảng Nam	8.1	Giỏi	658	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206500523	Nguyễn Thị Hồng Nhung	22/11/2004	K28NTB5	Nghệ An	8.3	Giỏi	659	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206503231	Nguyễn Thị Khánh Huyền	27/10/2004	K28NTB5	Quảng Ngãi	8.6	Giỏi	660	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206502144	Nguyễn Thị Khánh Linh	01/08/2004	K28NTB5	Quảng Bình	8.7	Giỏi	661	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204900013	Nguyễn Thị Minh Tuyết	10/03/2004	K28NTB5	Quảng Nam	7.8	Khá	662	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28208053676	Nguyễn Thị Nga	23/08/2004	K28NTB5	Nghệ An	8.4	Giỏi	663	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206506271	Nguyễn Thị Nhật Tân	22/05/2004	K28NTB5	Quảng Bình	8.4	Giỏi	664	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206522888	Nguyễn Thị Nữ	27/01/2004	K28NTB5	Quảng Ngãi	8.2	Giỏi	665	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206505714	Nguyễn Thị Thùy Diễm	30/04/2004	K28NTB5	Phú Yên	8.3	Giỏi	666	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206500237	Nguyễn Thị Thúy Huyền	04/12/2004	K28NTB5	Đắk Lắk	8.4	Giỏi	667	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206502013	Nguyễn Thị Trang	14/02/2004	K28NTB5	Quảng Bình	7.5	Khá	668	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206201265	Nguyễn Vũ Ni Na	09/09/2004	K28NTB5	Quảng Ngãi	8.7	Giỏi	669	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206506235	Nông Thị Kiều Trang	22/02/2004	K28NTB5	Đắk Lắk	8.3	Giỏi	670	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28218102451	Phan Thị Hoa	05/05/2004	K28NTB5	Gia Lai	8.7	Giỏi	671	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206505005	Phan Thu Trinh	09/04/2004	K28NTB5	Quảng Trị	7.8	Khá	672	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206505156	Trần Kim Ngân	23/10/2004	K28NTB5	Quảng Nam	7.8	Khá	673	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216935219	Trần Ngọc Minh	28/06/2004	K28NTB5	Quảng Trị	8.1	Giỏi	674	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206501604	Trần Thị Hiền	11/11/2004	K28NTB5	Nghệ An	7.7	Khá	675	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206506855	Trương Thị Mỹ Hà	04/07/2004	K28NTB5	Đắk Lắk	8.5	Giỏi	676	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206503097	Trương Thị Phương Thảo	06/02/2004	K28NTB5	Quảng Nam	7.9	Khá	677	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206502292	Bùi Thị Hồng Nhung	24/06/2004	K28NTB6	Thừa Thiên Huế	8.3	Giỏi	678	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206548185	Cao Thị Hồng Giang	04/09/2004	K28NTB6	Quảng Nam	8.4	Giỏi	679	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206501777	Cao Thị Tuyết Linh	02/01/2004	K28NTB6	Quảng Ngãi	8.5	Giỏi	680	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206502432	Đặng Thị Thu Nữ	20/08/2004	K28NTB6	Quảng Ngãi	8.4	Giỏi	681	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216501584	Hồ Hoàng Vũ	06/02/2004	K28NTB6	Phú Yên	8.5	Giỏi	682	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206503269	Hoàng Thị Cẩm Tú	30/06/2004	K28NTB6	Đắk Lắk	8.3	Giỏi	683	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206502759	Lê Thị Kiều Oanh	11/01/2004	K28NTB6	Quảng Nam	8.4	Giỏi	684	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN
Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (kỹ vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28206538090	Lê Thị Phương Uyên	12/11/2004	K28NTB6	Quảng Nam	8.2	Giỏi	685	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206552756	Lê Thị Tuyết Nhi	28/06/2004	K28NTB6	Hà Tĩnh	8.2	Giỏi	686	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206501187	Ngô Thị Đoan Trang	08/03/2004	K28NTB6	Quảng Ngãi	8.3	Giỏi	687	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206521943	Ngô Thị Ngọc Mỹ	29/06/2004	K28NTB6	Thừa Thiên Huế	8.3	Giỏi	688	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206536239	Nguyễn Châu Lan Hương	27/04/2004	K28NTB6	Quảng Nam	8.4	Giỏi	689	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206549561	Nguyễn Lê Thị Nguyệt Như	11/10/2004	K28NTB6	Quảng Nam	8.2	Giỏi	690	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206545387	Nguyễn Như Quỳnh	02/01/2004	K28NTB6	Quảng Trị	7.9	Khá	691	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206502764	Nguyễn Phước Huỳnh Trang	05/10/2004	K28NTB6	Quảng Nam	8.2	Giỏi	692	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206502295	Nguyễn Thanh Thảo	20/09/2004	K28NTB6	Thanh Hóa	8.3	Giỏi	693	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206552055	Nguyễn Thị Bích Hạnh	12/04/2004	K28NTB6	Quảng Ngãi	8.4	Giỏi	694	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206502027	Nguyễn Thị Kiều My	25/03/2004	K28NTB6	Quảng Ngãi	8.2	Giỏi	695	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206505483	Nguyễn Thị Như Ý	14/04/2004	K28NTB6	Quảng Ngãi	7.7	Khá	696	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206549501	Nguyễn Thị Thu Hà	02/05/2004	K28NTB6	Đắk Lắk	7.9	Khá	697	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206543606	Nguyễn Thị Thu Hằng	19/06/2004	K28NTB6	Thừa Thiên Huế	8.2	Giỏi	698	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206552051	Nguyễn Thị Thúy Diễm	11/10/2004	K28NTB6	Quảng Nam	8.3	Giỏi	699	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206500060	Phan Thị Tường Vy	13/06/2004	K28NTB6	Quảng Nam	8.4	Giỏi	700	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206501472	Trần Thị Hiền Lương	24/11/2004	K28NTB6	Hà Tĩnh	8.5	Giỏi	701	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206506351	Trần Thị Mỹ Thuận	07/11/2004	K28NTB6	Đắk Lắk	8.4	Giỏi	702	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206500841	Trần Thị Phương Ly	27/06/2004	K28NTB6	Quảng Nam	8.3	Giỏi	703	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206506257	Trương Nhật Trinh Anh	26/08/2004	K28NTB6	Đắk Lắk	8.6	Giỏi	704	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206542560	Trương Thị Cẩm Ly	15/03/2004	K28NTB6	Quảng Nam	8.5	Giỏi	705	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204903707	Trương Thị Như	30/11/2004	K28NTB6	Quảng Nam	8.1	Giỏi	706	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216553131	Trương Xuân Bin	31/03/2004	K28NTB6	Thừa Thiên Huế	8.4	Giỏi	707	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206505461	Võ Nhật Ngân Tuyên	25/03/2004	K28NTB6	Quảng Ngãi	8.3	Giỏi	708	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206502925	Võ Thị Trâm	14/12/2004	K28NTB6	Quảng Ngãi	8.7	Giỏi	709	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206503389	Hà Minh Tú	30/06/2004	K28NTB7	Thái Bình	8.5	Giỏi	710	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28205104076	Hồ Thị Hà	14/01/2004	K28NTB7	Bình Định	8.4	Giỏi	711	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206503279	Hồ Thị Mai Quỳnh	29/03/2004	K28NTB7	Gia Lai	8.3	Giỏi	712	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206500585	Huỳnh Lê Tuyết Băng	25/10/2004	K28NTB7	Khánh Hòa	8.6	Giỏi	713	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206503973	Lê Hải Hiền	12/08/2004	K28NTB7	Quảng Trị	8.6	Giỏi	714	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206551037	Mai Hoàng Tuyết Nhi	05/01/2004	K28NTB7	Quảng Bình	8.2	Giỏi	715	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206554460	Nguyễn Lê Diệu Hằng	28/01/2004	K28NTB7	Quảng Nam	8.7	Giỏi	716	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
27203342006	Nguyễn Lê Kỳ Duyên	01/06/2003	K28NTB7	Đà Nẵng	8.4	Giỏi	717	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206551064	Nguyễn Nhật Mai	01/11/2004	K28NTB7	Quảng Bình	8.8	Giỏi	718	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206501859	Nguyễn Thị Cẩm Ly	30/01/2004	K28NTB7	Quảng Nam	8.2	Giỏi	719	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206500778	Nguyễn Thị Đoan	07/12/2004	K28NTB7	Đắk Nông	8.4	Giỏi	720	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN
Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (ký vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28206506028	Nguyễn Thị Khánh Linh	10/11/2004	K28NTB7	Nghệ An	8.6	Giỏi	721	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206502602	Nguyễn Thị Kim Huệ	02/01/2004	K28NTB7	Quảng Ngãi	8.6	Giỏi	722	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
27203127160	Nguyễn Thị Kim Ngân	25/12/2003	K28NTB7	Đà Nẵng	7.8	Khá	723	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206501701	Nguyễn Thị Mỹ Quý	31/12/2004	K28NTB7	Bình Định	7.4	Khá	724	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204600520	Nguyễn Thị Như Quỳnh	07/08/2004	K28NTB7	Quảng Trị	8.2	Giỏi	725	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206502361	Nguyễn Thị Thanh Thảo	08/01/2004	K28NTB7	Quảng Nam	8.2	Giỏi	726	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204902560	Nguyễn Thị Thúy Vân	02/02/2004	K28NTB7	Nghệ An	8.5	Giỏi	727	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206503315	Nguyễn Trà Giang	10/10/2004	K28NTB7	Hà Tĩnh	8.3	Giỏi	728	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206800178	Nguyễn Trương Thanh Nhã	05/12/2004	K28NTB7	Khánh Hòa	8.6	Giỏi	729	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206705964	Phạm Thị Thu Hiền	22/05/2004	K28NTB7	Quảng Ngãi	7.9	Khá	730	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206503719	Phan Anh Thư	19/02/2004	K28NTB7	Quảng Ngãi	8.4	Giỏi	731	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206503534	Phan Thị Hồng Đào	24/02/2004	K28NTB7	Phú Yên	8.4	Giỏi	732	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206502561	Tăng Thị Thu Thảo	20/06/2004	K28NTB7	Quảng Ngãi	7.7	Khá	733	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216500658	Tiêu Viết Nghị	01/09/2004	K28NTB7	Quảng Ngãi	8.6	Giỏi	734	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206500555	Trác Thị Lệ Nguyên	01/12/2004	K28NTB7	Quảng Ngãi	8.7	Giỏi	735	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206501337	Trịnh Thị Diễm Quỳnh	02/10/2004	K28NTB7	Quảng Ngãi	8.3	Giỏi	736	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206504151	Trịnh Thị Hoàng Oanh	20/09/2004	K28NTB7	Quảng Nam	7.8	Khá	737	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206542778	Võ Thị Minh Diệu	10/11/2004	K28NTB7	Quảng Nam	8.0	Giỏi	738	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206500271	Bùi Huyền My	10/11/2004	K28NTB8	Quảng Ngãi	8.1	Giỏi	739	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206541503	Đinh Thị Trinh	25/07/2004	K28NTB8	Lâm Đồng	8.4	Giỏi	740	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206500596	Hồ Thị Hương	23/12/2004	K28NTB8	Nghệ An	8.2	Giỏi	741	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28207106361	Hoàng Thị Cát Tường	05/07/2004	K28NTB8	Đắk Lắk	8.0	Giỏi	742	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206502023	Huỳnh Thị Xuân Kiều	25/11/2004	K28NTB8	Quảng Ngãi	8.3	Giỏi	743	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206550572	Lê Thị Thanh Thuý	23/08/2004	K28NTB8	Thừa Thiên Huế	8.6	Giỏi	744	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206201062	Lương Thị Thu Hoài	27/07/2004	K28NTB8	Đắk Lắk	7.6	Khá	745	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28205104102	Mai Ngọc Ngân	03/05/2004	K28NTB8	Bình Định	8.2	Giỏi	746	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206504487	Nguyễn Đào Trân Trân	21/10/2004	K28NTB8	Quảng Nam	8.4	Giỏi	747	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206501226	Nguyễn Thị Bích Như	03/10/2004	K28NTB8	Phú Yên	8.3	Giỏi	748	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206533104	Nguyễn Thị Hoài	09/09/2004	K28NTB8	Nghệ An	8.2	Giỏi	749	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206522936	Nguyễn Thị Kiều Hoanh	29/04/2004	K28NTB8	Quảng Ngãi	8.0	Giỏi	750	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216503565	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	21/07/2004	K28NTB8	Gia Lai	7.9	Khá	751	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206500215	Nguyễn Thị Thanh Hương	20/12/2004	K28NTB8	Gia Lai	6.9	TB Khá	752	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206505929	Nguyễn Thị Thanh Trúc	20/02/2004	K28NTB8	Đà Nẵng	8.3	Giỏi	753	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206552159	Nguyễn Thị Tiền	02/08/2004	K28NTB8	Quảng Ngãi	8.5	Giỏi	754	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206502648	Nguyễn Thị Tường Vi	26/07/2004	K28NTB8	Hà Tĩnh	8.5	Giỏi	755	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206503607	Nguyễn Thị Ý Hoàng	16/10/2004	K28NTB8	Quảng Nam	8.6	Giỏi	756	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN
Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (kỹ vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28206551656	Phạm Thị Hương	14/12/2004	K28NTB8	Đắk Nông	8.1	Giỏi	757	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206505092	Trần Thị Diễm Quỳnh	15/09/2004	K28NTB8	Thái Bình	7.4	Khá	758	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206500860	Trần Thị Nhật Lệ	27/05/2004	K28NTB8	Quảng Trị	8.0	Giỏi	759	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206506723	Trần Thị Quỳnh Chi	29/11/2004	K28NTB8	Đắk Nông	8.2	Giỏi	760	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206502783	Trần Xuân Hiền	21/01/2004	K28NTB8	Quảng Ngãi	8.2	Giỏi	761	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206503380	Trịnh Thị Huyền	14/07/2004	K28NTB8	Thanh Hóa	8.0	Giỏi	762	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206502558	Trịnh Thị Mỹ Huỳnh	04/10/2004	K28NTB8	Quảng Ngãi	8.2	Giỏi	763	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206502332	Võ Kim Phượng	26/07/2004	K28NTB8	Quảng Ngãi	7.2	Khá	764	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204302350	Võ Thị Tuyên Tuyên	16/05/2004	K28NTB8	Quảng Ngãi	8.2	Giỏi	765	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206751174	Bùi Thanh Hà	16/08/2003	K28NTB9	Quảng Bình	8.1	Giỏi	766	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206552160	Bùi Thuỳ Mỹ Trang	24/11/2004	K28NTB9	Quảng Ngãi	7.9	Khá	767	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206500258	Đặng Yến Như	01/09/2004	K28NTB9	Bình Định	8.1	Giỏi	768	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206250889	Đỗ Thị Diệu Hiền	05/05/2003	K28NTB9	Quảng Nam	8.0	Giỏi	769	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206504320	Dương Thị Thùy Giang	23/02/2004	K28NTB9	Hà Tĩnh	8.4	Giỏi	770	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28207344395	Hồ Thị Hồng Hạnh	20/08/2004	K28NTB9	Quảng Nam	8.4	Giỏi	771	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206238575	Hồ Thị Yến Nhi	26/06/2004	K28NTB9	Đắk Lắk	8.0	Giỏi	772	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206504294	Huỳnh Gia Khánh	16/10/2004	K28NTB9	Bình Định	8.1	Giỏi	773	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206522889	Huỳnh Thị Hồng Thanh	27/10/2004	K28NTB9	Quảng Ngãi	8.3	Giỏi	774	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206501274	Lê Thảo Vy	19/11/2003	K28NTB9	Đắk Nông	8.4	Giỏi	775	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206553132	Lý Thị Xuyên Chi	06/08/2004	K28NTB9	Đắk Nông	8.7	Giỏi	776	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206502399	Mai Thị Ái Vi	07/11/2003	K28NTB9	Quảng Nam	8.8	Giỏi	777	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216906311	Ngô Bùi Văn Hưng	30/07/2004	K28NTB9	Quảng Nam	8.7	Giỏi	778	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216504838	Ngô Kỳ Vy	25/12/2004	K28NTB9	Quảng Ngãi	8.5	Giỏi	779	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206502592	Nguyễn Huỳnh Khánh Ly	26/03/2003	K28NTB9	Quảng Nam	8.2	Giỏi	780	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
27203330025	Nguyễn Như Quỳnh	13/12/2003	K28NTB9	Quảng Ngãi	7.9	Khá	781	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206542027	Nguyễn Thị Hạnh Dung	22/11/2004	K28NTB9	Đắk Lắk	7.8	Khá	782	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206545883	Nguyễn Thị Mai Hương	22/05/2003	K28NTB9	Quảng Bình	7.8	Khá	783	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206506888	Nguyễn Thị Mai Hương	18/04/2004	K28NTB9	Nghệ An	8.5	Giỏi	784	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28207249030	Nguyễn Thị Như Quỳnh	20/03/2004	K28NTB9	Quảng Ngãi	8.3	Giỏi	785	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206520813	Nguyễn Thị Phượng	25/02/2004	K28NTB9	Kon Tum	8.1	Giỏi	786	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28208121845	Nguyễn Thị Thảo Hân	10/11/2004	K28NTB9	Hà Tĩnh	8.3	Giỏi	787	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28208145589	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	10/06/2004	K28NTB9	Hà Tĩnh	8.5	Giỏi	788	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206504400	Nguyễn Thị Thuỳ Dương	25/03/2003	K28NTB9	Quảng Nam	8.2	Giỏi	789	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206503177	Nguyễn Thị Trà My	17/06/2004	K28NTB9	Quảng Ngãi	7.8	Khá	790	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206506101	Nguyễn Thị Yến Nhi	19/08/2003	K28NTB9	Quảng Nam	8.2	Giỏi	791	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206502470	Phạm Đỗ Huyền Minh	10/02/2004	K28NTB9	Phú Yên	8.3	Giỏi	792	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN
Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (ký vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28206501447	Phạm Thị Phúc	20/11/2004	K28NTB9	Hà Tĩnh	8.3	Giỏi	793	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206500305	Phạm Thu Hiền	16/09/2003	K28NTB9	Hải Dương	8.8	Giỏi	794	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28209424598	Phan Ngọc Kiều Trinh	20/06/2004	K28NTB9	Đà Nẵng	8.6	Giỏi	795	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206539707	Trần Thị Ngọc	27/04/2004	K28NTB9	Thừa Thiên Huế	8.4	Giỏi	796	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206539753	Trần Thị Thu Hiền	17/04/2004	K28NTB9	Quảng Trị	7.9	Khá	797	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206537300	Võ Thị An Thuyên	13/12/2004	K28NTB9	Quảng Nam	8.0	Giỏi	798	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206503430	Vũ Thị Anh Thư	04/02/1999	K28NTB9	Hải Dương	8.3	Giỏi	799	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216502073	Đặng Đình Trường	26/10/2004	K28NTB10	Hà Tĩnh	8.2	Giỏi	800	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206627083	Đào Thị Lê Na	21/09/2004	K28NTB10	Nghệ An	7.9	Khá	801	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206822076	Đỗ Quý Phi	24/02/2004	K28NTB10	Quảng Ngãi	7.8	Khá	802	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206505336	Đoàn Thị Phương Thanh	08/10/2004	K28NTB10	Hà Tĩnh	8.0	Giỏi	803	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
27203349527	Hồ Thanh Ngân	09/04/2003	K28NTB10	Quảng Nam	8.1	Giỏi	804	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28207334460	Hồ Thị Hải Yến	21/04/2004	K28NTB10	Nghệ An	8.4	Giỏi	805	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216543813	Hồ Thị Thu Ngân	12/08/2004	K28NTB10	Quảng Nam	8.1	Giỏi	806	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28208147562	Hoàng Thị Phương Nhi	25/10/2004	K28NTB10	Quảng Bình	8.3	Giỏi	807	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206523345	Huỳnh Thị Ánh Tuyết	04/04/2004	K28NTB10	Quảng Ngãi	7.7	Khá	808	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216554715	Lê Công Quý	02/01/2004	K28NTB10	Quảng Trị	8.1	Giỏi	809	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204853934	Lê Trương Gia Hân	12/10/2004	K28NTB10	Bình Định	8.0	Giỏi	810	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206551122	Lê Uyên Nhi	16/08/2003	K28NTB10	Bình Định	8.3	Giỏi	811	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206551673	Mai Thị Thương	10/02/2004	K28NTB10	Quảng Trị	7.6	Khá	812	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216550355	Nguyễn Duy Thái	22/05/2003	K28NTB10	Quảng Ngãi	7.4	Khá	813	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206531265	Nguyễn Thị Hương Hoa	29/03/2003	K28NTB10	Gia Lai	8.0	Giỏi	814	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206551553	Nguyễn Thị Thanh Ngân	25/10/2004	K28NTB10	Quảng Ngãi	7.5	Khá	815	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206505957	Nguyễn Thị Thanh Phương	15/09/2003	K28NTB10	Quảng Nam	7.0	Khá	816	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206552048	Nguyễn Thị Thanh Thúy	09/09/2004	K28NTB10	Đà Nẵng	7.9	Khá	817	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204737153	Nguyễn Thị Thanh Thúy	22/01/2004	K28NTB10	Thừa Thiên Huế	7.4	Khá	818	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206551506	Nguyễn Thị Tiến	05/08/2004	K28NTB10	Nghệ An	8.2	Giỏi	819	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206506630	Phạm Ngô Tường Vy	10/05/2003	K28NTB10	Quảng Nam	8.1	Giỏi	820	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206539235	Phạm Vũ Thảo Linh	17/10/2004	K28NTB10	Quảng Bình	8.1	Giỏi	821	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206126863	Phan Hoàng Tú Linh	08/10/2004	K28NTB10	Đà Nẵng	8.3	Giỏi	822	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28201106800	Thái Thị Xuân	03/06/2004	K28NTB10	Đà Nẵng	8.5	Giỏi	823	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206552754	Trần Mai Bảo Ngọc	29/03/2004	K28NTB10	Quảng Ngãi	8.1	Giỏi	824	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206524226	Trần Nguyễn Thu Thủy	03/05/2004	K28NTB10	Quảng Ngãi	8.0	Giỏi	825	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206554757	Trần Thị Ngọc Na	04/06/2004	K28NTB10	Hà Tĩnh	8.9	Giỏi	826	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206500714	Trần Thị Thanh Thảo	30/11/2001	K28NTB10	Đà Nẵng	8.3	Giỏi	827	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204104289	Trần Vũ Hà Giang	29/11/2004	K28NTB10	Bình Định	7.4	Khá	828	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN
Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (ký vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28206502823	Cao Thị Kiều Trinh	20/02/2004	K28NTD	Thừa Thiên Huế	7.8	Khá	829	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206503071	Đinh Thị Kim Ngân	07/05/2004	K28NTD	Quảng Nam	7.9	Khá	830	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206539655	Dương Thị Hiền	29/09/2004	K28NTD	Quảng Nam	7.7	Khá	831	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28215033221	Hoàng Hữu Đức Nin	26/06/2004	K28NTD	Quảng Trị	8.0	Giỏi	832	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216551081	Huỳnh Thị Ánh Mỹ	30/07/2004	K28NTD	Đà Nẵng	8.1	Giỏi	833	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216548112	Lê Cao Anh Hưng	23/07/2004	K28NTD	Quảng Nam	8.3	Giỏi	834	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206550546	Lê Nhật Quỳnh Nga	08/03/2004	K28NTD	Quảng Nam	8.4	Giỏi	835	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206554167	Lê Thị Hồng Loan	14/09/2004	K28NTD	Đắk Lắk	8.1	Giỏi	836	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28208322993	Lê Thị Kim Chi	19/09/2004	K28NTD	Đắk Lắk	8.1	Giỏi	837	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
27213944256	Lê Trần Khánh Linh	11/11/2003	K28NTD	Quảng Nam	8.2	Giỏi	838	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206202512	Mai Vũ Phương Nhi	04/09/2004	K28NTD	Quảng Ngãi	8.1	Giỏi	839	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216554530	Nguyễn Đức Tài	28/12/2004	K28NTD	Quảng Nam	7.6	Khá	840	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28218136261	Nguyễn Hữu Hoàng Thạch	15/08/2004	K28NTD	Hà Tĩnh	7.9	Khá	841	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216506517	Nguyễn Ngọc Anh Thơ	15/08/2004	K28NTD	Quảng Bình	8.2	Giỏi	842	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206504793	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	26/10/2004	K28NTD	Gia Lai	8.5	Giỏi	843	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206551876	Nguyễn Thị Phương Thanh	26/11/2004	K28NTD	Quảng Nam	7.5	Khá	844	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206546974	Nguyễn Thị Thanh Linh	26/10/2004	K28NTD	Quảng Nam	8.2	Giỏi	845	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206221662	Nguyễn Thị Thơ	31/01/2004	K28NTD	Gia Lai	8.2	Giỏi	846	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206221485	Nguyễn Thị Thu Hiền	13/06/2004	K28NTD	Thừa Thiên Huế	8.3	Giỏi	847	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28208105040	Nguyễn Thị Xuân Phúc	14/03/2004	K28NTD	Quảng Nam	8.5	Giỏi	848	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216546285	Nguyễn Văn Tú Anh	09/09/2004	K28NTD	Nghệ An	7.8	Khá	849	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28209442744	Phạm Thị Khánh Vy	20/08/2004	K28NTD	Đắk Lắk	7.4	Khá	850	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204951374	Phan Kiều Ánh Nguyệt	06/10/2004	K28NTD	Đà Nẵng	8.0	Giỏi	851	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206527480	Phan Thị Thanh Dung	22/02/2004	K28NTD	Đà Nẵng	8.1	Giỏi	852	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204605960	Trần Phạm Huỳnh Như	15/11/2004	K28NTD	Quảng Nam	8.0	Giỏi	853	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206900996	Trần Thị Mỹ Lệ	11/06/2004	K28NTD	Quảng Bình	8.0	Giỏi	854	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204747732	Võ Thị Tuyết Giang	15/04/2004	K28NTD	Quảng Nam	8.9	Giỏi	855	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28205105471	Bùi Thị Ngọc Truyền	06/01/2004	K28NTQ	Huế	6.9	TB Khá	856	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206500176	Bùi Đỗ Anh Thư	04/04/2004	K28NTT1	Quảng Ngãi	8.3	Giỏi	857	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206523701	Đặng Thị Kim Chi	18/10/2004	K28NTT1	Đắk Lắk	8.3	Giỏi	858	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204605215	Đỗ Thị Bích Tài	16/01/2004	K28NTT1	Hồ Chí Minh	8.2	Giỏi	859	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206501142	Đoàn Quỳnh Hương	12/07/2003	K28NTT1	Phú Yên	8.8	Giỏi	860	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206503648	Đoàn Thị Dung	28/12/2004	K28NTT1	Quảng Nam	8.5	Giỏi	861	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206504285	Dương Như Quỳnh	25/08/2004	K28NTT1	Phú Yên	8.0	Giỏi	862	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206503693	Dương Thị Diệu Hương	15/01/2004	K28NTT1	Quảng Bình	7.9	Khá	863	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206553538	Hồ Phương Nga	14/12/2004	K28NTT1	Thanh Hóa	8.4	Giỏi	864	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN
Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (kỹ vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28206534161	Hoàng Thị Ngọc Châu	16/10/2004	K28NTT1	Quảng Trị	8.5	Giỏi	865	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206504109	Huỳnh Nguyễn Quỳnh Như	26/08/2004	K28NTT1	Quảng Ngãi	8.4	Giỏi	866	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206553536	Lê Thị Ngọc Mai	07/02/2004	K28NTT1	Bình Định	8.5	Giỏi	867	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206549248	Lê Thị Vi Va	06/10/2004	K28NTT1	Quảng Ngãi	8.1	Giỏi	868	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206536291	Lê Văn Anh	07/09/2004	K28NTT1	Thái Bình	7.7	Khá	869	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206736961	Nguyễn Huỳnh Tuyết Nhi	25/09/2004	K28NTT1	Quảng Nam	8.3	Giỏi	870	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206230462	Nguyễn Phan Thanh Tú	07/11/2004	K28NTT1	Thừa Thiên Huế	8.3	Giỏi	871	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206551817	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	10/12/2004	K28NTT1	Bình Định	7.9	Khá	872	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206554375	Nguyễn Thị Lan Hương	17/01/2004	K28NTT1	Quảng Bình	8.5	Giỏi	873	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206551507	Nguyễn Thị Phương Linh	27/01/2004	K28NTT1	Phú Yên	8.2	Giỏi	874	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204624785	Nguyễn Thị Thu Trang	10/10/2004	K28NTT1	Quảng Ngãi	8.3	Giỏi	875	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206552053	Nguyễn Thùy Duyên	28/09/2004	K28NTT1	Quảng Ngãi	8.4	Giỏi	876	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204604226	Phạm Thị Xuân Nở	02/09/2004	K28NTT1	Quảng Nam	8.5	Giỏi	877	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206543594	Phạm Thương Huyền	02/09/2004	K28NTT1	Đắk Lắk	8.4	Giỏi	878	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206500174	Phan Lê Diễm Quỳnh	07/08/2003	K28NTT1	Đà Nẵng	8.4	Giỏi	879	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206554198	Tổng Thị Quỳnh Duyên	17/08/2004	K28NTT1	Thanh Hóa	8.4	Giỏi	880	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206552075	Trần Phạm Thùy Trang	07/10/2004	K28NTT1	Gia Lai	8.4	Giỏi	881	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206553191	Trần Thị Thu Hà	11/05/2004	K28NTT1	Quảng Trị	8.5	Giỏi	882	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28208044654	Trần Thị Trà My	26/05/2004	K28NTT1	Quảng Trị	8.4	Giỏi	883	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216500607	Trương Thị Thuý Nga	24/09/2004	K28NTT1	Bình Định	8.4	Giỏi	884	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206502378	Võ Thị Mỹ Duyên	12/10/2003	K28NTT1	Khánh Hòa	8.5	Giỏi	885	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204600544	Đinh Thị Thu Hiền	03/08/2004	K28NTT2	Quảng Nam	8.5	Giỏi	886	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206521500	Đinh Thị Thu Lôi	10/10/2004	K28NTT2	Quảng Ngãi	8.3	Giỏi	887	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206553537	H Mỹ Tâm Mlô	06/06/2004	K28NTT2	Đắk Lắk	8.3	Giỏi	888	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206502140	Hoàng Thị Bích Huyền	04/09/2004	K28NTT2	Thừa Thiên Huế	8.4	Giỏi	889	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206550982	Hoàng Thị Hoài Nhi	30/03/2004	K28NTT2	Quảng Trị	8.5	Giỏi	890	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206505713	Lê Ngô Hồng Yến	23/12/2004	K28NTT2	Đắk Lắk	8.5	Giỏi	891	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206500710	Lê Nguyễn Thanh Thùy	07/08/2004	K28NTT2	Lâm Đồng	8.4	Giỏi	892	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206539951	Lê Nguyễn Thuý Hường	15/05/2004	K28NTT2	Quảng Nam	8.4	Giỏi	893	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206553663	Lê Thị Thuý Nga	12/05/2004	K28NTT2	Quảng Bình	8.7	Giỏi	894	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216500330	Mai Tuyết Tâm	01/08/2004	K28NTT2	Bình Định	8.4	Giỏi	895	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216205198	Nguyễn Ngọc Hùng Vỹ	20/05/2004	K28NTT2	Kon Tum	8.4	Giỏi	896	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216502494	Nguyễn Nhật Hoàng	12/12/2004	K28NTT2	Nghệ An	8.7	Giỏi	897	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28207105324	Nguyễn Thị Khánh Huyền	07/10/2004	K28NTT2	Hà Tĩnh	8.6	Giỏi	898	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206500823	Nguyễn Thị Khánh Ly	03/11/2004	K28NTT2	Quảng Trị	8.6	Giỏi	899	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206521521	Nguyễn Thị Song Tiền	16/10/2003	K28NTT2	Quảng Ngãi	8.4	Giỏi	900	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN
Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Đọc số thứ tự để nhận chứng chỉ (kỹ vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28206500024	Nguyễn Thị Thanh Hà	17/09/2004	K28NTT2	Đà Nẵng	8.6	Giỏi	901	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206551157	Nguyễn Thị Thanh Uyên	01/03/2004	K28NTT2	Quảng Trị	7.9	Khá	902	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206504367	Nguyễn Trần Hồng Nhung	01/08/2004	K28NTT2	Quảng Bình	7.8	Khá	903	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206522951	Phạm Thị Mỹ Dung	21/02/2004	K28NTT2	Đắk Lắk	8.5	Giỏi	904	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206506774	Phạm Thị Mỹ Ngọc	16/02/2004	K28NTT2	Gia Lai	8.4	Giỏi	905	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206500495	Phan Thị Bích Chi	20/12/2004	K28NTT2	Bình Định	7.5	Khá	906	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206537764	Phan Thị Mỹ Châu	03/01/2004	K28NTT2	Quảng Trị	8.5	Giỏi	907	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206246767	Thân Thị Tuyết Ni	06/02/2004	K28NTT2	Đắk Nông	8.4	Giỏi	908	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204605239	Trần Ngọc Diễm	08/08/2004	K28NTT2	Thừa Thiên Huế	8.3	Giỏi	909	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206548325	Trần Thị Quyên	07/10/2004	K28NTT2	Quảng Trị	8.5	Giỏi	910	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28208144665	Trần Trúc Anh	23/09/2004	K28NTT2	Quảng Trị	8.5	Giỏi	911	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28205141310	Trần Xuân Huyền	23/08/2004	K28NTT2	Quảng Ngãi	7.6	Khá	912	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206506815	Trịnh Thị Diệu Thuý	10/01/2004	K28NTT2	Phú Yên	8.5	Giỏi	913	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206550297	Võ Thị Ái Thơ	17/08/2004	K28NTT2	Quảng Nam	8.4	Giỏi	914	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206501968	Cao Thị Ngọc Thảo	01/10/2003	K28NTT3	Phú Yên	7.8	Khá	915	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206548765	Đỗ Nguyễn Trúc Quỳnh	26/12/2004	K28NTT3	Quảng Nam	8.1	Giỏi	916	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206551638	Đỗ Thị Ly Na	16/03/2004	K28NTT3	Quảng Ngãi	7.9	Khá	917	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206547821	Hồ Ngọc Bích Nhận	30/07/2003	K28NTT3	Đà Nẵng	7.7	Khá	918	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216550357	Huỳnh Thanh Quang	13/04/2002	K28NTT3	Đà Nẵng	8.0	Giỏi	919	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28216500325	Lê Tấn Tiến	27/08/2004	K28NTT3	Quảng Ngãi	8.5	Giỏi	920	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206554765	Lê Thị Kim Thảo	03/02/2004	K28NTT3	Đắk Lắk	8.2	Giỏi	921	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28208122826	Lê Thị Thanh Trúc	08/01/2003	K28NTT3	Quảng Ngãi	7.9	Khá	922	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28208003349	Lê Thị Thu Thắm	11/08/2004	K28NTT3	Đà Nẵng	7.9	Khá	923	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28208106930	Nguyễn Ánh Hồng	19/09/2004	K28NTT3	Quảng Trị	7.6	Khá	924	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28208102234	Nguyễn Hoàng Diễm Quỳnh	05/02/2004	K28NTT3	Đắk Lắk	8.1	Giỏi	925	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206501555	Nguyễn Phúc An	22/02/2004	K28NTT3	Phú Yên	8.3	Giỏi	926	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206500070	Nguyễn Thị Thanh Hoài	15/12/2002	K28NTT3	Quảng Bình	8.3	Giỏi	927	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206536910	Nguyễn Thị Thảo Trâm	09/07/2004	K28NTT3	Quảng Nam	7.1	Khá	928	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28208132099	Nguyễn Thị Thủy Phương Uyên	17/08/2004	K28NTT3	Đà Nẵng	8.0	Giỏi	929	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206525526	Nguyễn Thị Triệu Mỹ	04/12/2004	K28NTT3	Đắk Nông	7.9	Khá	930	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206551258	Nguyễn Trần Thanh Lợi	02/02/2004	K28NTT3	Kon Tum	8.0	Giỏi	931	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206504467	Phạm Thị Thu Cẩm	24/03/2004	K28NTT3	Quảng Ngãi	8.2	Giỏi	932	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206501031	Tạ Thị Yến Nhi	05/10/2004	K28NTT3	Quảng Trị	8.2	Giỏi	933	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206547746	Tôn Nữ Nhã Ngọc	27/10/2004	K28NTT3	Thừa Thiên Huế	7.8	Khá	934	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206501837	Trà Thị Quỳnh Như	09/10/2003	K28NTT3	Quảng Nam	7.9	Khá	935	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206554605	Trần Thị Ánh Tuyết	14/07/2004	K28NTT3	Đắk Lắk	8.2	Giỏi	936	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN
Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (ký vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28206501810	Trần Yến Vi	13/10/2004	K28NTT3	Phú Yên	8.0	Giỏi	937	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206502363	Võ Phan Hồng Viên	28/09/2004	K28NTT3	Phú Yên	7.9	Khá	938	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206504655	Võ Thùy Dung	30/04/2004	K28NTT3	Quảng Trị	8.1	Giỏi	939	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204601869	Lê Nguyễn Phương Thảo	31/03/2004	K28QDM	Huế	7.8	Khá	940	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214621383	Nguyễn Mạnh Hùng	18/12/2004	K28QDM	Nghệ An	8.2	Giỏi	941	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204554787	Hà Ngọc Trâm	16/01/2004	K28QLC	Hà Tĩnh	7.9	Khá	942	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204502212	Nguyễn Thị Hoa	13/12/2004	K28QLC	Thanh Hóa	8.0	Giỏi	943	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204854952	Lê Nguyễn Yến Nhi	24/02/2003	K28QNH	Quảng Bình	8.2	Giỏi	944	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28212326941	Phan Quyền Anh	20/04/2004	K28QNH	Đắk Lắk	7.5	Khá	945	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204831882	Võ Bích Ngọc	27/09/2004	K28QNH	Đà Nẵng	7.1	Khá	946	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28209405227	Nguyễn Ngọc Thảo Phúc	04/07/2004	K28QNH1	Quảng Ngãi	7.4	Khá	947	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204354792	Bùi Thị Trinh	22/02/2001	K28QNT1	Quảng Nam	8.0	Giỏi	948	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204304387	Dương Lê Thanh Nhã	07/10/2004	K28QNT1	Bình Định	8.1	Giỏi	949	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214337144	Hồ Nhật Long	25/04/2004	K28QNT1	Quảng Bình	8.0	Giỏi	950	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204345807	Hồ Thị Hiếu Ngân	27/09/2004	K28QNT1	Quảng Nam	8.5	Giỏi	951	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
27202727988	Hoàng Trần Châu Anh	22/11/2003	K28QNT1	Quảng Trị	8.5	Giỏi	952	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28208105974	Hứa Thảo Vy	02/09/2004	K28QNT1	Quảng Nam	8.3	Giỏi	953	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
27203138979	Khúc Nguyễn Trúc Ly	12/11/2003	K28QNT1	Quảng Nam	7.5	Khá	954	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204548622	La Thị Thu Oanh	27/02/2004	K28QNT1	Bình Định	8.4	Giỏi	955	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204354652	Lê Thị Hoài Nhi	24/11/2004	K28QNT1	Quảng Nam	8.3	Giỏi	956	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204953962	Lê Thị Thanh Hương	13/08/2004	K28QNT1	Gia Lai	8.2	Giỏi	957	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214603735	Lê Văn Thành Nghĩa	23/12/2004	K28QNT1	Quảng Trị	8.3	Giỏi	958	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214350308	Ngô Chí Bình	08/07/2004	K28QNT1	Đà Nẵng	7.7	Khá	959	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204953955	Ngô Huỳnh Kim Ánh	04/12/2004	K28QNT1	Đà Nẵng	8.4	Giỏi	960	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28217303675	Nguyễn Đức Hoàng	18/09/2004	K28QNT1	Đà Nẵng	8.6	Giỏi	961	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204303595	Nguyễn Ngọc Anh Thư	20/09/2004	K28QNT1	Quảng Trị	7.7	Khá	962	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28205106168	Nguyễn Thị Kim Ngân	30/12/2004	K28QNT1	Bình Định	7.6	Khá	963	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204353106	Nguyễn Thị Thanh Thủy	17/04/2004	K28QNT1	Quảng Nam	7.7	Khá	964	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204349843	Nguyễn Thị Thùy Linh	25/04/2003	K28QNT1	Quảng Nam	8.4	Giỏi	965	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204327474	Nguyễn Thị Yến Nhi	24/10/2004	K28QNT1	Đà Nẵng	8.1	Giỏi	966	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214303199	Nguyễn Thị Yến Nhi	26/03/2004	K28QNT1	Quảng Nam	7.6	Khá	967	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214324844	Nguyễn Trần Quyết	10/01/2004	K28QNT1	Đà Nẵng	7.8	Khá	968	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28211138335	Nguyễn Văn Thành Tín	19/08/2004	K28QNT1	Đà Nẵng	8.4	Giỏi	969	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204353394	Ông Phan Bảo Trân	18/07/2004	K28QNT1	Đà Nẵng	8.5	Giỏi	970	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
27212724112	Phạm Hoàng Phú Thịnh	06/11/2003	K28QNT1	Quảng Nam	7.3	Khá	971	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204353398	Phạm Thị Thanh Tuyền	19/10/2004	K28QNT1	Bình Định	8.1	Giỏi	972	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN
Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (ký vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28209439279	Phan Thanh Tony	01/01/2004	K28QNT1	Quảng Nam	8.6	Giỏi	973	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204354851	Phan Trần Linh Trang	07/04/2004	K28QNT1	Quảng Trị	8.2	Giỏi	974	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204350605	Tổng Thị Thu Huyền	18/10/2004	K28QNT1	Đắk Lắk	8.2	Giỏi	975	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204748045	Trần Đặng Hoàng Trang	04/03/2004	K28QNT1	Đà Nẵng	8.6	Giỏi	976	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204350197	Trần Đoàn Bảo Khôi	04/04/2004	K28QNT1	Phú Yên	8.0	Giỏi	977	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204346159	Trần Mai Thảo	01/06/2004	K28QNT1	Quảng Nam	8.1	Giỏi	978	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204351025	Trần Phạm Diễm Hiếu	13/01/2004	K28QNT1	Quảng Nam	7.8	Khá	979	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204306169	Trần Thị Ngọc Hiếu	07/03/2004	K28QNT1	Bình Định	8.3	Giỏi	980	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204351237	Trần Thị Ngọc Như	08/11/2003	K28QNT1	Đắk Lắk	8.3	Giỏi	981	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204523873	Võ Nguyễn Mỹ Ni	12/02/2004	K28QNT1	Bình Định	7.8	Khá	982	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204354336	Võ Nguyên Thu Quý	13/01/2004	K28QNT1	Đắk Lắk	8.3	Giỏi	983	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204342289	Võ Thị Diệu	11/12/2004	K28QNT1	Đà Nẵng	8.3	Giỏi	984	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204331695	Võ Thị Thu Hằng	28/02/2004	K28QNT1	Thừa Thiên Huế	8.4	Giỏi	985	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214301299	Đinh Nguyễn Tiến	07/02/2004	K28QTH	Đà Nẵng	8.0	Giỏi	986	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214300689	Phan Duy	20/11/2004	K28QTH	Đắk Lắk	7.8	Khá	987	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204350691	Nguyễn Ngọc Quỳnh Giang	07/11/2001	K28QTH8	Đà Nẵng	7.1	Khá	988	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204648346	Phạm Nguyễn Thùy Trang	08/01/2004	K28QTH8	Quảng Trị	7.9	Khá	989	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
27202202114	Phan Thị Như Quỳnh	24/03/2003	K28QTM	Hà Tĩnh	7.9	Khá	990	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204602819	Bùi Nữ Mỹ Tiên	16/02/2004	K28QTM1	Quảng Ngãi	7.7	Khá	991	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206204248	Bùi Thục Uyên	23/11/2004	K28QTM1	Quảng Nam	7.7	Khá	992	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214606741	Đặng Ngọc Anh	31/01/2004	K28QTM1	Đà Nẵng	8.3	Giỏi	993	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214605539	Diệp Xuân Nhân	13/12/2004	K28QTM1	Bình Định	8.0	Giỏi	994	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204521527	Đinh Thị Thảo	27/12/2004	K28QTM1	Bình Định	8.5	Giỏi	995	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28209306262	Đỗ Thị Quỳnh Giao	04/02/2004	K28QTM1	Quảng Nam	8.6	Giỏi	996	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204950164	Đoàn Nguyễn Minh Ánh	03/02/2004	K28QTM1	Đà Nẵng	7.7	Khá	997	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28219349974	Hoàng Nhật Việt	21/08/2004	K28QTM1	Quảng Trị	8.0	Giỏi	998	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204652821	Hứa Như Phương	12/07/2004	K28QTM1	Quảng Nam	8.3	Giỏi	999	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28219036376	Huỳnh Nhật Tiến	06/08/2004	K28QTM1	Đà Nẵng	7.9	Khá	1000	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204653085	Huỳnh Thị Mỹ Lệ	15/06/2004	K28QTM1	Quảng Ngãi	7.7	Khá	1001	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204631933	Lê Bách Thy Hào	16/09/2004	K28QTM1	Đà Nẵng	7.5	Khá	1002	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204652988	Lê Thị Anh Thư	10/04/2004	K28QTM1	Hà Tĩnh	8.0	Giỏi	1003	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204652990	Lê Thị Hoài Thương	27/10/2004	K28QTM1	Quảng Trị	7.9	Khá	1004	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206103628	Lê Thị Mai Nhi	02/05/2004	K28QTM1	Quảng Ngãi	7.9	Khá	1005	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204651948	Lê Thị Minh Châu	03/08/2004	K28QTM1	Quảng Ngãi	8.2	Giỏi	1006	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204653783	Lê Thị Minh Trâm	15/04/2004	K28QTM1	Đà Nẵng	8.2	Giỏi	1007	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204646448	Lê Thị Tường Vi	02/02/2004	K28QTM1	Quảng Nam	8.2	Giỏi	1008	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN
Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (ký vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28208146275	Lê Uyên Vy	03/06/2004	K28QTM1	Đà Nẵng	8.1	Giỏi	1009	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206203142	Ngô Thị Hồng Nhung	13/04/2004	K28QTM1	Quảng Bình	8.2	Giỏi	1010	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214603919	Nguyễn Hữu Anh Khôi	21/11/2004	K28QTM1	Đà Nẵng	7.3	Khá	1011	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214653741	Nguyễn Khánh Toàn	14/09/2004	K28QTM1	Quảng Ngãi	8.4	Giỏi	1012	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28211136543	Nguyễn Lâm Minh Nhật	07/04/2004	K28QTM1	Đà Nẵng	7.4	Khá	1013	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204306415	Nguyễn Ngọc Thảo Nguyên	11/04/2004	K28QTM1	Đà Nẵng	7.6	Khá	1014	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204651185	Nguyễn Thị Bích Hoà	26/11/2004	K28QTM1	Kon Tum	8.5	Giỏi	1015	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204652892	Nguyễn Thị Bích Quyên	24/05/2004	K28QTM1	Quảng Nam	8.4	Giỏi	1016	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204702304	Nguyễn Thị Hồng Lê	14/03/2004	K28QTM1	Quảng Ngãi	7.6	Khá	1017	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204351417	Nguyễn Thị Hồng Trâm	29/11/2004	K28QTM1	Thừa Thiên Huế	8.0	Giỏi	1018	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204303145	Nguyễn Thị Minh Thảo	13/01/2004	K28QTM1	Gia Lai	8.6	Giỏi	1019	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28209306287	Nguyễn Thị Mỹ Hiền	03/01/2004	K28QTM1	Phú Yên	7.9	Khá	1020	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204603367	Nguyễn Thị Phương Thảo	10/05/2004	K28QTM1	Phú Yên	8.5	Giỏi	1021	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204605724	Nguyễn Thị Thanh Nhân	01/01/2004	K28QTM1	Bình Định	8.3	Giỏi	1022	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204653164	Phạm Thị Khánh Linh	14/09/2004	K28QTM1	Quảng Bình	8.9	Giỏi	1023	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204650370	Phan Thị Mỹ Linh	16/05/2004	K28QTM1	Quảng Trị	8.6	Giỏi	1024	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204352646	Phan Thị Như Quỳnh	31/07/2004	K28QTM1	Đà Nẵng	7.6	Khá	1025	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204627671	Phùng Nguyễn Thanh Thảo	02/09/2004	K28QTM1	Đà Nẵng	7.7	Khá	1026	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204138436	Tô Thị Thanh Huyền	06/10/2004	K28QTM1	Quảng Nam	8.0	Giỏi	1027	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204651962	Tôn Từ Tường Vy	05/10/2004	K28QTM1	Quảng Ngãi	8.1	Giỏi	1028	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204653784	Trần Bảo Trân	26/10/2004	K28QTM1	Quảng Nam	8.0	Giỏi	1029	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204605659	Trần Lê Bội Trân	18/11/2004	K28QTM1	Thừa Thiên Huế	8.4	Giỏi	1030	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204653165	Trần Thị Ngọc Linh	01/06/2004	K28QTM1	Quảng Nam	8.0	Giỏi	1031	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214653082	Trương Gia Huy	14/11/2004	K28QTM1	Đà Nẵng	8.0	Giỏi	1032	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214643772	Võ Anh Quân	30/03/2004	K28QTM1	Hà Tĩnh	8.2	Giỏi	1033	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204645593	Võ Thị Kim Duyên	23/03/2004	K28QTM1	Quảng Nam	8.4	Giỏi	1034	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214633782	Võ Thị Vân Khánh	30/01/2004	K28QTM1	Thừa Thiên Huế	8.1	Giỏi	1035	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214600044	Vương Thị Thu Thuận	01/06/2004	K28QTM1	Gia Lai	8.0	Giỏi	1036	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214641933	Bùi Nguyễn Bảo Ngọc	24/09/2004	K28QTM2	Đà Nẵng	8.4	Giỏi	1037	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214602926	Đặng Hoàng Long	05/12/2004	K28QTM2	Nghệ An	8.6	Giỏi	1038	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204603117	Đặng Thùy Linh	02/11/2004	K28QTM2	Gia Lai	8.7	Giỏi	1039	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28208105171	Đỗ Thị Giang	07/02/2004	K28QTM2	Quảng Trị	8.5	Giỏi	1040	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204605365	Đoàn Thị Na	23/01/2004	K28QTM2	Thừa Thiên Huế	7.8	Khá	1041	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214602624	Giáp Đình Thi	12/12/2004	K28QTM2	Khánh Hòa	7.8	Khá	1042	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214600208	Hồ Văn Huỳnh Phát	05/06/2003	K28QTM2	Quảng Ngãi	8.2	Giỏi	1043	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214651853	Lê Thành An	29/11/2003	K28QTM2	Hà Tĩnh	8.5	Giỏi	1044	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN
Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (ký vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28206202298	Lê Thị Hà Vi	08/05/2004	K28QTM2	Đắk Lắk	8.7	Giỏi	1045	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204602042	Lê Thị Hồng Hoa	14/09/2004	K28QTM2	Đắk Lắk	8.5	Giỏi	1046	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206747736	Lê Thị Như Ý	15/08/2004	K28QTM2	Bình Định	8.4	Giỏi	1047	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204652825	Lê Trúc Quyên	24/03/2004	K28QTM2	Gia Lai	8.4	Giỏi	1048	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214652824	Ngô Nhật Quốc	24/09/2004	K28QTM2	Đà Nẵng	8.5	Giỏi	1049	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204601179	Ngô Phạm Thanh Ngân	30/03/2004	K28QTM2	Phú Yên	8.0	Giỏi	1050	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204635946	Ngô Thị Thúy Vy	03/08/2004	K28QTM2	Quảng Nam	8.6	Giỏi	1051	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204641066	Nguyễn Cẩm Thư	19/09/2004	K28QTM2	Đắk Lắk	8.0	Giỏi	1052	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204605942	Nguyễn Đỗ Quỳnh Ngân	20/04/2004	K28QTM2	Quảng Nam	8.3	Giỏi	1053	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204651050	Nguyễn Hoài Bảo Châu	02/01/2004	K28QTM2	Quảng Ngãi	7.9	Khá	1054	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
26212233177	Nguyễn Hoàng Trường Sơn	02/03/2001	K28QTM2	Quảng Ngãi	8.4	Giỏi	1055	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204802987	Nguyễn Lê Khánh Xuân	08/09/2004	K28QTM2	Đà Nẵng	7.9	Khá	1056	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204601402	Nguyễn Ngô Nhật Quỳnh	15/09/2004	K28QTM2	Quảng Nam	8.2	Giỏi	1057	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204600867	Nguyễn Như Quỳnh	01/08/2004	K28QTM2	Bình Định	8.3	Giỏi	1058	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204638962	Nguyễn Thị Bích Trâm	27/10/2004	K28QTM2	Quảng Nam	8.3	Giỏi	1059	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204600167	Nguyễn Thị Mỹ Thuận	12/11/2004	K28QTM2	Quảng Ngãi	8.6	Giỏi	1060	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204323861	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	21/05/2004	K28QTM2	Quảng Nam	8.6	Giỏi	1061	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204653533	Nguyễn Thị Phi Nhung	25/09/2004	K28QTM2	Quảng Nam	8.4	Giỏi	1062	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206200775	Nguyễn Thị Xuân Quỳnh	29/03/2004	K28QTM2	Quảng Nam	8.2	Giỏi	1063	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204604906	Nguyễn Tú Anh	12/06/2004	K28QTM2	Hà Tĩnh	8.7	Giỏi	1064	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204650248	Phạm Nhã Thy	26/11/2004	K28QTM2	Quảng Ngãi	8.3	Giỏi	1065	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204602520	Phan Thị Mỹ Lệ	20/01/2004	K28QTM2	Quảng Nam	8.4	Giỏi	1066	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204652439	Phan Thị Thu Hà	23/07/2004	K28QTM2	Hà Tĩnh	8.2	Giỏi	1067	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28219502272	Tô Châu Hồng Hạc	01/11/2004	K28QTM2	Gia Lai	8.3	Giỏi	1068	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204650069	Trần Phạm Thanh Hằng	07/03/2004	K28QTM2	Quảng Nam	8.3	Giỏi	1069	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214605512	Trần Xuân Trung	30/07/2004	K28QTM2	Đắk Lắk	8.4	Giỏi	1070	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
27212220573	Võ Hoài Nam	23/05/2003	K28QTM2	Kon Tum	8.3	Giỏi	1071	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204652567	Võ Lê Thị Thảo Nguyên	14/07/2004	K28QTM2	Quảng Ngãi	7.7	Khá	1072	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204606060	Võ Thị Thúy Nga	13/05/2004	K28QTM2	Phú Yên	8.7	Giỏi	1073	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204400089	Bùi Thị Thảo Ngân	28/04/2004	K28QTM3	Gia Lai	8.6	Giỏi	1074	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204633962	Bùi Vũ Hoài Thu	21/04/2004	K28QTM3	Đắk Lắk	8.1	Giỏi	1075	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214605431	Đặng Chiến Công	15/06/2003	K28QTM3	Vĩnh Phúc	8.6	Giỏi	1076	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204653041	Đào Thúy Thủy Tiên	25/11/2003	K28QTM3	Đà Nẵng	8.1	Giỏi	1077	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214632280	Đinh Quốc Ngọc	31/07/2004	K28QTM3	Đà Nẵng	8.4	Giỏi	1078	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204634403	Hồ Thị Ngọc Quỳnh	16/11/2004	K28QTM3	Thanh Hóa	8.3	Giỏi	1079	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204151209	Hoàng Thị Quỳnh Giang	20/06/2004	K28QTM3	Quảng Bình	8.4	Giỏi	1080	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN
Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (ký vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28214640082	Huỳnh Thái	04/06/2004	K28QTM3	Quảng Nam	8.3	Giỏi	1081	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204625678	Huỳnh Thị Mỹ Hương	09/11/2004	K28QTM3	Đà Nẵng	8.5	Giỏi	1082	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214652283	Lê Đỗ Quang Khiêm	19/05/2004	K28QTM3	Quảng Ngãi	7.6	Khá	1083	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204603913	Lê Hoàng Anh	26/06/2004	K28QTM3	Quảng Bình	8.1	Giỏi	1084	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204604702	Lê Thị Diệu	07/07/2004	K28QTM3	Quảng Ngãi	8.1	Giỏi	1085	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204646113	Lê Thị Huyền Linh	05/04/2004	K28QTM3	Quảng Trị	8.2	Giỏi	1086	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28202735841	Lê Thị Minh Phúc	06/06/2003	K28QTM3	Gia Lai	8.2	Giỏi	1087	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204304508	Lê Thị Tú Trinh	06/03/2004	K28QTM3	Quảng Nam	8.4	Giỏi	1088	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214653224	Lê Trương Bảo Lộc	18/03/2004	K28QTM3	Quảng Nam	8.5	Giỏi	1089	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28211152201	Lê Văn Nam	12/01/2004	K28QTM3	Quảng Trị	8.3	Giỏi	1090	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204604186	Mai Thị Hoài Thương	12/02/2004	K28QTM3	Quảng Ngãi	8.1	Giỏi	1091	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214604744	Nguyễn Bảo Thân	08/10/2004	K28QTM3	Phú Yên	8.2	Giỏi	1092	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28209303763	Nguyễn Lê Cát Trân	17/03/2004	K28QTM3	Thừa Thiên Huế	8.4	Giỏi	1093	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204650202	Nguyễn Phạm Ái Cẩm	04/10/2004	K28QTM3	Quảng Nam	8.2	Giỏi	1094	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204648513	Nguyễn Phi Nhung	23/03/2004	K28QTM3	Đắk Lắk	8.1	Giỏi	1095	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206633950	Nguyễn Thị Diệu Hương	08/01/2004	K28QTM3	Quảng Trị	8.3	Giỏi	1096	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204652601	Nguyễn Thị Hiền	15/02/2004	K28QTM3	Hà Tĩnh	7.9	Khá	1097	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204646825	Nguyễn Thị Hồng Thắm	15/01/2004	K28QTM3	Bình Định	8.0	Giỏi	1098	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204606919	Nguyễn Thị Lê Quỳnh	26/07/2004	K28QTM3	Quảng Ngãi	8.5	Giỏi	1099	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204650217	Nguyễn Thị Sen	20/02/2004	K28QTM3	Đắk Lắk	8.6	Giỏi	1100	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206606467	Nguyễn Thị Thế Anh	10/01/2004	K28QTM3	Quảng Nam	8.0	Giỏi	1101	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204302263	Nguyễn Thị Thuỳ Trang	16/10/2004	K28QTM3	Quảng Nam	8.6	Giỏi	1102	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206605185	Nguyễn Thị Tú Uyên	01/05/2004	K28QTM3	Quảng Trị	8.3	Giỏi	1103	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204649924	Nguyễn Thùy Vân Nhi	13/10/2004	K28QTM3	Quảng Ngãi	8.3	Giỏi	1104	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204639334	Phạm Đỗ Anh Thư	01/01/2004	K28QTM3	Quảng Nam	8.4	Giỏi	1105	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214604468	Phạm Thị Xuân Linh	10/05/2004	K28QTM3	Quảng Nam	8.0	Giỏi	1106	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214602615	Phan Chính Nguyên	09/09/2004	K28QTM3	Kon Tum	8.3	Giỏi	1107	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204605843	Trần Thị Mỹ Ngọc	06/10/2004	K28QTM3	Thừa Thiên Huế	8.3	Giỏi	1108	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204605739	Trần Thu Hằng	03/01/2004	K28QTM3	Kon Tum	8.2	Giỏi	1109	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214601955	Võ Đình Phúc	29/08/2004	K28QTM3	Quảng Nam	7.4	Khá	1110	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204801608	Võ Thị Như Ý	04/02/2004	K28QTM3	Quảng Nam	7.7	Khá	1111	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214633732	Võ Văn Công	04/12/2004	K28QTM3	Quảng Ngãi	8.3	Giỏi	1112	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204104822	Đào Thị Mỹ Anh	02/10/2004	K28QTM4	Phú Yên	8.4	Giỏi	1113	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214651999	Đỗ Phạm Quốc Bảo	10/09/2004	K28QTM4	Đắk Lắk	8.4	Giỏi	1114	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204601693	Hồ Thuỳ Trang	22/08/2004	K28QTM4	Quảng Ngãi	8.4	Giỏi	1115	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204600391	Huỳnh Hà Trà My	01/06/2004	K28QTM4	Quảng Ngãi	8.2	Giỏi	1116	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN
Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (ký vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28204653374	Huỳnh Thị Bích Nguyên	07/07/2004	K28QTM4	Phú Yên	8.1	Giỏi	1117	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204852907	Huỳnh Thị Phương Thảo	27/06/2004	K28QTM4	Quảng Nam	8.8	Giỏi	1118	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204653532	Kiều Thị Mỹ Nhung	11/06/2004	K28QTM4	Quảng Ngãi	8.6	Giỏi	1119	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204643182	Lê Kiều Trinh	22/10/2004	K28QTM4	Bình Định	7.9	Khá	1120	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204605521	Lê Thị Hiếu Hạnh	17/03/2004	K28QTM4	Quảng Trị	8.0	Giỏi	1121	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204601198	Ngô Thị Quỳnh Nhi	28/11/2004	K28QTM4	Đắk Lắk	8.3	Giỏi	1122	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214606777	Nguyễn Đắc Nguyên	13/04/2004	K28QTM4	Quảng Nam	8.0	Giỏi	1123	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204605176	Nguyễn Hà Vi	17/04/2004	K28QTM4	Nghệ An	7.6	Khá	1124	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204651752	Nguyễn Ngọc Bảo Trâm	23/01/2004	K28QTM4	Quảng Nam	8.5	Giỏi	1125	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204501211	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	08/04/2004	K28QTM4	Thừa Thiên Huế	8.3	Giỏi	1126	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204653039	Nguyễn Thị Hoài Thương	24/04/2004	K28QTM4	Nghệ An	8.2	Giỏi	1127	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204600673	Nguyễn Thị Mỹ Linh	27/06/2004	K28QTM4	Quảng Bình	8.3	Giỏi	1128	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204643593	Nguyễn Thị Phương Thảo	06/08/2004	K28QTM4	Nghệ An	8.5	Giỏi	1129	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204603246	Nguyễn Thị Thanh Châu	14/08/2004	K28QTM4	Phú Yên	8.3	Giỏi	1130	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204602826	Nguyễn Thị Thanh Hạnh	28/11/2004	K28QTM4	Quảng Nam	7.8	Khá	1131	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204606921	Nguyễn Thị Thu Trang	07/12/2004	K28QTM4	Quảng Ngãi	8.3	Giỏi	1132	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204320329	Nguyễn Thị Thùy Trinh	29/10/2004	K28QTM4	Quảng Ngãi	8.2	Giỏi	1133	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204601132	Phạm Thị Hoàng Vi	30/04/2004	K28QTM4	Quảng Nam	8.3	Giỏi	1134	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204653373	Phan Bích Ngọc	02/09/2004	K28QTM4	Hà Tĩnh	8.4	Giỏi	1135	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214349112	Phùng Thái Hưng	20/11/2004	K28QTM4	Quảng Ngãi	7.6	Khá	1136	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214328303	Thân Võ Anh Tuấn	11/09/2004	K28QTM4	Bình Định	8.3	Giỏi	1137	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204605886	Trần Mạnh Phước Tâm	23/08/2004	K28QTM4	Quảng Trị	8.2	Giỏi	1138	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204651737	Trần Thái Thanh	11/05/2004	K28QTM4	Quảng Trị	7.9	Khá	1139	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204903642	Trần Thị Cẩm Nhung	11/10/2004	K28QTM4	Quảng Bình	8.2	Giỏi	1140	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204604752	Trần Thị Kim Phượng	12/11/2004	K28QTM4	Quảng Nam	8.6	Giỏi	1141	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204600449	Trịnh Mai Phương	04/03/2004	K28QTM4	Bình Định	7.7	Khá	1142	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214601421	Trương Lê Duy Khánh	10/01/2004	K28QTM4	Quảng Nam	8.5	Giỏi	1143	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204631556	Trương Thị Hoài Thương	06/11/2004	K28QTM4	Đắk Lắk	8.3	Giỏi	1144	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204601235	Võ Thị Kim Đình	06/02/2004	K28QTM4	Quảng Ngãi	8.6	Giỏi	1145	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204623261	Võ Thị Như	07/10/2004	K28QTM4	Quảng Ngãi	8.7	Giỏi	1146	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204651863	Võ Thị Vi Vân	16/04/2004	K28QTM4	Quảng Nam	8.3	Giỏi	1147	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204625290	Cao Thị Mỹ Tâm	27/07/2004	K28QTM5	Đắk Lắk	7.8	Khá	1148	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28218002046	Đinh Thị Tường Vy	21/09/2004	K28QTM5	Quảng Nam	7.8	Khá	1149	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204651672	Hồ Phạm Hạnh Nguyên	01/08/2004	K28QTM5	Đà Nẵng	8.0	Giỏi	1150	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204642344	Hồ Thị Hoa Lan	01/09/2004	K28QTM5	Đắk Lắk	8.1	Giỏi	1151	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204623055	Hoàng Phan Bảo Trâm	13/05/2004	K28QTM5	Đà Nẵng	7.4	Khá	1152	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN
Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (ký vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28204606288	Hoàng Thị Kim Loan	02/04/2004	K28QTM5	Gia Lai	8.0	Giỏi	1153	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204306873	Huỳnh Hà Như	30/03/2004	K28QTM5	Quảng Nam	7.9	Khá	1154	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214320112	Huỳnh Thị Hoa Sim	14/02/2004	K28QTM5	Quảng Ngãi	8.3	Giỏi	1155	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214305610	Huỳnh Thị Kim Thịnh	09/10/2004	K28QTM5	Quảng Nam	8.2	Giỏi	1156	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204604835	La Thị Kim Anh	15/05/2004	K28QTM5	Thừa Thiên Huế	8.4	Giỏi	1157	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204603877	Lê Nhi Huyền	29/03/2004	K28QTM5	Quảng Bình	8.1	Giỏi	1158	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206531454	Lê Thị Huỳnh Nhi	30/12/2004	K28QTM5	Quảng Nam	8.2	Giỏi	1159	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204606988	Lê Thị Khánh Huyền	30/06/2004	K28QTM5	Quảng Bình	8.0	Giỏi	1160	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204605343	Lê Thị Thanh Tuyền	10/04/2004	K28QTM5	Đắk Lắk	8.4	Giỏi	1161	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204402809	Ngô Nguyễn Xa Ri	09/10/2004	K28QTM5	Quảng Ngãi	8.3	Giỏi	1162	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214652698	Nguyễn Công Nhật Huy	13/01/2004	K28QTM5	Thừa Thiên Huế	8.1	Giỏi	1163	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204648687	Nguyễn Hoài Thương	29/01/2004	K28QTM5	Quảng Nam	7.9	Khá	1164	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214626494	Nguyễn Hồng Đại	22/01/2004	K28QTM5	Quảng Nam	8.2	Giỏi	1165	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28209406385	Nguyễn Kim Ngân	25/01/2004	K28QTM5	Gia Lai	8.1	Giỏi	1166	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28218046019	Nguyễn Lê Thanh Phương	16/11/2004	K28QTM5	Quảng Nam	8.3	Giỏi	1167	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28209336343	Nguyễn Thị Hà Tiên	06/08/2004	K28QTM5	Quảng Nam	8.2	Giỏi	1168	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28209341486	Nguyễn Thị Kim Hoa	03/01/2004	K28QTM5	Kon Tum	8.3	Giỏi	1169	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204320947	Nguyễn Thị Kim Nguyên	25/09/2004	K28QTM5	Quảng Nam	8.1	Giỏi	1170	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204651391	Nguyễn Thị Ngọc Anh	05/12/2003	K28QTM5	Quảng Trị	8.0	Giỏi	1171	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204637042	Nguyễn Thị Thu Hà	09/07/2004	K28QTM5	Nghệ An	8.2	Giỏi	1172	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204621140	Nguyễn Thị Thu Nga	28/11/2004	K28QTM5	Phú Yên	8.4	Giỏi	1173	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204603784	Nguyễn Thị Trà My	02/09/2004	K28QTM5	Quảng Nam	8.0	Giỏi	1174	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214625555	Phạm Hữu Long	13/12/2004	K28QTM5	Quảng Trị	7.9	Khá	1175	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204606266	Phạm Thị Hạ Vi	15/07/2004	K28QTM5	Quảng Nam	7.8	Khá	1176	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214303139	Phan Ngọc Tuấn	10/09/2004	K28QTM5	Gia Lai	8.0	Giỏi	1177	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214652013	Thái Văn Đức Duy	03/06/2004	K28QTM5	Quảng Trị	8.2	Giỏi	1178	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204622239	Trần Kim Oanh	23/12/2004	K28QTM5	Quảng Trị	8.3	Giỏi	1179	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214645732	Trần Nguyên Lâm	27/11/2004	K28QTM5	Quảng Ngãi	8.3	Giỏi	1180	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28208002475	Trần Thị Thái Hậu	29/11/2004	K28QTM5	Quảng Trị	7.8	Khá	1181	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204652602	Trần Thị Thu Hiền	10/09/2004	K28QTM5	Thừa Thiên Huế	8.6	Giỏi	1182	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214606654	Trần Trung Hiếu	17/08/2004	K28QTM5	Quảng Trị	8.1	Giỏi	1183	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214651860	Võ Minh Tuấn	04/04/2004	K28QTM5	Quảng Trị	8.3	Giỏi	1184	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204602037	Võ Tăng Tuyết Nhi	15/03/2004	K28QTM5	Quảng Nam	8.3	Giỏi	1185	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204637290	Bùi Thị Thuý Hằng	24/08/2004	K28QTM6	Khánh Hòa	8.1	Giỏi	1186	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206551819	Đinh Thị Hiền Sương	02/10/2004	K28QTM6	Quảng Nam	7.7	Khá	1187	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204602612	Đỗ Thị Diễm Quỳnh	29/11/2004	K28QTM6	Quảng Nam	7.8	Khá	1188	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN
Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (ký vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28204605175	Dương Thị Thanh Nhân	05/10/2004	K28QTM6	Phú Yên	7.7	Khá	1189	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214802056	Dương Văn Tài	22/10/2004	K28QTM6	Đà Nẵng	8.3	Giỏi	1190	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214331267	Hồ Hoàng Khang	17/11/2004	K28QTM6	Phú Yên	8.1	Giỏi	1191	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204641630	Hồ Thị Ly Na	15/07/2004	K28QTM6	Quảng Nam	7.8	Khá	1192	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204653744	Hồ Thị Thùy Trang	20/01/2004	K28QTM6	Đắk Lắk	8.0	Giỏi	1193	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204651066	Hứa Nguyễn Trà My	18/09/2004	K28QTM6	Bình Định	7.5	Khá	1194	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204652989	Lê Nguyễn Hoài Thương	01/04/2004	K28QTM6	Quảng Nam	7.3	Khá	1195	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204604557	Lê Thị Hồng Vân	24/09/2004	K28QTM6	Phú Yên	8.0	Giỏi	1196	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204643774	Lê Thuỳ Trang	06/12/2004	K28QTM6	Hà Tĩnh	8.4	Giỏi	1197	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204604033	Lê Trúc Phương	15/11/2004	K28QTM6	Quảng Nam	7.2	Khá	1198	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214603187	Lê Văn Hưng	15/04/2004	K28QTM6	Đà Nẵng	7.9	Khá	1199	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204603690	Nguyễn Bảo Ngân	31/05/2004	K28QTM6	Đắk Lắk	8.2	Giỏi	1200	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28218224516	Nguyễn Hoàng Nam	14/12/2004	K28QTM6	Bình Định	7.8	Khá	1201	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214636491	Nguyễn Hữu Phát	22/12/2004	K28QTM6	Quảng Nam	6.5	TB Khá	1202	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204654839	Nguyễn Thanh Minh Thơ	23/10/2004	K28QTM6	Đà Nẵng	8.0	Giỏi	1203	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214649288	Nguyễn Thanh Tuấn	21/04/2004	K28QTM6	Đà Nẵng	7.5	Khá	1204	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204600792	Nguyễn Thị Kim Oanh	21/02/2004	K28QTM6	Quảng Ngãi	8.2	Giỏi	1205	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204600361	Nguyễn Thị Minh Ánh	02/09/2004	K28QTM6	Hà Tĩnh	7.8	Khá	1206	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204646545	Nguyễn Thị Quỳnh Nhi	18/03/2004	K28QTM6	Gia Lai	7.9	Khá	1207	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204651944	Nguyễn Thị Vân Anh	07/04/2004	K28QTM6	Đắk Lắk	8.2	Giỏi	1208	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214641032	Nguyễn Tiến Vũ	17/01/2004	K28QTM6	Quảng Trị	7.7	Khá	1209	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204601405	Phạm Nguyễn Thiên Kim	10/11/2004	K28QTM6	Đà Nẵng	7.7	Khá	1210	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204128278	Phạm Trà Giang	06/12/2004	K28QTM6	Phú Yên	8.1	Giỏi	1211	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204653163	Phan Hà Linh	30/10/2004	K28QTM6	Hà Tĩnh	8.2	Giỏi	1212	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28212327576	Tăng Quốc Huy	21/05/2004	K28QTM6	Đà Nẵng	7.5	Khá	1213	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204634810	Trần Lê Ngọc Thiện	26/03/2004	K28QTM6	Đà Nẵng	7.3	Khá	1214	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214605948	Trần Quang Huy	08/06/2004	K28QTM6	Đắk Lắk	7.9	Khá	1215	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206741170	Trịnh Kim Phượng	17/10/2004	K28QTM6	Quảng Nam	8.1	Giỏi	1216	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204651534	Võ Thị Mai	16/10/2004	K28QTM6	Quảng Bình	8.0	Giỏi	1217	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204652451	Võ Trà My	23/07/2004	K28QTM6	Quảng Ngãi	7.9	Khá	1218	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204603351	Đỗ Thị Diệu Tâm	20/09/2004	K28QTM7	Gia Lai	7.9	Khá	1219	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204606840	Đỗ Thị Minh Nhật	10/09/2004	K28QTM7	Quảng Nam	8.3	Giỏi	1220	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204644635	Dương Thị Mỹ Dung	02/11/2004	K28QTM7	Quảng Nam	8.2	Giỏi	1221	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214602825	Lê Quang Đức Anh	17/01/2004	K28QTM7	Quảng Trị	7.6	Khá	1222	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28202705204	Lê Thảo Ngân	06/04/2004	K28QTM7	Quảng Nam	7.6	Khá	1223	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204606136	Lê Thị Quỳnh Liên	11/09/2004	K28QTM7	Hà Tĩnh	8.6	Giỏi	1224	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN
Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (kỹ vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28204629933	Lê Thị Xuân Vân	17/12/2004	K28QTM7	Đà Nẵng	8.0	Giỏi	1225	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28218045391	Lương Đức Tài	08/11/2004	K28QTM7	Đà Nẵng	8.2	Giỏi	1226	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204622702	Lương Thị Thuỳ Linh	24/09/2004	K28QTM7	Đà Nẵng	8.4	Giỏi	1227	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204603110	Ngô Thị Hoàng Ly	10/01/2004	K28QTM7	Quảng Nam	8.0	Giỏi	1228	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214603512	Nguyễn Bá Nguyên	14/05/2004	K28QTM7	Quảng Trị	7.9	Khá	1229	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204652012	Nguyễn Dân Dân	16/07/2004	K28QTM7	Gia Lai	7.9	Khá	1230	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204600228	Nguyễn Hồng Linh	12/03/2004	K28QTM7	Quảng Bình	7.7	Khá	1231	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204602021	Nguyễn Lam Khánh	30/09/2004	K28QTM7	Nghệ An	8.5	Giỏi	1232	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28209501605	Nguyễn Thị Kiều Duyên	13/01/2004	K28QTM7	Quảng Ngãi	7.6	Khá	1233	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204602733	Nguyễn Thị Nhi	01/01/2004	K28QTM7	Quảng Nam	7.7	Khá	1234	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204602583	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	12/12/2004	K28QTM7	Bình Định	7.4	Khá	1235	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204605906	Nguyễn Thị Thanh Xuân	22/01/2004	K28QTM7	Thừa Thiên Huế	8.0	Giỏi	1236	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204652697	Nguyễn Thị Thu Hồng	21/01/2004	K28QTM7	Đà Nẵng	8.2	Giỏi	1237	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204501944	Nguyễn Thị Thu Phương	10/04/2004	K28QTM7	Đắk Lắk	8.3	Giỏi	1238	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214637683	Ông Văn Cường	10/02/2004	K28QTM7	Đà Nẵng	8.0	Giỏi	1239	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204604802	Phạm Thị Thanh Thảo	14/03/2004	K28QTM7	Quảng Nam	8.0	Giỏi	1240	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214503490	Thân Mạnh Dũng	25/03/2004	K28QTM7	Bình Thuận	7.7	Khá	1241	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214603709	Trần Kim Phong	23/12/2004	K28QTM7	Quảng Trị	7.4	Khá	1242	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28219020207	Trần Nguyễn Anh Khôi	02/01/2004	K28QTM7	Quảng Nam	8.2	Giỏi	1243	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204600322	Trần Thị Kim Thảo	01/06/2004	K28QTM7	Quảng Nam	7.7	Khá	1244	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214741629	Trần Thiện Tâm	20/09/2004	K28QTM7	Quảng Nam	8.0	Giỏi	1245	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214602277	Trương Minh Yên	14/07/2004	K28QTM7	Quảng Nam	8.0	Giỏi	1246	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28219350643	Võ Huỳnh Anh Tuấn	19/01/2004	K28QTM7	Thừa Thiên Huế	7.9	Khá	1247	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
27202220860	Võ Minh Thư	09/04/2003	K28QTM7	Khánh Hòa	8.1	Giỏi	1248	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214601844	Võ Thành Nam	18/01/2004	K28QTM7	Nghệ An	7.8	Khá	1249	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204605769	Võ Thanh Phương	04/03/2004	K28QTM7	Gia Lai	8.3	Giỏi	1250	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204603410	Võ Thị Anh Thư	10/06/2004	K28QTM7	Quảng Nam	8.0	Giỏi	1251	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204601698	Đào Đoàn Nguyên Bảo	03/02/2004	K28QTM8	Hà Tĩnh	8.1	Giỏi	1252	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204651723	Đỗ Thị Tuyết Nhung	22/09/2004	K28QTM8	Quảng Trị	8.1	Giỏi	1253	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214637699	Hà Nguyễn Hoàng Thiên	14/09/2004	K28QTM8	Quảng Nam	7.2	Khá	1254	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28208105564	Huỳnh Thị Vân Anh	24/09/2004	K28QTM8	Đà Nẵng	6.9	TB Khá	1255	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204653916	Lê Thị Hải Yến	25/08/2004	K28QTM8	Quảng Bình	8.1	Giỏi	1256	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204648663	Lê Thị Hoài Thương	22/08/2003	K28QTM8	Quảng Nam	7.6	Khá	1257	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214603971	Ngô Phạm Quốc Khánh	02/09/2004	K28QTM8	Quảng Nam	7.4	Khá	1258	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204606476	Ngô Thanh Thu Thảo	24/09/2004	K28QTM8	Quảng Nam	6.3	TB Khá	1259	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214601903	Nguyễn Hoàng An	15/08/2004	K28QTM8	Đắk Lắk	7.9	Khá	1260	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN
Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (ký vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28209350805	Nguyễn Ngọc Mai	23/06/2004	K28QTM8	Đà Nẵng	8.3	Giỏi	1261	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204303949	Nguyễn Thị Bảo Uyên	02/01/2004	K28QTM8	Quảng Nam	8.3	Giỏi	1262	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204652600	Nguyễn Thị Diệu Hiền	22/12/2004	K28QTM8	Quảng Nam	7.7	Khá	1263	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
27203339700	Nguyễn Thị Hoài Thương	01/01/2003	K28QTM8	Quảng Trị	7.9	Khá	1264	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204329350	Nguyễn Thị Thanh Dung	28/01/2004	K28QTM8	Đà Nẵng	8.2	Giỏi	1265	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204634390	Nguyễn Thị Thu Hằng	13/09/2004	K28QTM8	Đắk Lắk	7.4	Khá	1266	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204651959	Nguyễn Thúy Vi	21/10/2004	K28QTM8	Khánh Hòa	8.3	Giỏi	1267	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
27202243185	Nguyễn Trần Ánh Trâm	01/04/2003	K28QTM8	Quảng Nam	7.4	Khá	1268	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204604960	Nguyễn Trịnh Ngọc Châu	13/10/2004	K28QTM8	Quảng Ngãi	7.7	Khá	1269	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214652695	Nguyễn Văn Hòa	03/07/2004	K28QTM8	Quảng Bình	7.9	Khá	1270	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28218005051	Nguyễn Văn Minh	24/09/2004	K28QTM8	Nghệ An	8.0	Giỏi	1271	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214605218	Nguyễn Xuân Dũng	08/01/2004	K28QTM8	Quảng Trị	8.1	Giỏi	1272	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204803652	Phạm Trần Truyền	10/07/2004	K28QTM8	Quảng Ngãi	8.1	Giỏi	1273	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204604664	Phan Như Huỳnh	02/04/2004	K28QTM8	Quảng Nam	8.6	Giỏi	1274	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28211305653	Thái Gia Khánh	23/10/2004	K28QTM8	Đà Nẵng	6.9	TB Khá	1275	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214601167	Trần Hữu An	13/01/2004	K28QTM8	Đắk Lắk	7.8	Khá	1276	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204825385	Trần Mai Anh	25/11/2004	K28QTM8	Thái Bình	8.4	Giỏi	1277	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214603122	Trần Nguyễn Gia Huy	11/04/2004	K28QTM8	Quảng Nam	8.3	Giỏi	1278	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204604145	Trần Thị Thảo Linh	04/09/2004	K28QTM8	Hà Tĩnh	7.7	Khá	1279	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204306966	Vì Thị Khánh Linh	24/01/2004	K28QTM8	Đắk Nông	7.9	Khá	1280	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28212333082	Võ Đại Bảo Long	28/06/2004	K28QTM8	Gia Lai	8.4	Giỏi	1281	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214601070	Võ Văn Bình	06/10/2004	K28QTM8	Quảng Trị	7.5	Khá	1282	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214604847	Võ Văn Phát	16/07/2004	K28QTM8	Quảng Ngãi	8.4	Giỏi	1283	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214502388	Võ Văn Trọng	08/12/2004	K28QTM8	Đắk Lắk	8.2	Giỏi	1284	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214604837	Bùi Công Thành	15/11/2003	K28QTM9	Quảng Trị	6.6	TB Khá	1285	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206201852	Bùi Thị Mỹ Vân	20/08/2003	K28QTM9	Gia Lai	8.0	Giỏi	1286	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204606195	Đặng Ngọc Gia Hân	23/06/2004	K28QTM9	Đắk Lắk	7.7	Khá	1287	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204600802	Đinh Nguyên Kim Ngân	18/05/2004	K28QTM9	Quảng Nam	7.9	Khá	1288	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214602015	Đinh Nhật Linh	25/01/2004	K28QTM9	Ninh Bình	8.2	Giỏi	1289	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214601328	Đinh Thị Kim Thoa	14/11/2004	K28QTM9	Đắk Lắk	8.2	Giỏi	1290	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28218030235	Đỗ Thành Phát	26/06/2004	K28QTM9	Hồ Chí Minh	8.3	Giỏi	1291	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204623342	Đồng Thị Bích Ngọc	04/09/2004	K28QTM9	Thanh Hóa	8.3	Giỏi	1292	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204325742	Dương Thị Thúy Vân	22/10/2004	K28QTM9	Quảng Bình	8.0	Giỏi	1293	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214605008	Hồ Minh Nghĩa	16/11/2004	K28QTM9	Quảng Ngãi	7.6	Khá	1294	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214652942	Hồ Văn Thái	16/04/2004	K28QTM9	Quảng Nam	8.2	Giỏi	1295	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214600994	Lê Anh Tuấn	23/01/2004	K28QTM9	Quảng Bình	8.5	Giỏi	1296	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN
Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (ký vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28204603492	Lê Huỳnh Như	26/04/2004	K28QTM9	Quảng Nam	7.9	Khá	1297	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28208050440	Lê Thị Thùy Dương	19/09/2004	K28QTM9	Thừa Thiên Huế	7.6	Khá	1298	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204635434	Ngô Thị Huyền Sương	25/05/2004	K28QTM9	Quảng Nam	8.3	Giỏi	1299	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28209302514	Ngô Thị Yên Tịnh	13/11/2004	K28QTM9	Quảng Ngãi	8.4	Giỏi	1300	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206206468	Nguyễn Đài Trang	29/07/2004	K28QTM9	Quảng Nam	7.3	Khá	1301	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204605707	Nguyễn Hồ Hoàng Nhi	05/07/2004	K28QTM9	Quảng Nam	8.1	Giỏi	1302	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214605357	Nguyễn Ngọc Phú Gia	23/01/2004	K28QTM9	Đà Nẵng	8.0	Giỏi	1303	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214602995	Nguyễn Phước Việt Thọ	25/10/2004	K28QTM9	Quảng Nam	7.8	Khá	1304	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214624334	Nguyễn Thành Công	10/01/2004	K28QTM9	Đà Nẵng	8.7	Giỏi	1305	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204600102	Nguyễn Thị Bích Hợp	08/02/2004	K28QTM9	Quảng Nam	7.4	Khá	1306	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28209327165	Nguyễn Thị Lành	19/11/2004	K28QTM9	Quảng Nam	7.8	Khá	1307	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204651861	Nguyễn Thị Tuyết	03/01/2004	K28QTM9	Quảng Nam	7.6	Khá	1308	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204651813	Nguyễn Thị Vi	01/09/2004	K28QTM9	Quảng Ngãi	8.0	Giỏi	1309	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214605188	Nguyễn Văn Trường	25/09/2004	K28QTM9	Đắk Lắk	8.1	Giỏi	1310	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28213101706	Phạm Huy Hoàng	30/10/2004	K28QTM9	Bình Định	8.1	Giỏi	1311	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214622251	Phạm Ngọc Minh	07/05/2004	K28QTM9	Quảng Nam	8.3	Giỏi	1312	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204304281	Phan Thị Hồng Nhung	17/03/2004	K28QTM9	Thừa Thiên Huế	8.2	Giỏi	1313	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204553484	Tổng Hoài Phi	20/12/2004	K28QTM9	Kon Tum	8.1	Giỏi	1314	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28206800006	Trần Nguyên Hồng Phúc	06/02/2004	K28QTM9	Đà Nẵng	7.6	Khá	1315	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214642952	Trần Phan Văn Thiện	16/08/2004	K28QTM9	Đà Nẵng	8.4	Giỏi	1316	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28208002652	Trần Thị Dạ Thảo	24/04/2004	K28QTM9	Quảng Nam	8.2	Giỏi	1317	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214604167	Trần Trọng Khải	19/08/2004	K28QTM9	Quảng Trị	7.5	Khá	1318	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204600573	Vũ Thị Bích Ngọc	26/01/2004	K28QTM9	Đắk Lắk	6.9	TB Khá	1319	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204600355	Bùi Thị Anh Thư	30/07/2004	K28QTM10	Đắk Lắk	7.9	Khá	1320	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204906918	Đào Thị Hạnh	19/04/2004	K28QTM10	Gia Lai	8.5	Giỏi	1321	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204602266	Đỗ Thị Hương	15/10/2004	K28QTM10	Gia Lai	8.3	Giỏi	1322	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204602628	Hồ Thị Loan	09/09/2004	K28QTM10	Quảng Nam	8.3	Giỏi	1323	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204607031	Hồ Trâm Anh	20/07/2003	K28QTM10	Đà Nẵng	8.1	Giỏi	1324	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204639706	Hoàng Thị Khánh Linh	23/05/2004	K28QTM10	Quảng Nam	7.5	Khá	1325	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204602596	Lê Minh Thư	05/01/2004	K28QTM10	Quảng Ngãi	8.1	Giỏi	1326	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204106596	Lê Thị Bích Vân	04/07/2004	K28QTM10	Quảng Ngãi	7.9	Khá	1327	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204648532	Lê Thị Hoàng Oanh	21/09/2004	K28QTM10	Đà Nẵng	7.8	Khá	1328	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204652432	Lê Thị Yến	08/01/2004	K28QTM10	Hà Tĩnh	8.2	Giỏi	1329	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214600841	Lê Trần Bảo Minh	15/02/2004	K28QTM10	Đắk Lắk	8.2	Giỏi	1330	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214304041	Lê Văn Thắng	24/08/2004	K28QTM10	Đắk Nông	7.9	Khá	1331	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28208006135	Ngô Kiều Ninh	02/06/2003	K28QTM10	Đà Nẵng	8.0	Giỏi	1332	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN
Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (ký vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28214641499	Nguyễn Hiếu	14/09/2004	K28QTM10	Quảng Trị	7.4	Khá	1333	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214648008	Nguyễn Thân	05/09/2004	K28QTM10	Đắk Lắk	7.9	Khá	1334	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214605166	Nguyễn Đông Dương	08/05/2004	K28QTM10	Đà Nẵng	7.6	Khá	1335	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214637190	Nguyễn Hữu Lực	24/02/2004	K28QTM10	Đà Nẵng	7.9	Khá	1336	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28207103563	Nguyễn Lê Ánh Duyên	03/08/2004	K28QTM10	Đà Nẵng	8.2	Giỏi	1337	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204649136	Nguyễn Ngọc Tố Uyên	05/09/2004	K28QTM10	Đà Nẵng	7.7	Khá	1338	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204635948	Nguyễn Như Ngọc	08/03/2004	K28QTM10	Quảng Nam	6.7	TB Khá	1339	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204505400	Nguyễn Thị Kim Ngân	03/11/2004	K28QTM10	Quảng Ngãi	7.5	Khá	1340	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204105320	Nguyễn Thị Như Ngọc	25/11/2004	K28QTM10	Đắk Nông	8.2	Giỏi	1341	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204602381	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	22/01/2004	K28QTM10	Quảng Ngãi	7.8	Khá	1342	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204603047	Nguyễn Thị Quỳnh Nhi	18/08/2003	K28QTM10	Quảng Trị	8.6	Giỏi	1343	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204654731	Nguyễn Thị Thanh Hằng	24/07/2004	K28QTM10	Quảng Nam	7.9	Khá	1344	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28208034926	Nguyễn Thị Yến Nhi	30/10/2004	K28QTM10	Đắk Lắk	7.8	Khá	1345	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214654145	Nguyễn Văn Thống	10/01/2003	K28QTM10	Nghệ An	8.4	Giỏi	1346	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214602393	Phạm Đức Thuận	25/05/2004	K28QTM10	Đắk Lắk	8.2	Giỏi	1347	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214632501	Phạm Phú Thịnh	29/09/2004	K28QTM10	Đà Nẵng	7.7	Khá	1348	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214606532	Phạm Quốc Cường	05/03/2004	K28QTM10	Quảng Trị	8.3	Giỏi	1349	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28212302889	Tạ Phong Thanh	02/02/2004	K28QTM10	Bình Định	8.0	Giỏi	1350	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204622484	Trần Nguyễn Ý Vy	04/01/2004	K28QTM10	Đà Nẵng	8.0	Giỏi	1351	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28208206710	Trần Thảo Quyên	13/05/2004	K28QTM10	Đà Nẵng	7.7	Khá	1352	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204526981	Võ Thị Linh	06/05/2004	K28QTM10	Đắk Lắk	8.0	Giỏi	1353	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204636611	Võ Thị Trà Giang	10/01/2004	K28QTM10	Đắk Lắk	8.0	Giỏi	1354	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214601626	Bùi Quang Kha	10/11/2004	K28QTM11	Bình Định	8.0	Giỏi	1355	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214651947	Huỳnh Dương Bình	12/12/2004	K28QTM11	Bình Định	8.2	Giỏi	1356	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204654751	Lê Nguyên Giêng	01/02/2004	K28QTM11	Đắk Lắk	7.7	Khá	1357	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28215234962	Lê Quang Linh	20/12/2003	K28QTM11	Quảng Trị	7.6	Khá	1358	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214645514	Lê Tiến Nam	19/08/2004	K28QTM11	Đà Nẵng	8.2	Giỏi	1359	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214646664	Lê Trương Thành Danh	02/08/2004	K28QTM11	Quảng Nam	7.5	Khá	1360	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28208100634	Ma Thị Hằng	05/07/2004	K28QTM11	Đắk Lắk	8.0	Giỏi	1361	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214600618	Mai Ngọc Hải	15/10/2004	K28QTM11	Quảng Bình	8.4	Giỏi	1362	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214640694	Ngô Thế Hiền	10/12/2004	K28QTM11	Đà Nẵng	8.1	Giỏi	1363	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214327595	Nguyễn Hoàng	23/05/2004	K28QTM11	Đà Nẵng	8.0	Giỏi	1364	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214602469	Nguyễn Công Huy	28/10/2004	K28QTM11	Quảng Nam	8.3	Giỏi	1365	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214600713	Nguyễn Gia Vỹ	01/04/2002	K28QTM11	Kon Tum	8.2	Giỏi	1366	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204601685	Nguyễn Lê Ngọc Trang	23/12/2004	K28QTM11	Quảng Ngãi	8.2	Giỏi	1367	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204605765	Nguyễn Ngọc Thanh Tú	03/08/2004	K28QTM11	Đà Nẵng	7.7	Khá	1368	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN
Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (ký vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28204652009	Nguyễn Thị Bảo Châu	20/08/2002	K28QTM11	Quảng Trị	8.2	Giỏi	1369	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204654799	Nguyễn Thị Bảo Ngân	07/08/2004	K28QTM11	Quảng Nam	7.2	Khá	1370	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204600235	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	05/08/2003	K28QTM11	Kon Tum	8.2	Giỏi	1371	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204605528	Nguyễn Thị Thuỷ Dung	07/07/2004	K28QTM11	Quảng Nam	7.3	Khá	1372	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204652449	Nguyễn Tường Hải Ly	08/07/2004	K28QTM11	Đắk Lắk	8.5	Giỏi	1373	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214601700	Nguyễn Văn Hoà	08/02/2002	K28QTM11	Hà Tĩnh	8.4	Giỏi	1374	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204601522	Nguyễn Võ Như Quỳnh	24/11/2004	K28QTM11	Quảng Ngãi	7.3	Khá	1375	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204606137	Phạm Thị Hồng Phượng	24/02/2003	K28QTM11	Đà Nẵng	7.8	Khá	1376	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214606222	Phạm Tuấn Minh	21/09/2003	K28QTM11	Quảng Ngãi	8.3	Giỏi	1377	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204600594	Phạm Tường Vi	10/11/2003	K28QTM11	Quảng Nam	8.1	Giỏi	1378	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204620707	Phan Thị Hòa	30/04/2004	K28QTM11	Nghệ An	8.3	Giỏi	1379	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204653707	Phan Thị Nữ	26/03/2003	K28QTM11	Quảng Nam	7.8	Khá	1380	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214604991	Phan Văn Hiếu	27/02/2002	K28QTM11	Quảng Bình	8.5	Giỏi	1381	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214606801	Tạ Minh Hải	29/04/2004	K28QTM11	Thái Bình	8.2	Giỏi	1382	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28208005945	Tổng Gia Linh	05/10/2004	K28QTM11	Quảng Ngãi	7.9	Khá	1383	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214606091	Trần Bảo Hiếu	20/01/2003	K28QTM11	Quảng Nam	8.1	Giỏi	1384	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214604806	Trần Phi Công	28/03/2004	K28QTM11	Quảng Bình	8.1	Giỏi	1385	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204604096	Trần Thị Minh Thư	16/05/2003	K28QTM11	Quảng Nam	8.4	Giỏi	1386	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214649704	Bùi Nhật Lâm	07/12/2003	K28QTM12	Đắk Lắk	8.3	Giỏi	1387	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204606573	Đinh Thị Tường Vy	06/05/2004	K28QTM12	Quảng Nam	8.4	Giỏi	1388	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204603616	Dương Thị Huyền Trang	30/01/2004	K28QTM12	Quảng Bình	8.3	Giỏi	1389	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28208027341	Hà Kiều Oanh	07/12/2004	K28QTM12	Đà Nẵng	8.3	Giỏi	1390	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204602658	Hoàng Trần Yến Nhi	06/10/2004	K28QTM12	Gia Lai	8.2	Giỏi	1391	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28219339370	Lê Thành Nhân	28/08/2004	K28QTM12	Đà Nẵng	8.6	Giỏi	1392	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28205121610	Lê Thuỷ Tiên	27/02/2004	K28QTM12	Đà Nẵng	8.2	Giỏi	1393	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204653281	Lưu Thị Kim Ngân	18/05/2004	K28QTM12	Đà Nẵng	9.0	Xuất sắc	1394	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204627347	Mai Ngọc Thảo Nhi	16/02/2004	K28QTM12	Đà Nẵng	8.3	Giỏi	1395	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214653175	Nguyễn Hữu Thịnh	28/10/2004	K28QTM12	Bình Định	8.4	Giỏi	1396	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214651373	Nguyễn Ngọc Trường Sơn	13/09/2004	K28QTM12	Đồng Tháp	7.9	Khá	1397	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204605351	Nguyễn Thị Hồng Nhung	04/05/2004	K28QTM12	Quảng Nam	7.4	Khá	1398	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204602100	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	27/09/2004	K28QTM12	Bình Định	7.7	Khá	1399	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28202280335	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	21/08/2004	K28QTM12	Đắk Lắk	7.8	Khá	1400	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204649101	Nguyễn Thị Tình	10/10/2003	K28QTM12	Quảng Nam	7.2	Khá	1401	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204831889	Nguyễn Thị Uyển Nhi	01/03/2004	K28QTM12	Đà Nẵng	7.9	Khá	1402	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214603204	Nguyễn Việt Toàn	15/06/2004	K28QTM12	Quảng Nam	7.6	Khá	1403	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28211342267	Phạm Quang Minh	21/09/2004	K28QTM12	Quảng Bình	7.8	Khá	1404	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN
Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (ký vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28204605710	Phạm Thị Diệu Anh	31/12/2004	K28QTM12	Gia Lai	7.3	Khá	1405	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28208003982	Phạm Thị Thùy Trang	28/06/2004	K28QTM12	Đắk Lắk	8.2	Giỏi	1406	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204645229	Phạm Thị Thùy Trang	20/03/2004	K28QTM12	Đắk Lắk	8.1	Giỏi	1407	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204604532	Quang Bảo Quyên	22/04/2002	K28QTM12	Đà Nẵng	7.3	Khá	1408	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204654676	Tổng Uyên Phương	23/09/2004	K28QTM12	Đà Nẵng	8.4	Giỏi	1409	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214600811	Trần Đình Thành	20/01/2004	K28QTM12	Đắk Lắk	8.3	Giỏi	1410	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204651599	Trần Hoài Trúc	28/06/2004	K28QTM12	Bình Định	8.5	Giỏi	1411	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204651678	Trần Nguyễn Tâm Phương	17/11/2004	K28QTM12	Đắk Lắk	7.7	Khá	1412	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214605256	Trần Quốc Trí	19/05/2003	K28QTM12	Phú Yên	7.7	Khá	1413	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214329736	Trần Viết Nhân	03/03/2004	K28QTM12	Đà Nẵng	8.4	Giỏi	1414	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204601303	Võ Thị Lâm Nhi	08/08/2003	K28QTM12	Đắk Lắk	8.0	Giỏi	1415	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28204654750	Vũ Thị Thu Uyên	05/11/2003	K28QTM12	Đắk Lắk	8.4	Giỏi	1416	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026
28214651147	Vy Kim Long	30/07/2003	K28QTM12	Lâm Đồng	8.3	Giỏi	1417	Từ ngày 17/08 đến 31/08/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN

**Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam**

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (ký vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28211104344	Bùi Nguyễn Ngọc Thạch	28/03/2004	K28TPM1	Quảng Nam	8.3	Giỏi	1418	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28209051610	Chu Phương Anh	21/08/2004	K28TPM1	Quảng Bình	8.5	Giỏi	1419	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211106483	Đinh Lê Quốc Duy	28/06/2004	K28TPM1	Đà Nẵng	7.9	Khá	1420	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211146367	Đoàn Phong Nguyên	20/10/2004	K28TPM1	Quảng Trị	8.4	Giỏi	1421	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211154740	Hồ Ngọc Bình	04/10/2004	K28TPM1	Đà Nẵng	8.6	Giỏi	1422	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211103836	Huỳnh Đức Huy	15/06/2004	K28TPM1	Đà Nẵng	7.9	Khá	1423	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211100028	Huỳnh Viết Lợi	10/01/2004	K28TPM1	Đà Nẵng	7.9	Khá	1424	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211106705	Lâm Gia Huy	03/03/2004	K28TPM1	Quảng Ngãi	7.4	Khá	1425	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211146951	Lê Cảnh Hùng	04/10/2004	K28TPM1	Đà Nẵng	8.2	Giỏi	1426	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211152659	Lê Hữu Cầu	20/07/2004	K28TPM1	Bình Định	7.7	Khá	1427	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211139303	Lê Huỳnh Minh Hoàng	11/10/2004	K28TPM1	Đà Nẵng	7.7	Khá	1428	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28210233982	Lê Kim Vũ	23/10/2004	K28TPM1	Đà Nẵng	7.9	Khá	1429	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
26214325139	Lê Việt Long	01/08/2002	K28TPM1	Hồ Chí Minh	6.9	TB Khá	1430	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211152656	Ngô Thành Bảo	17/05/2004	K28TPM1	Thừa Thiên Huế	8.0	Giỏi	1431	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211152657	Nguyễn Công Thái Bảo	04/12/2004	K28TPM1	Thừa Thiên Huế	7.3	Khá	1432	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211154702	Nguyễn Đăng Duy Toàn	21/06/2004	K28TPM1	Quảng Nam	7.7	Khá	1433	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211152936	Nguyễn Đăng Khôi	11/07/2004	K28TPM1	Thừa Thiên Huế	7.5	Khá	1434	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28218004271	Nguyễn Đức Trí	23/07/2004	K28TPM1	Quảng Nam	7.9	Khá	1435	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28214525712	Nguyễn Duy Khoa	16/01/2004	K28TPM1	Đà Nẵng	5.4	Trung bình	1436	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211152258	Nguyễn Duy Nghĩa	21/11/2004	K28TPM1	Đà Nẵng	8.1	Giỏi	1437	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211105894	Nguyễn Hữu Anh Việt	07/01/2004	K28TPM1	Quảng Nam	7.4	Khá	1438	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211351043	Nguyễn Lê Trung Thành	07/03/2004	K28TPM1	Gia Lai	7.7	Khá	1439	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28216202796	Nguyễn Lý Bửu Thạch	01/01/2004	K28TPM1	Quảng Nam	7.7	Khá	1440	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211104413	Nguyễn Quang Dũng	19/05/2004	K28TPM1	Quảng Bình	7.8	Khá	1441	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211154770	Nguyễn Quốc Khánh	19/08/2004	K28TPM1	Đà Nẵng	8.2	Giỏi	1442	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211102532	Nguyễn Thành Luân	25/01/2004	K28TPM1	Quảng Nam	7.4	Khá	1443	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28201152595	Nguyễn Thị Như Quỳnh	23/04/2004	K28TPM1	Thừa Thiên Huế	8.2	Giỏi	1444	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28202750046	Nguyễn Thị Thùy Trang	20/02/2004	K28TPM1	Đắk Lắk	8.1	Giỏi	1445	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28210250065	Nguyễn Văn Phước Trường	28/02/2004	K28TPM1	Đà Nẵng	7.7	Khá	1446	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211100486	Nguyễn Việt Anh	23/08/2004	K28TPM1	Thái Bình	7.7	Khá	1447	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211105456	Phạm Hữu Tuấn	25/10/2004	K28TPM1	Đà Nẵng	8.1	Giỏi	1448	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211144485	Phạm Phú Hoàng Duy	04/02/2004	K28TPM1	Quảng Nam	7.0	Khá	1449	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211153072	Phan Công Danh	01/03/2004	K28TPM1	Quảng Bình	8.1	Giỏi	1450	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211152784	Phùng Đình Quang Huy	10/10/2004	K28TPM1	Gia Lai	8.4	Giỏi	1451	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211152835	Trần Huy	01/04/2004	K28TPM1	Đà Nẵng	7.8	Khá	1452	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211153623	Trần Công Hoàng	13/08/2004	K28TPM1	Đà Nẵng	8.4	Giỏi	1453	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211126972	Trần Tiến Anh	26/11/2004	K28TPM1	Đà Nẵng	8.0	Giỏi	1454	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN

**Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam**

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (ký vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28211131349	Trần Văn Huy	16/03/2004	K28TPM1	Thừa Thiên Huế	8.4	Giỏi	1455	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211152935	Trần Văn Khoa	24/05/2004	K28TPM1	Đà Nẵng	7.6	Khá	1456	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211151710	Trịnh Hồng Cường	18/04/2004	K28TPM1	Đà Nẵng	8.2	Giỏi	1457	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211101594	Võ Lê Trung Hiếu	22/07/2004	K28TPM1	Đà Nẵng	7.3	Khá	1458	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28210201916	Võ Thành Việt	01/12/2004	K28TPM1	Quảng Bình	8.1	Giỏi	1459	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211145208	Vương Quốc Hưng	21/05/2004	K28TPM1	Quảng Nam	7.8	Khá	1460	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211134311	Bùi Thành Phát	20/04/2004	K28TPM2	Kon Tum	8.0	Giỏi	1461	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211153445	Đặng Trường Giang	09/06/2004	K28TPM2	Bình Định	8.2	Giỏi	1462	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211101847	Hoàng Thành Lộc	18/01/2004	K28TPM2	Quảng Bình	7.9	Khá	1463	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211154286	Huỳnh Đăng Quốc	29/03/2004	K28TPM2	Đà Nẵng	8.4	Giỏi	1464	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211105554	Huỳnh Văn Huy	19/08/2004	K28TPM2	Đà Nẵng	8.2	Giỏi	1465	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211101906	Lê Anh Khoa	10/01/2004	K28TPM2	Đà Nẵng	8.0	Giỏi	1466	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211101127	Lê Cảnh Việt Tín	14/05/2004	K28TPM2	Thừa Thiên Huế	7.7	Khá	1467	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211151540	Lê Đức Trọng	26/05/2004	K28TPM2	Nam Định	7.6	Khá	1468	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211104973	Lê Dương Nhật	26/11/2004	K28TPM2	Quảng Trị	8.5	Giỏi	1469	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211102904	Lê Minh Hải	21/06/2004	K28TPM2	Thừa Thiên Huế	8.4	Giỏi	1470	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211103516	Lê Ngô Quang Hiếu	07/12/2004	K28TPM2	Đà Nẵng	8.1	Giỏi	1471	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211123105	Lê Phụ Tuấn	28/10/2004	K28TPM2	Thừa Thiên Huế	8.0	Giỏi	1472	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28201126861	Mai Hồ Như Uyên	17/04/2004	K28TPM2	Đà Nẵng	8.4	Giỏi	1473	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211144002	Ngô Đức Thắng	17/08/2004	K28TPM2	Quảng Bình	8.1	Giỏi	1474	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211106069	Ngô Thành Tiến	14/06/2004	K28TPM2	Phú Yên	8.3	Giỏi	1475	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211104273	Ngô Tuấn Huy	13/12/2004	K28TPM2	Quảng Nam	8.1	Giỏi	1476	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211332667	Nguyễn Anh Quốc	05/02/2004	K28TPM2	Đà Nẵng	8.0	Giỏi	1477	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211100087	Nguyễn Gia Huy	02/04/2004	K28TPM2	Quảng Nam	8.2	Giỏi	1478	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211105261	Nguyễn Khánh Nam	08/08/2004	K28TPM2	Quảng Bình	7.5	Khá	1479	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211104860	Nguyễn Lê Nguyên	12/11/2004	K28TPM2	Quảng Trị	7.8	Khá	1480	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211152985	Nguyễn Lê Nguyên	20/03/2004	K28TPM2	Quảng Ngãi	8.5	Giỏi	1481	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28219001016	Nguyễn Quốc Bảo	01/06/2004	K28TPM2	Hà Tĩnh	8.1	Giỏi	1482	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28214352649	Nguyễn Quốc Thành	27/06/2004	K28TPM2	Đà Nẵng	7.7	Khá	1483	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211132382	Nguyễn Quốc Trị	25/10/2004	K28TPM2	Thừa Thiên Huế	8.0	Giỏi	1484	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211352163	Nguyễn Vương Anh Tuấn	16/10/2004	K28TPM2	Bình Định	8.2	Giỏi	1485	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28210203103	Phạm Minh Toàn	15/03/2004	K28TPM2	Quảng Nam	7.6	Khá	1486	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28201153272	Phan Thị Thủy Tiên	21/06/2004	K28TPM2	Kon Tum	8.9	Giỏi	1487	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28201153068	Phùng Khánh Chi	25/09/2004	K28TPM2	Quảng Bình	8.2	Giỏi	1488	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211104514	Trần Anh Huy	12/08/2004	K28TPM2	Thừa Thiên Huế	7.9	Khá	1489	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211124566	Trần Mạnh Cường	13/09/2004	K28TPM2	Đà Nẵng	8.4	Giỏi	1490	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211152542	Trần Minh Quân	18/10/2004	K28TPM2	Quảng Trị	8.2	Giỏi	1491	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN

**Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam**

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (ký vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28211128553	Trần Nguyên Vũ	19/09/2004	K28TPM2	Đà Nẵng	8.1	Giỏi	1492	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211106872	Võ Văn Hiệp	16/06/2004	K28TPM2	Thừa Thiên Huế	7.1	Khá	1493	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211100082	Võ Xuân Thành	04/03/2004	K28TPM2	Đà Nẵng	7.9	Khá	1494	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28210225735	Bùi Quang Thạch	11/10/2004	K28TPM3	Đà Nẵng	6.8	TB Khá	1495	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211138430	Bùi Thanh Minh Hoàng	07/10/2004	K28TPM3	Đà Nẵng	7.1	Khá	1496	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211153391	Châu Trí Đức	27/10/2004	K28TPM3	Quảng Nam	7.0	Khá	1497	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28201152103	Đặng Ngọc Mai	18/05/2004	K28TPM3	Đà Nẵng	7.7	Khá	1498	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211104924	Đào Hữu Quang	16/01/2004	K28TPM3	Quảng Bình	7.5	Khá	1499	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211153732	Đỗ Hải Quý	23/11/2004	K28TPM3	Thừa Thiên Huế	7.4	Khá	1500	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28210251548	Đỗ Mạnh Trung	23/06/2004	K28TPM3	Quảng Nam	7.5	Khá	1501	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211303881	Hồ Ngọc Sơn	09/12/2004	K28TPM3	Quảng Bình	7.2	Khá	1502	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28219005452	Hoàng Hoài Phương	23/08/2004	K28TPM3	Quảng Bình	7.4	Khá	1503	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211352229	Huỳnh Long Vũ	13/09/2004	K28TPM3	Đắk Nông	8.3	Giỏi	1504	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211101812	Lê Phú Gia Bảo	23/10/2004	K28TPM3	Quảng Nam	7.8	Khá	1505	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211105955	Lê Thanh Hà	31/03/2004	K28TPM3	Đắk Lắk	8.0	Giỏi	1506	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211106690	Lê Trúc Hy	01/11/2004	K28TPM3	Quảng Ngãi	7.0	Khá	1507	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28219026070	Lê Xuân Khoa	23/08/2004	K28TPM3	Đà Nẵng	6.9	TB Khá	1508	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28210203474	Ngô Quang Duy	09/06/2004	K28TPM3	Quảng Nam	8.0	Giỏi	1509	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211127934	Nguyễn Diệp Thanh Bình	11/10/2004	K28TPM3	Hồ Chí Minh	7.8	Khá	1510	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211100155	Nguyễn Đỗ Thành Minh	29/03/2004	K28TPM3	Đà Nẵng	7.2	Khá	1511	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211152484	Nguyễn Hoàng Phúc	23/01/2004	K28TPM3	Quảng Nam	8.1	Giỏi	1512	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211153038	Nguyễn Hữu Hồng Quân	23/10/2004	K28TPM3	Quảng Nam	7.2	Khá	1513	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211145984	Nguyễn Tấn Dũng	17/03/2004	K28TPM3	Quảng Ngãi	8.0	Giỏi	1514	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211149560	Nguyễn Tấn Vinh	28/08/2004	K28TPM3	Đà Nẵng	8.0	Giỏi	1515	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211105023	Nguyễn Thanh Vinh	02/11/2004	K28TPM3	Đà Nẵng	7.3	Khá	1516	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28212306347	Nguyễn Trung Kỳ	02/04/2004	K28TPM3	Bình Định	7.4	Khá	1517	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211154498	Nguyễn Văn Vinh	22/04/2004	K28TPM3	Đà Nẵng	6.3	TB Khá	1518	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211150936	Phạm Minh Quân	09/01/2004	K28TPM3	Đắk Lắk	8.3	Giỏi	1519	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211352164	Phan Nhật Tuyến	23/06/2004	K28TPM3	Đà Nẵng	7.7	Khá	1520	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211125114	Trần Đình Bảo Long	24/02/2004	K28TPM3	Thừa Thiên Huế	7.2	Khá	1521	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28204627757	Trần Mai Hương	19/07/2004	K28TPM3	Đà Nẵng	8.1	Giỏi	1522	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211104105	Trần Quốc Dũng	18/08/2004	K28TPM3	Quảng Nam	8.4	Giỏi	1523	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211152210	Trần Viết Tuấn	14/08/2004	K28TPM3	Đà Nẵng	8.0	Giỏi	1524	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28209006751	Trương Hồng Anh	29/03/2004	K28TPM3	Đà Nẵng	8.1	Giỏi	1525	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28210236758	Trương Văn Vũ	19/10/2004	K28TPM3	Quảng Bình	8.2	Giỏi	1526	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211101194	Võ Hồ Thành Trung	26/10/2004	K28TPM3	Quảng Nam	8.2	Giỏi	1527	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28201152200	Vũ Thị Xuân Mỹ	30/10/2004	K28TPM3	Nam Định	7.7	Khá	1528	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN

**Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam**

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (ký vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28211152588	Vương Nguyên Anh	02/12/2004	K28TPM3	Quảng Nam	7.9	Khá	1529	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28213200641	Cao Thanh Bình	10/10/2004	K28TPM4	Bình Định	8.5	Giỏi	1530	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211152886	Đặng Phước Hoàng Long	27/11/2004	K28TPM4	Đà Nẵng	8.3	Giỏi	1531	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211105593	Doãn Khánh Mai	15/06/2004	K28TPM4	Quảng Nam	8.4	Giỏi	1532	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28201104694	Dương Thị Thu Hà	27/08/2004	K28TPM4	Quảng Nam	8.3	Giỏi	1533	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28200233754	Huỳnh Thị Minh Thi	25/05/2004	K28TPM4	Quảng Nam	7.5	Khá	1534	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28201154387	Lê Thị Thùy Trang	25/01/2004	K28TPM4	Đà Nẵng	8.2	Giỏi	1535	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28214130402	Lê Thức Vỹ	09/12/2004	K28TPM4	Gia Lai	7.7	Khá	1536	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211152394	Mạc Văn Vinh	02/01/2004	K28TPM4	Quảng Nam	8.0	Giỏi	1537	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211100839	Mai Trung Hiếu	02/08/2004	K28TPM4	Quảng Nam	8.3	Giỏi	1538	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28219050060	Nguyễn Công Tuấn	09/02/2004	K28TPM4	Quảng Nam	7.8	Khá	1539	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28212102132	Nguyễn Đình Dũng	06/02/2004	K28TPM4	Bình Định	8.4	Giỏi	1540	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211150985	Nguyễn Đức Mạnh	30/10/2004	K28TPM4	Quảng Nam	7.7	Khá	1541	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211149048	Nguyễn Duy Phước	15/09/2004	K28TPM4	Thừa Thiên Huế	7.7	Khá	1542	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211102280	Nguyễn Hà Đức Tuấn	11/01/2004	K28TPM4	Gia Lai	7.9	Khá	1543	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211152261	Nguyễn Hoàng Nhân	09/01/2004	K28TPM4	Đà Nẵng	8.3	Giỏi	1544	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28209038537	Nguyễn Lê Khánh Ly	20/03/2004	K28TPM4	Quảng Nam	8.2	Giỏi	1545	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211129368	Nguyễn Mạnh Khang	28/10/2004	K28TPM4	Hòa Bình	8.3	Giỏi	1546	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28212300306	Nguyễn Mạnh Khôi	19/05/2004	K28TPM4	Quảng Bình	7.5	Khá	1547	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
27211201759	Nguyễn Minh Khôi	05/10/2003	K28TPM4	Đà Nẵng	8.1	Giỏi	1548	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211145892	Nguyễn Minh Phúc	02/11/2004	K28TPM4	Thừa Thiên Huế	7.9	Khá	1549	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211104617	Nguyễn Quang Khải	01/08/2004	K28TPM4	Quảng Nam	8.4	Giỏi	1550	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211151521	Nguyễn Thế Ngọc	10/08/2004	K28TPM4	Quảng Trị	7.7	Khá	1551	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211133139	Nguyễn Tuấn Kiệt	04/01/2004	K28TPM4	Đắk Lắk	7.6	Khá	1552	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211102421	Nguyễn Tuấn Kiệt	17/09/2004	K28TPM4	Quảng Nam	8.1	Giỏi	1553	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211149100	Nguyễn Việt Thắng	24/10/2004	K28TPM4	Hà Nội	7.5	Khá	1554	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28214635406	Phạm Văn Nguyên Ngọc	26/11/2004	K28TPM4	Đà Nẵng	8.4	Giỏi	1555	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211132240	Phan Công Sỹ	17/06/2004	K28TPM4	Quảng Nam	7.9	Khá	1556	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28201101666	Phan Thị Hà Quyên	29/04/2004	K28TPM4	Đà Nẵng	7.7	Khá	1557	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211154302	Trần Văn Thành	29/01/2004	K28TPM4	Hà Tĩnh	8.3	Giỏi	1558	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28210245969	Trần Văn Tiếp	09/11/2004	K28TPM4	Quảng Bình	8.2	Giỏi	1559	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211143703	Trương Công Lộc	31/08/2004	K28TPM4	Đà Nẵng	7.9	Khá	1560	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28214327720	Văn Đức Khiêm	01/03/2004	K28TPM4	Đà Nẵng	8.0	Giỏi	1561	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211146177	Châu Ngọc Hội	14/12/2004	K28TPM5	Đắk Lắk	8.0	Giỏi	1562	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211105959	Doãn Nam Duy	17/07/2004	K28TPM5	Nam Định	8.0	Giỏi	1563	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28219051686	Dương Ngọc Đình	04/04/2004	K28TPM5	Quảng Nam	8.4	Giỏi	1564	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28203503086	Dương Ngọc Xuân Mai	23/02/2004	K28TPM5	Quảng Nam	7.9	Khá	1565	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN

**Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam**

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (ký vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28211104978	Hoàng Tuấn Kiệt	03/04/2004	K28TPM5	Hà Tĩnh	8.3	Giỏi	1566	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211152416	Huỳnh Gia Pho	15/03/2004	K28TPM5	Quảng Nam	7.9	Khá	1567	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211104867	Huỳnh Trọng Nghĩa	24/06/2004	K28TPM5	Quảng Ngãi	7.5	Khá	1568	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28219001284	Lê Đức Huy	15/07/2004	K28TPM5	Hà Tĩnh	7.8	Khá	1569	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211153566	Lê Nguyên Hòa	03/06/2004	K28TPM5	Thừa Thiên Huế	8.1	Giỏi	1570	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211136248	Lê Trung Vũ	24/09/2004	K28TPM5	Quảng Nam	7.0	Khá	1571	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211144475	Lê Văn Quang	17/06/2004	K28TPM5	Đà Nẵng	7.7	Khá	1572	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211144166	Lê Văn Tấn Đạt	15/08/2004	K28TPM5	Quảng Nam	8.1	Giỏi	1573	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211105247	Lê Viết Quốc Hưng	21/08/2004	K28TPM5	Quảng Nam	7.8	Khá	1574	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211106849	Lê Vũ Văn Luân	24/10/2004	K28TPM5	Quảng Nam	7.6	Khá	1575	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28212143479	Ngô Đăng Khoa	15/04/2004	K28TPM5	Quảng Ngãi	8.1	Giỏi	1576	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211105698	Nguyễn Chung Chiến	03/06/2004	K28TPM5	Quảng Ngãi	7.9	Khá	1577	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28201152319	Nguyễn Đặng Yến Nhi	18/04/2004	K28TPM5	Gia Lai	7.8	Khá	1578	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211353716	Nguyễn Hoàng Linh	17/08/2004	K28TPM5	Quảng Nam	8.3	Giỏi	1579	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211350911	Nguyễn Ngọc Thy	02/11/2004	K28TPM5	Đà Nẵng	8.2	Giỏi	1580	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211152532	Nguyễn Như Anh	25/09/2004	K28TPM5	Quảng Nam	8.2	Giỏi	1581	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211135098	Nguyễn Phương Hoàng Long	17/09/2004	K28TPM5	Đà Nẵng	7.8	Khá	1582	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211149562	Nguyễn Quang Phú	26/08/2004	K28TPM5	Thừa Thiên Huế	8.4	Giỏi	1583	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211150100	Nguyễn Quốc Anh	16/03/2004	K28TPM5	Quảng Bình	7.6	Khá	1584	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28200242211	Nguyễn Thị Nhung	20/09/2004	K28TPM5	Quảng Nam	8.1	Giỏi	1585	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28212701567	Nguyễn Văn Long	02/09/2004	K28TPM5	Quảng Nam	7.7	Khá	1586	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28219032809	Nguyễn Võ Thành Công	09/05/2004	K28TPM5	Hà Nội	8.1	Giỏi	1587	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211103869	Phạm Văn Hoàng	30/05/2004	K28TPM5	Hà Tĩnh	7.5	Khá	1588	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211104231	Phan Ngọc Bình	06/12/2004	K28TPM5	Bình Định	8.1	Giỏi	1589	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211153273	Phan Văn Thanh Tiến	23/11/2004	K28TPM5	Đà Nẵng	7.9	Khá	1590	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211106632	Thái Lý Thắng	25/08/2004	K28TPM5	Quảng Ngãi	7.5	Khá	1591	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211103505	Thái Quốc Đạt	28/02/2004	K28TPM5	Quảng Nam	7.2	Khá	1592	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211101188	Trần Quốc An	18/03/2004	K28TPM5	Hà Tĩnh	8.3	Giỏi	1593	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211126425	Trần Trọng Khang	03/05/2004	K28TPM5	Đà Nẵng	8.6	Giỏi	1594	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211106611	Trần Văn Hưng	11/03/2004	K28TPM5	Đà Nẵng	7.8	Khá	1595	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211153835	Trần Văn Tùng	22/11/2004	K28TPM5	Bình Định	8.1	Giỏi	1596	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211152932	Trịnh Quang Khải	27/03/2004	K28TPM5	Đà Nẵng	7.8	Khá	1597	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28210206144	Trương Hữu Thành	08/10/2004	K28TPM5	Quảng Bình	6.8	TB Khá	1598	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211103414	Võ Quốc Huy	07/01/2004	K28TPM5	Quảng Bình	7.7	Khá	1599	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28214553546	Bùi Đình Sang	28/06/2004	K28TPM6	Quảng Nam	7.5	Khá	1600	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28201105816	Đặng Trần Thu Tuyền	18/09/2004	K28TPM6	Đà Nẵng	6.9	TB Khá	1601	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211152104	Đặng Văn Mạnh	15/05/2004	K28TPM6	Quảng Nam	7.9	Khá	1602	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN

**Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam**

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (ký vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28211153503	Dương Đình Hiếu	29/09/2004	K28TPM6	Quảng Trị	8.0	Giỏi	1603	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211106386	Hoàng Trần Bình Lâm	07/10/2004	K28TPM6	Quảng Bình	7.6	Khá	1604	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211106495	Huỳnh Ngọc Phú	01/11/2004	K28TPM6	Quảng Nam	7.7	Khá	1605	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28201100721	Huỳnh Thị Vy	22/06/2004	K28TPM6	Quảng Ngãi	8.0	Giỏi	1606	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211154237	Huỳnh Vũ Trúc Phương	28/06/2004	K28TPM6	Kon Tum	7.3	Khá	1607	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211142794	Lê Minh	18/05/2003	K28TPM6	Quảng Bình	8.2	Giỏi	1608	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28210204596	Lê Anh Khoa	22/08/2004	K28TPM6	Quảng Nam	7.2	Khá	1609	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211100815	Lê Hữu Trọng	19/08/2004	K28TPM6	Quảng Bình	7.9	Khá	1610	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211126611	Lê Trương Ánh Dương	29/09/2004	K28TPM6	Đà Nẵng	7.7	Khá	1611	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211301705	Lê Trường Giang	26/05/2004	K28TPM6	Quảng Bình	7.9	Khá	1612	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211101747	Lê Văn Cường	31/01/2004	K28TPM6	Phú Yên	7.8	Khá	1613	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211100609	Lê Văn Nguyên	11/04/2004	K28TPM6	Quảng Nam	7.9	Khá	1614	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28210250442	Lê Vũ Đức	10/12/2004	K28TPM6	Hà Tĩnh	7.0	Khá	1615	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211149368	Ngô Văn Mạnh Cường	16/05/2004	K28TPM6	Quảng Nam	7.9	Khá	1616	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211106895	Nguyễn Công Đạt	25/10/2004	K28TPM6	Quảng Bình	7.5	Khá	1617	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211149976	Nguyễn Hữu Đông	08/11/2004	K28TPM6	Đà Nẵng	8.0	Giỏi	1618	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211101538	Nguyễn Hữu Mạnh	12/01/2004	K28TPM6	Quảng Nam	7.8	Khá	1619	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211105717	Nguyễn Minh Tú	18/10/2004	K28TPM6	Đà Nẵng	7.8	Khá	1620	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211149964	Nguyễn Quang Vinh	05/03/2004	K28TPM6	Quảng Nam	7.7	Khá	1621	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211105113	Nguyễn Trung Kiên	26/09/2004	K28TPM6	Ninh Bình	7.6	Khá	1622	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211106487	Nguyễn Văn Tân	05/07/2004	K28TPM6	Đà Nẵng	7.8	Khá	1623	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211550772	Nguyễn Văn Thái Nguyên	25/02/2004	K28TPM6	Quảng Nam	7.0	Khá	1624	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211104209	Nguyễn Văn Thanh	24/02/2004	K28TPM6	Kon Tum	7.0	Khá	1625	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28201104777	Phạm Đình Văn Ly	14/05/2004	K28TPM6	Đắk Lắk	7.6	Khá	1626	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211153567	Phạm Minh Hòa	12/08/2004	K28TPM6	Đà Nẵng	7.7	Khá	1627	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28201105193	Phan Thị Lệ Thi	18/07/2004	K28TPM6	Quảng Nam	8.1	Giỏi	1628	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211102974	Phan Văn Thành	06/02/2004	K28TPM6	Thừa Thiên Huế	7.6	Khá	1629	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211153149	Thái Hoàng Thịnh	23/02/2004	K28TPM6	Quảng Nam	8.0	Giỏi	1630	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28201132636	Thái Văn Giác	22/07/2004	K28TPM6	Đà Nẵng	7.7	Khá	1631	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211106334	Trần Anh Vũ	05/10/2004	K28TPM6	Quảng Nam	8.1	Giỏi	1632	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211151152	Trần Đình Thiện	09/10/2004	K28TPM6	Quảng Nam	7.8	Khá	1633	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211102980	Trần Minh Hưng	18/05/2004	K28TPM6	Quảng Nam	7.4	Khá	1634	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211105638	Trần Minh Quang	01/04/2004	K28TPM6	Thừa Thiên Huế	7.9	Khá	1635	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211151021	Trần Tấn Nguyên	06/02/2004	K28TPM6	Gia Lai	6.8	TB Khá	1636	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211105084	Trần Thanh Phương	17/02/2004	K28TPM6	Đắk Lắk	7.9	Khá	1637	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211153692	Trương Nguyễn Đạt Hoàng	26/11/2004	K28TPM6	Hà Tĩnh	7.4	Khá	1638	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28212303283	Bạch Trường Khang	13/10/2004	K28TPM7	Phú Yên	7.9	Khá	1639	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN

**Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam**

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (ký vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28211145085	Đặng Thanh Long	12/11/2004	K28TPM7	Đà Nẵng	7.4	Khá	1640	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211100229	Đinh Trần Tiến Dũng	10/12/2004	K28TPM7	Hà Nội	8.3	Giỏi	1641	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211348081	Đỗ Hoàng Đức	14/07/2004	K28TPM7	Phú Yên	7.7	Khá	1642	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28200231409	Đỗ Thị Ngọc Tiên	15/05/2004	K28TPM7	Đà Nẵng	8.1	Giỏi	1643	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211106003	Hồ Gia Huy	13/09/2004	K28TPM7	Quảng Nam	7.4	Khá	1644	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211151046	Hồ Phương Dũng	22/11/2004	K28TPM7	Đà Nẵng	8.2	Giỏi	1645	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211101113	Lê Nhật Triều	20/10/2004	K28TPM7	Quảng Bình	8.1	Giỏi	1646	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211149631	Lê Văn Đức	15/08/2004	K28TPM7	Quảng Trị	8.1	Giỏi	1647	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28214934587	Lê Văn Quốc Hoài	05/02/2004	K28TPM7	Quảng Trị	8.2	Giỏi	1648	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211353720	Lê Xuân Nhật	12/09/2004	K28TPM7	Hà Tĩnh	7.8	Khá	1649	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28219049177	Nguyễn Đình Vĩ	21/12/2004	K28TPM7	Đắk Lắk	8.2	Giỏi	1650	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211352165	Nguyễn Đức Việt	15/01/2004	K28TPM7	Thừa Thiên Huế	7.8	Khá	1651	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211150419	Nguyễn Quang Hoà	03/09/2004	K28TPM7	Đà Nẵng	8.2	Giỏi	1652	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211152665	Nguyễn Thế Sinh	28/08/2004	K28TPM7	Quảng Ngãi	8.1	Giỏi	1653	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28201151666	Nguyễn Thị Thanh Thảo	01/01/2004	K28TPM7	Quảng Nam	7.5	Khá	1654	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28207205208	Nguyễn Thị Thanh Thúy	14/03/2004	K28TPM7	Quảng Bình	7.4	Khá	1655	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211153622	Phạm Phú Hoàng	07/08/2004	K28TPM7	Đà Nẵng	7.6	Khá	1656	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211149786	Phạm Văn Linh	27/02/2004	K28TPM7	Bình Định	8.3	Giỏi	1657	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211105645	Phan Quốc Trụ	02/08/2004	K28TPM7	Bình Định	7.8	Khá	1658	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211142965	Phan Thế Đạt	15/01/2004	K28TPM7	Quảng Bình	8.6	Giỏi	1659	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211150502	Tân Khương Vỹ	21/11/2004	K28TPM7	Đà Nẵng	8.0	Giỏi	1660	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211153510	Thái Đại Huân	25/10/2004	K28TPM7	Quảng Trị	8.3	Giỏi	1661	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211532668	Trần Đình Ngọc Quý	11/02/2004	K28TPM7	Đà Nẵng	8.2	Giỏi	1662	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28201106365	Trần Minh Phương	07/03/2004	K28TPM7	Nghệ An	8.2	Giỏi	1663	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28201101577	Trần Ngô Trà My	14/02/2004	K28TPM7	Quảng Trị	8.1	Giỏi	1664	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211126424	Trần Nguyễn Quốc Linh	28/03/2004	K28TPM7	Đà Nẵng	8.0	Giỏi	1665	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28204552517	Trần Thị Kim Thanh	06/10/2004	K28TPM7	Quảng Nam	8.2	Giỏi	1666	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28212150026	Trần Văn Quý	13/04/2004	K28TPM7	Quảng Nam	8.3	Giỏi	1667	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28218441719	Trịnh Duy Ngọc	01/11/2004	K28TPM7	Quảng Bình	7.7	Khá	1668	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28212727960	Trương Công Vũ	18/10/2004	K28TPM7	Đà Nẵng	7.3	Khá	1669	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211101874	Tưởng Văn Phương	29/01/2004	K28TPM7	Bình Dương	7.7	Khá	1670	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28212304169	Văn Ngọc Khánh	02/07/2004	K28TPM7	Quảng Trị	8.4	Giỏi	1671	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28210202116	Võ Hoàng Nam	30/09/2004	K28TPM7	Quảng Nam	7.3	Khá	1672	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211106107	Võ Hoàng Phúc	20/10/2004	K28TPM7	Quảng Bình	7.7	Khá	1673	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211101649	Võ Quốc Bảo	24/05/2004	K28TPM7	Phú Yên	8.1	Giỏi	1674	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211149254	Võ Văn Thịnh	12/08/2004	K28TPM7	Quảng Nam	7.9	Khá	1675	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211153079	Bùi Việt Thắng	25/03/2004	K28TPM8	Quảng Trị	7.0	Khá	1676	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN

**Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam**

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (ký vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28211336582	Đặng Công Quốc Bảo	15/09/2004	K28TPM8	Thừa Thiên Huế	7.9	Khá	1677	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211104699	Đỗ Trương Hồng Duyên	04/03/2004	K28TPM8	Bình Định	7.0	Khá	1678	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28201505646	Dương Thị Hoàng Anh	24/04/2004	K28TPM8	Hồ Chí Minh	7.7	Khá	1679	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211151535	Hồ Khoa Anh Minh	14/12/2004	K28TPM8	Đà Nẵng	7.5	Khá	1680	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211148536	Hồ Minh Đức	28/06/2004	K28TPM8	Bình Định	7.5	Khá	1681	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211105606	Hồ Quốc Khanh	14/03/2004	K28TPM8	Quảng Trị	8.1	Giỏi	1682	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28210242233	Hồ Thái Tuấn Khanh	27/11/2003	K28TPM8	Gia Lai	7.1	Khá	1683	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211106064	Hoàng Minh Khánh	31/03/2004	K28TPM8	Quảng Trị	7.6	Khá	1684	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211154718	Lê Anh Tuấn	15/04/2004	K28TPM8	Đà Nẵng	7.5	Khá	1685	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28201154481	Lê Thị Cẩm Ly	06/12/2004	K28TPM8	Quảng Nam	7.8	Khá	1686	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28201100647	Lê Thị Thu Trinh	28/07/2004	K28TPM8	Đà Nẵng	7.9	Khá	1687	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211152127	Lê Thiên Mệnh	13/10/2004	K28TPM8	Quảng Trị	7.2	Khá	1688	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28218144600	Lê Trung Nhân	20/10/2004	K28TPM8	Quảng Nam	7.6	Khá	1689	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211402640	Lê Việt Ngọc	04/03/2004	K28TPM8	Quảng Nam	8.0	Giỏi	1690	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28219033922	Lương Mạnh Trường	23/08/2004	K28TPM8	Quảng Nam	7.4	Khá	1691	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28212706900	Mang Chí Ngọc Trường	01/01/2004	K28TPM8	Quảng Nam	7.2	Khá	1692	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28219034876	Ngô Trần Hoài Bảo	12/06/2004	K28TPM8	Đà Nẵng	8.4	Giỏi	1693	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211102229	Nguyễn Anh Tuấn	03/04/2004	K28TPM8	Quảng Bình	7.8	Khá	1694	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28219031377	Nguyễn Bảo Minh	12/07/2004	K28TPM8	Đà Nẵng	7.7	Khá	1695	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211340481	Nguyễn Đắc Bảo	23/07/2004	K28TPM8	Quảng Nam	8.0	Giỏi	1696	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211153696	Nguyễn Hoàng Huy	25/01/2004	K28TPM8	Quảng Ngãi	7.4	Khá	1697	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211150533	Nguyễn Ngọc Vũ	06/04/2004	K28TPM8	Đà Nẵng	8.2	Giỏi	1698	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28210226955	Nguyễn Trọng Tính	19/02/2004	K28TPM8	Bình Định	7.3	Khá	1699	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211101359	Nguyễn Trung Đức	10/11/2004	K28TPM8	Quảng Bình	7.7	Khá	1700	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28201149694	Nguyễn Tú Uyên	25/05/2004	K28TPM8	Đà Nẵng	7.7	Khá	1701	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211305782	Nguyễn Tuấn Đạt	14/06/2004	K28TPM8	Quảng Trị	8.1	Giỏi	1702	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211144523	Phạm Tuấn	18/07/2004	K28TPM8	Quảng Nam	5.4	Trung bình	1703	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211102223	Phạm Đức Tuấn	26/03/2004	K28TPM8	Bình Dương	7.6	Khá	1704	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211149608	Phạm Tất Chinh	02/12/2004	K28TPM8	Quảng Nam	8.0	Giỏi	1705	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211101921	Phạm Văn Bảo	09/04/2004	K28TPM8	Đắk Lắk	8.1	Giỏi	1706	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211149659	Phạm Văn Thắng	28/08/2004	K28TPM8	Quảng Bình	7.1	Khá	1707	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211104687	Phan Đình Rin	10/01/2004	K28TPM8	Đà Nẵng	6.8	TB Khá	1708	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211105927	Phan Dương Phương Duy	13/09/2004	K28TPM8	Kon Tum	8.2	Giỏi	1709	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211101251	Phan Quang Đính	11/06/2004	K28TPM8	Quảng Nam	7.8	Khá	1710	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211105136	Trần Minh Tú	13/09/2004	K28TPM8	Quảng Nam	7.4	Khá	1711	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28212752108	Trần Phước Tín	01/01/2004	K28TPM8	Quảng Trị	7.8	Khá	1712	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211100143	Trương Quang Vũ	21/03/2004	K28TPM8	Quảng Nam	8.0	Giỏi	1713	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN

**Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam**

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (ký vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28211154463	Trương Văn Tài	12/01/2004	K28TPM8	Quảng Trị	7.6	Khá	1714	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211125240	Trương Võ Hoàng Thanh	15/12/2004	K28TPM8	Đà Nẵng	7.7	Khá	1715	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211151731	Võ Ngọc Ngân	27/10/2004	K28TPM8	Quảng Ngãi	7.9	Khá	1716	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28219105301	Võ Nguyên Khang	06/08/2004	K28TPM8	Khánh Hòa	7.9	Khá	1717	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211137799	Võ Thành Huy	05/07/2004	K28TPM8	Đà Nẵng	7.7	Khá	1718	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211154044	Bùi Tấn Chương	28/09/2004	K28TPM9	Quảng Ngãi	7.3	Khá	1719	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28210204866	Bùi Xuân Thúc	13/05/2004	K28TPM9	Phú Yên	7.5	Khá	1720	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
27211241623	Đặng Thanh Hải	08/12/2003	K28TPM9	Quảng Bình	7.8	Khá	1721	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211100504	Dương Thanh Khải	09/09/2004	K28TPM9	Đắk Nông	7.8	Khá	1722	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211142765	Hồ Ngọc Huy	02/12/2004	K28TPM9	Bình Định	7.6	Khá	1723	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211104163	Hoàng Văn Đức	13/05/2004	K28TPM9	Quảng Bình	7.6	Khá	1724	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211304984	Lê Đình Tuấn Kiệt	28/08/2004	K28TPM9	Quảng Trị	8.1	Giỏi	1725	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28212241493	Lê Hữu Thảo	14/01/2004	K28TPM9	Đà Nẵng	7.4	Khá	1726	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211147027	Lê Khả Tuấn Linh	24/09/2004	K28TPM9	Đà Nẵng	7.1	Khá	1727	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28201105056	Lê Khánh Linh	30/06/2004	K28TPM9	Thừa Thiên Huế	8.1	Giỏi	1728	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28204631272	Lê Thị Thùy Trang	23/10/2004	K28TPM9	Đà Nẵng	8.3	Giỏi	1729	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28219034193	Mai Việt Hoàng	25/05/2004	K28TPM9	Thừa Thiên Huế	7.1	Khá	1730	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211146575	Nguyễn Hoàng Giang	27/08/2004	K28TPM9	Quảng Nam	8.1	Giỏi	1731	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28212734553	Nguyễn Hoàng Long	30/09/2004	K28TPM9	Đà Nẵng	7.6	Khá	1732	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211141925	Nguyễn Khương Long	26/03/2004	K28TPM9	Quảng Nam	7.5	Khá	1733	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211102483	Nguyễn Phan Anh Vũ	09/12/2004	K28TPM9	Quảng Nam	7.7	Khá	1734	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211100248	Nguyễn Phú Tài Nguyên	02/05/2004	K28TPM9	Hồ Chí Minh	8.1	Giỏi	1735	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28201154515	Nguyễn Thị Thu Hà	14/10/2004	K28TPM9	Quảng Nam	8.2	Giỏi	1736	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28219005003	Nguyễn Trường Vũ	28/03/2004	K28TPM9	Quảng Nam	8.2	Giỏi	1737	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211105904	Nguyễn Văn Dương	19/10/2004	K28TPM9	Quảng Nam	8.0	Giỏi	1738	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28219054056	Nguyễn Văn Lộc	17/04/2004	K28TPM9	Quảng Nam	7.9	Khá	1739	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28214647757	Nguyễn Văn Long	12/08/2004	K28TPM9	Quảng Bình	7.0	Khá	1740	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28210249524	Phạm Phú Hưng	19/03/2004	K28TPM9	Đà Nẵng	6.3	TB Khá	1741	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28201101210	Phạm Thị Sâm	14/07/2004	K28TPM9	Quảng Nam	8.1	Giỏi	1742	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211103944	Trần Duy Phước	03/08/2004	K28TPM9	Bình Định	7.7	Khá	1743	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211150624	Trần Khắc Huy	01/10/2004	K28TPM9	Nghệ An	7.2	Khá	1744	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211452514	Trần Minh Triều	15/09/2004	K28TPM9	Quảng Nam	8.0	Giỏi	1745	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28210247483	Trần Văn Quảng	09/10/2004	K28TPM9	Quảng Bình	8.4	Giỏi	1746	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211154761	Trương Thành Lê	05/05/2004	K28TPM9	Quảng Nam	7.9	Khá	1747	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211106000	Võ Thái Hồng Lân	01/05/2004	K28TPM9	Quảng Bình	7.0	Khá	1748	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28210200119	Võ Văn Huân	15/02/2004	K28TPM9	Quảng Bình	8.1	Giỏi	1749	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211106702	Đặng Vĩnh Thành	08/01/2004	K28TPM10	Đà Nẵng	8.2	Giỏi	1750	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN

**Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam**

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (ký vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28214546814	Đoàn Đại Thông	24/09/2004	K28TPM10	Quảng Ngãi	8.5	Giỏi	1751	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211102301	Hoàng Bảo Quang	30/04/2003	K28TPM10	Quảng Bình	7.6	Khá	1752	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211124822	Hoàng Minh Quân	18/03/2004	K28TPM10	Đà Nẵng	7.7	Khá	1753	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211106729	Huỳnh Văn Minh	30/07/2004	K28TPM10	Quảng Nam	8.1	Giỏi	1754	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28219101715	Kiều Phước Thịnh	03/03/2004	K28TPM10	Quảng Nam	8.4	Giỏi	1755	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211149104	Lê Bá Hoàn	12/04/2004	K28TPM10	Quảng Trị	8.0	Giỏi	1756	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211120265	Lê Nhật Tân	22/02/2004	K28TPM10	Quảng Bình	8.1	Giỏi	1757	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211105759	Lê Quang Khánh	18/04/2004	K28TPM10	Hà Tĩnh	8.0	Giỏi	1758	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211153000	Lê Sỹ Lâm	26/09/2004	K28TPM10	Quảng Ngãi	7.7	Khá	1759	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28210243034	Lương Công Phúc	15/09/2004	K28TPM10	Quảng Nam	8.0	Giỏi	1760	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28218249272	Lưu Việt Long	24/05/2004	K28TPM10	Đà Nẵng	8.1	Giỏi	1761	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211100097	Nguyễn Đình Nhật Quân	26/02/2004	K28TPM10	Quảng Nam	8.1	Giỏi	1762	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28214503379	Nguyễn Gia Phú	15/09/2004	K28TPM10	Thừa Thiên Huế	8.3	Giỏi	1763	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211138483	Nguyễn Hoàn Bảo	07/09/2004	K28TPM10	Quảng Nam	8.2	Giỏi	1764	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28201145510	Nguyễn Huỳnh Giang	05/04/2004	K28TPM10	Quảng Nam	8.4	Giỏi	1765	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28214333071	Nguyễn Ngọc Khánh	07/04/2004	K28TPM10	Quảng Nam	7.6	Khá	1766	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211106580	Nguyễn Thanh Bình	13/03/2004	K28TPM10	Quảng Ngãi	8.2	Giỏi	1767	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28201106332	Nguyễn Thị Hoàng Anh	26/11/2004	K28TPM10	Đà Nẵng	8.2	Giỏi	1768	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211102789	Nguyễn Tiến Sơn	10/08/2004	K28TPM10	Quảng Trị	7.8	Khá	1769	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211120127	Nguyễn Trần Minh Hiếu	12/02/2004	K28TPM10	Quảng Nam	8.3	Giỏi	1770	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211106677	Nguyễn Văn Quốc Nhật	08/08/2004	K28TPM10	Hà Tĩnh	7.7	Khá	1771	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211102359	Phạm Đức Quỳnh	31/10/2004	K28TPM10	Quảng Nam	8.1	Giỏi	1772	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211100062	Phạm Hữu Học	30/01/2004	K28TPM10	Quảng Trị	8.0	Giỏi	1773	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211106637	Phạm Ngọc Thái	11/05/2004	K28TPM10	Quảng Ngãi	7.8	Khá	1774	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211150516	Phạm Thanh Hiền	14/05/2004	K28TPM10	Đà Nẵng	8.1	Giỏi	1775	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28201104500	Phan Trần Xuân Nhi	16/11/2004	K28TPM10	Phú Yên	7.9	Khá	1776	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211105515	Tạ Ngọc Huy	15/04/2004	K28TPM10	Quảng Nam	7.9	Khá	1777	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28219024116	Thái Bảo Chánh	05/11/2004	K28TPM10	Đà Nẵng	7.5	Khá	1778	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211105437	Trần Thiện	22/01/2004	K28TPM10	Quảng Nam	8.2	Giỏi	1779	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211150335	Trần Duy Tân	21/07/2004	K28TPM10	Đà Nẵng	8.3	Giỏi	1780	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211100796	Trần Kiên Tân	05/04/2004	K28TPM10	Quảng Nam	7.6	Khá	1781	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28218143666	Trần Lê Huy Tiến	29/10/2004	K28TPM10	Quảng Nam	8.5	Giỏi	1782	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211141612	Trần Ngọc Thiện	08/12/2004	K28TPM10	Quảng Nam	8.4	Giỏi	1783	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211153393	Trần Thế Đức	25/10/2004	K28TPM10	Quảng Trị	8.3	Giỏi	1784	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211138792	Trần Viết Hoàng Hào	14/04/2004	K28TPM10	Đà Nẵng	8.0	Giỏi	1785	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211105308	Võ Công Chính	02/02/2004	K28TPM10	Hà Tĩnh	8.5	Giỏi	1786	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211302763	Võ Hồng Thái	07/02/2004	K28TPM10	Quảng Ngãi	8.0	Giỏi	1787	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN

**Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam**

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (ký vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28213500249	Võ Quốc Thanh	18/09/2004	K28TPM10	Gia Lai	6.8	TB Khá	1788	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28212300483	Bùi Trung Hiếu	09/12/2004	K28TPM11	Quảng Bình	8.0	Giỏi	1789	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211105134	Hà Phước Thịnh	31/01/2004	K28TPM11	Quảng Nam	8.4	Giỏi	1790	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211103238	Hà Tây Nguyên	01/12/2004	K28TPM11	Gia Lai	7.9	Khá	1791	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211104512	La Minh Trường	06/04/2004	K28TPM11	Kon Tum	7.2	Khá	1792	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211106761	Lâm Sơn Nhật	26/03/2004	K28TPM11	Bình Định	8.2	Giỏi	1793	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28201103305	Lâm Thị Vi	12/08/2004	K28TPM11	Quảng Ngãi	8.1	Giỏi	1794	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211145670	Lê Hữu Minh Tuấn	27/10/2004	K28TPM11	Quảng Trị	7.7	Khá	1795	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28219051042	Lê Tấn Tập	07/09/2004	K28TPM11	Đà Nẵng	8.1	Giỏi	1796	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211132955	Lê Thái Mạnh Cường	07/08/2004	K28TPM11	Đà Nẵng	7.7	Khá	1797	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28201105870	Lê Thị Thanh Lam	30/04/2003	K28TPM11	Hà Tĩnh	8.2	Giỏi	1798	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211150401	Lê Trần Bình An	16/02/2004	K28TPM11	Quảng Nam	8.2	Giỏi	1799	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211100762	Lê Tự Tuấn Sang	26/10/2004	K28TPM11	Quảng Nam	8.0	Giỏi	1800	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28219103817	Nguyễn Anh Hiếu	24/01/2004	K28TPM11	Thừa Thiên Huế	8.1	Giỏi	1801	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28210201094	Nguyễn Hoàng Thông	28/08/2004	K28TPM11	Thừa Thiên Huế	7.6	Khá	1802	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211152015	Nguyễn Ngọc Hoàng Long	18/09/2004	K28TPM11	Quảng Nam	7.8	Khá	1803	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211146399	Nguyễn Ngọc Tú	11/04/2004	K28TPM11	Quảng Bình	7.8	Khá	1804	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211150058	Nguyễn Phước Huân	19/10/2004	K28TPM11	Quảng Nam	7.8	Khá	1805	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211146611	Nguyễn Quang Nhật	15/10/2004	K28TPM11	Quảng Nam	8.1	Giỏi	1806	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211351994	Nguyễn Văn Nhật Tân	27/01/2004	K28TPM11	Quảng Nam	7.8	Khá	1807	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211106441	Nguyễn Văn Thuận	25/06/2004	K28TPM11	Quảng Bình	7.7	Khá	1808	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211148539	Nguyễn Việt Hoàng	15/06/2004	K28TPM11	Đắk Lắk	7.8	Khá	1809	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211152688	Phạm Duy Thành	02/08/2004	K28TPM11	Quảng Bình	7.9	Khá	1810	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28214600996	Phạm Hữu Thân Thương	21/05/2004	K28TPM11	Quảng Nam	8.1	Giỏi	1811	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211104284	Phạm Văn An	20/06/2004	K28TPM11	Đà Nẵng	8.1	Giỏi	1812	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28210203610	Phan Hồ Phi Việt	22/06/2004	K28TPM11	Quảng Trị	7.9	Khá	1813	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211152317	Phan Sĩ Nhật	01/02/2004	K28TPM11	Quảng Nam	8.3	Giỏi	1814	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211151053	Phan Thanh Chiến	03/02/2004	K28TPM11	Quảng Bình	7.6	Khá	1815	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211132381	Phan Văn Tín	05/02/2004	K28TPM11	Đắk Lắk	7.8	Khá	1816	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28214348766	Tô Đăng Huy	07/07/2004	K28TPM11	Đắk Lắk	8.3	Giỏi	1817	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211106906	Trần Anh Quân	05/05/2004	K28TPM11	Quảng Nam	8.1	Giỏi	1818	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211151205	Trần Quang Quốc	05/03/2004	K28TPM11	Quảng Nam	7.9	Khá	1819	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211102727	Trần Thiên Phú	22/02/2004	K28TPM11	Quảng Ngãi	8.1	Giỏi	1820	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211101087	Trịnh Quang Công	11/09/2004	K28TPM11	Quảng Nam	8.0	Giỏi	1821	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211153693	Văn Công Duy Hoàng	17/01/2004	K28TPM11	Quảng Nam	8.1	Giỏi	1822	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28219041519	Võ Hoàng Long	10/09/2004	K28TPM11	Quảng Nam	8.1	Giỏi	1823	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28219103552	Võ Khải Hoàn	07/11/2004	K28TPM11	Quảng Bình	7.9	Khá	1824	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN

**Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam**

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (ký vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28211136231	Bùi Gia Huy	05/08/2004	K28TPM12	Gia Lai	7.0	Khá	1825	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211103731	Bùi Văn Minh	11/02/2004	K28TPM12	Quảng Trị	7.2	Khá	1826	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211146038	Cù Đình Dũng	28/05/2004	K28TPM12	Quảng Nam	7.1	Khá	1827	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211126426	Đinh Thành Đạt	04/10/2004	K28TPM12	Đà Nẵng	7.2	Khá	1828	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28201136699	Đinh Thị Phương	29/09/2004	K28TPM12	Quảng Nam	7.4	Khá	1829	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211102177	Kiều Lương	02/09/2004	K28TPM12	Quảng Nam	7.4	Khá	1830	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28214601118	Lê Tấn Lĩnh	28/12/2004	K28TPM12	Đà Nẵng	7.2	Khá	1831	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211102402	Lê Trung Kiên	14/05/2004	K28TPM12	Đà Nẵng	7.4	Khá	1832	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211106313	Lê Xuân Hoàng	10/09/2004	K28TPM12	Đà Nẵng	6.9	TB Khá	1833	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211132910	Lý Anh Kiệt	21/10/2004	K28TPM12	Đà Nẵng	7.1	Khá	1834	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28219003330	Nguyễn Chí Tây	16/05/2004	K28TPM12	Quảng Nam	7.1	Khá	1835	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211154668	Nguyễn Công Thành	12/04/2004	K28TPM12	Quảng Nam	7.6	Khá	1836	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28212341661	Nguyễn Đại Việt	19/02/2004	K28TPM12	Quảng Nam	7.8	Khá	1837	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211100352	Nguyễn Đức Cảnh	16/07/2004	K28TPM12	Quảng Ngãi	7.9	Khá	1838	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211154319	Nguyễn Duy Hùng	08/10/2004	K28TPM12	Quảng Nam	8.0	Giỏi	1839	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28217441701	Nguyễn Ngọc Duy Hưng	24/01/2004	K28TPM12	Đắk Lắk	7.3	Khá	1840	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211152667	Nguyễn Quốc Tấn	03/09/2004	K28TPM12	Hà Tĩnh	7.5	Khá	1841	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211129198	Nguyễn Tấn Cao Trí	02/01/2004	K28TPM12	Đà Nẵng	7.0	Khá	1842	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211102998	Nguyễn Thành Đạt	21/08/2004	K28TPM12	Phú Yên	7.4	Khá	1843	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28215206650	Nguyễn Trần Đăng Trường	15/04/2004	K28TPM12	Quảng Ngãi	7.3	Khá	1844	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211101635	Nguyễn Văn Hiếu	20/04/2004	K28TPM12	Quảng Bình	7.0	Khá	1845	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211104559	Nguyễn Văn Huy Hoàng	01/11/2004	K28TPM12	Quảng Bình	6.8	TB Khá	1846	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28210245382	Nguyễn Văn Nhân	13/05/2004	K28TPM12	Quảng Ngãi	7.4	Khá	1847	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211101030	Nguyễn Văn Phi	31/07/2004	K28TPM12	Quảng Ngãi	6.9	TB Khá	1848	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28201152414	Nhan Thị Ngọc Nữ	04/01/2004	K28TPM12	Quảng Trị	7.4	Khá	1849	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211146655	Phạm Văn Tuấn Kiệt	01/09/2004	K28TPM12	Quảng Nam	7.4	Khá	1850	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28210246107	Phan Thanh Đức	19/02/2004	K28TPM12	Quảng Nam	7.1	Khá	1851	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211104795	Thái Văn Phước	09/10/2004	K28TPM12	Nghệ An	8.2	Giỏi	1852	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211106957	Trần Thái	07/08/2004	K28TPM12	Quảng Nam	7.0	Khá	1853	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211154197	Trần Lâm Viên	02/04/2004	K28TPM12	Quảng Nam	7.2	Khá	1854	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211352305	Trần Ngọc Huy	14/10/2004	K28TPM12	Quảng Nam	7.1	Khá	1855	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211137022	Trần Thế Hiền	23/09/2004	K28TPM12	Quảng Nam	7.4	Khá	1856	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28201123049	Trần Thị Thúy Hằng	01/08/2004	K28TPM12	Quảng Nam	7.9	Khá	1857	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211147742	Trần Văn Trà	22/04/2004	K28TPM12	Gia Lai	7.5	Khá	1858	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211344723	Văn Hữu Thành Long	24/09/2004	K28TPM12	Quảng Nam	6.8	TB Khá	1859	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211104767	Võ Văn Kính	01/02/2004	K28TPM12	Quảng Nam	6.8	TB Khá	1860	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28209302775	Quynh	16/12/2004	K28TPM13	Gia Lai	8.0	Giỏi	1861	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN

**Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam**

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (ký vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28212738475	Đặng Gia Bảo	10/03/2004	K28TPM13	Quảng Nam	8.3	Giỏi	1862	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28210203728	Đặng Hồng Quân	20/05/2004	K28TPM13	Gia Lai	6.9	TB Khá	1863	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211100280	Đặng Huỳnh Tín	30/06/2004	K28TPM13	Bình Định	7.1	Khá	1864	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28210235656	Đinh Văn Phước Long	27/07/2004	K28TPM13	Quảng Nam	7.7	Khá	1865	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211100924	Dương Tấn Thiên	14/09/2004	K28TPM13	Quảng Nam	7.2	Khá	1866	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211106772	Hoàng Anh Duy	23/12/2004	K28TPM13	Đà Nẵng	8.0	Giỏi	1867	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28212301311	Huỳnh Văn Hiếu	02/01/2004	K28TPM13	Quảng Nam	7.5	Khá	1868	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211152288	Lê Đình Văn	09/05/2004	K28TPM13	Quảng Nam	8.0	Giỏi	1869	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211151899	Lê Hoàng Bảo Long	13/09/2004	K28TPM13	Quảng Ngãi	8.2	Giỏi	1870	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211152259	Lê Lương Bảo Nguyên	19/04/2004	K28TPM13	Phú Yên	7.8	Khá	1871	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211153080	Lê Tất Thắng	13/10/2004	K28TPM13	Quảng Nam	7.9	Khá	1872	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
27211201018	Lê Thế Bảo	23/07/2003	K28TPM13	Quảng Nam	7.5	Khá	1873	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211150194	Lương Văn Tâm	18/04/2004	K28TPM13	Quảng Nam	7.8	Khá	1874	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28210206286	Mai Quốc Quân	03/11/2004	K28TPM13	Đà Nẵng	7.9	Khá	1875	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211150113	Ngô Dĩ Khang	13/12/2004	K28TPM13	Quảng Ngãi	8.2	Giỏi	1876	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211100140	Nguyễn Công Huy	14/09/2004	K28TPM13	Quảng Nam	8.1	Giỏi	1877	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211141152	Nguyễn Đình Đức Mạnh	27/04/2004	K28TPM13	Hà Tĩnh	7.9	Khá	1878	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211106443	Nguyễn Hùng Vỹ	15/05/2004	K28TPM13	Đà Nẵng	7.9	Khá	1879	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28201105432	Nguyễn Lê Hoàng My	24/03/2004	K28TPM13	Quảng Nam	8.1	Giỏi	1880	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28213128558	Nguyễn Quang Long	02/01/2004	K28TPM13	Đà Nẵng	8.4	Giỏi	1881	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211105019	Nguyễn Tấn Dũng	02/01/2004	K28TPM13	Đà Nẵng	7.6	Khá	1882	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211105270	Nguyễn Thanh Tín	24/11/2004	K28TPM13	Quảng Nam	7.5	Khá	1883	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28201145201	Nguyễn Thị Diễm Hằng	30/04/2004	K28TPM13	Quảng Nam	8.1	Giỏi	1884	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28201152830	Nguyễn Thị Hoài Linh	01/02/2004	K28TPM13	Đắk Lắk	8.1	Giỏi	1885	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211153563	Nguyễn Văn Hiếu	16/05/2004	K28TPM13	Quảng Nam	8.1	Giỏi	1886	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211104535	Nguyễn Văn Quốc Huy	01/11/2004	K28TPM13	Quảng Bình	8.2	Giỏi	1887	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28212344546	Phạm Nguyên Lương	01/10/2004	K28TPM13	Quảng Bình	7.4	Khá	1888	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28201151369	Phan Lê Thảo Duyên	28/12/2004	K28TPM13	Quảng Trị	8.5	Giỏi	1889	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211125337	Trần Hoàng Phú	20/03/2004	K28TPM13	Quảng Trị	8.0	Giỏi	1890	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28201103895	Trần Thị Phương Thảo	13/10/2004	K28TPM13	Đắk Lắk	7.4	Khá	1891	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28201102309	Trần Thị Tường Vy	09/09/2004	K28TPM13	Quảng Nam	7.9	Khá	1892	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28212751978	Trần Văn Thắng	10/12/2004	K28TPM13	Quảng Nam	8.0	Giỏi	1893	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28204327841	Trịnh Thị Ngọc Nhi	07/06/2004	K28TPM13	Đà Nẵng	8.1	Giỏi	1894	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28212304457	Võ Dương	23/06/2004	K28TPM13	Đà Nẵng	7.5	Khá	1895	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211106743	Võ Nguyên Khoa	03/02/2004	K28TPM13	Đà Nẵng	8.0	Giỏi	1896	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211105480	Võ Văn Hưng	25/06/2004	K28TPM13	Quảng Nam	7.9	Khá	1897	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211351013	Võ Văn Ngọc	23/11/2004	K28TPM13	Quảng Nam	8.0	Giỏi	1898	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN

**Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam**

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (ký vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28208105257	Đặng Thị Ngọc Ánh	11/02/2004	K28TPM14	Quảng Nam	7.8	Khá	1899	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28219001687	Đinh Văn Ngọc Toàn	06/12/2004	K28TPM14	Quảng Trị	8.1	Giỏi	1900	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211102996	Dương Công Vũ	20/01/2004	K28TPM14	Hà Tĩnh	7.9	Khá	1901	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211101953	Dương Tấn Dũng	28/07/2004	K28TPM14	Quảng Nam	8.0	Giỏi	1902	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211252569	Hồ Duy Công	04/02/2004	K28TPM14	Quảng Trị	8.0	Giỏi	1903	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211135048	Hồ Hoàng Nhất Hiền	07/09/2004	K28TPM14	Quảng Trị	7.4	Khá	1904	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211152685	Hồ Văn Thanh	08/03/2004	K28TPM14	Quảng Nam	8.0	Giỏi	1905	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28210246124	Hoàng Hải Minh Duy	02/11/2004	K28TPM14	Thừa Thiên Huế	7.3	Khá	1906	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28212720143	Hoàng Nhật Khánh	06/11/2004	K28TPM14	Đà Nẵng	6.8	TB Khá	1907	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211136074	Huỳnh Đình Vũ	15/12/2004	K28TPM14	Quảng Nam	8.5	Giỏi	1908	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211102094	Lê Anh Vũ	18/12/2004	K28TPM14	Phú Yên	8.3	Giỏi	1909	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211141998	Lê Minh Hoàng	20/03/2004	K28TPM14	Quảng Nam	7.0	Khá	1910	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211136811	Lê Phúc Anh	01/07/2004	K28TPM14	Hưng Yên	8.2	Giỏi	1911	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211101676	Lê Văn Vương	07/02/2004	K28TPM14	Quảng Trị	8.2	Giỏi	1912	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211153620	Ngô Nhật Hoàng	23/03/2004	K28TPM14	Quảng Nam	8.2	Giỏi	1913	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211153512	Nguyễn Gia Huy	17/11/2004	K28TPM14	Quảng Nam	7.4	Khá	1914	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211105846	Nguyễn Minh Huy	17/09/2004	K28TPM14	Kon Tum	7.2	Khá	1915	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28212305943	Nguyễn Thanh Đạt	02/01/2004	K28TPM14	Quảng Bình	8.0	Giỏi	1916	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211153444	Nguyễn Thành Được	12/05/2004	K28TPM14	Bình Định	7.8	Khá	1917	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28201151055	Nguyễn Thị Kim Chi	27/10/2004	K28TPM14	Quảng Ngãi	8.3	Giỏi	1918	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28210206539	Nguyễn Tiến Hoàng Thịnh	07/03/2004	K28TPM14	Đắk Lắk	7.6	Khá	1919	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211105037	Nguyễn Văn Đức	18/10/2004	K28TPM14	Đà Nẵng	7.5	Khá	1920	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28214652091	Nguyễn Văn Dương	01/12/2003	K28TPM14	Quảng Nam	6.3	TB Khá	1921	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211105792	Nguyễn Văn Giới	30/11/2004	K28TPM14	Quảng Nam	8.2	Giỏi	1922	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28214652003	Nguyễn Văn Phú Cường	07/01/2004	K28TPM14	Quảng Nam	8.3	Giỏi	1923	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211152209	Trần Anh Tuấn	07/06/2004	K28TPM14	Quảng Bình	8.0	Giỏi	1924	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211149901	Trần Huỳnh Duy	28/07/2004	K28TPM14	Thừa Thiên Huế	7.0	Khá	1925	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28219005486	Trần Thanh Hoàng	09/06/2004	K28TPM14	Quảng Nam	7.9	Khá	1926	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28204953869	Trần Thị Cẩm Tiên	24/09/2004	K28TPM14	Thừa Thiên Huế	7.9	Khá	1927	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28201103582	Trần Thị Mai Yên	10/07/2004	K28TPM14	Quảng Ngãi	8.1	Giỏi	1928	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211150167	Trần Văn Cường	12/03/2004	K28TPM14	Nghệ An	8.0	Giỏi	1929	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211149876	Trần Văn Thu	17/06/2004	K28TPM14	Quảng Nam	8.0	Giỏi	1930	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28201152687	Võ Thị Thanh	25/08/2004	K28TPM14	Quảng Ngãi	8.4	Giỏi	1931	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28210203149	Đặng Đăng Trung	18/02/2003	K28TPM15	Đà Nẵng	7.6	Khá	1932	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211106965	Dương Văn Tài	16/10/2004	K28TPM15	Quảng Nam	8.2	Giỏi	1933	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211104889	Hà Đức Hòa	27/10/2004	K28TPM15	Quảng Nam	7.5	Khá	1934	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211152014	Lê Phúc Long	17/10/2004	K28TPM15	Quảng Trị	8.1	Giỏi	1935	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN

**Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam**

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (ký vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28211142544	Lê Quốc Hùng	28/02/2004	K28TPM15	Quảng Nam	8.1	Giỏi	1936	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211103687	Mai Xuân Thức	03/04/2004	K28TPM15	Phú Yên	8.3	Giỏi	1937	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211151739	Ngô Văn Vũ	27/02/2004	K28TPM15	Quảng Nam	8.2	Giỏi	1938	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211153338	Nguyễn Bá Tông	19/05/2004	K28TPM15	Nghệ An	7.1	Khá	1939	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211136483	Nguyễn Hoài Bảo	23/01/2004	K28TPM15	Quảng Trị	8.1	Giỏi	1940	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211300491	Nguyễn Hoài Vũ	27/08/2004	K28TPM15	Quảng Ngãi	7.7	Khá	1941	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
27211230731	Nguyễn Lê Quang Hưng	16/04/2003	K28TPM15	Quảng Nam	7.5	Khá	1942	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211145727	Nguyễn Long Nhật	10/01/2004	K28TPM15	Quảng Trị	8.0	Giỏi	1943	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28210202982	Nguyễn Ngọc Thịnh	14/06/2004	K28TPM15	Thừa Thiên Huế	8.1	Giỏi	1944	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211150968	Nguyễn Tấn Thành Long	22/06/2004	K28TPM15	Quảng Bình	6.3	TB Khá	1945	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211151898	Nguyễn Trần Linh	11/02/2004	K28TPM15	Đắk Lắk	7.3	Khá	1946	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211143941	Nguyễn Văn Nhã	09/11/2004	K28TPM15	Quảng Trị	7.8	Khá	1947	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211153448	Nguyễn Việt Hải	29/06/2004	K28TPM15	Quảng Nam	7.7	Khá	1948	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211152199	Phạm Quang Minh	17/07/2004	K28TPM15	Quảng Trị	8.1	Giỏi	1949	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28201102155	Phan Thị Thanh Thủy	28/01/2004	K28TPM15	Quảng Nam	8.2	Giỏi	1950	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28201152017	Phùng Thị Luyện	12/05/2004	K28TPM15	Quảng Trị	8.6	Giỏi	1951	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211133531	Trần Hoàn	01/01/2004	K28TPM15	Quảng Trị	7.7	Khá	1952	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28201152590	Trần Thị Ngọc Ánh	06/09/2004	K28TPM15	TP. Hồ Chí Minh	8.0	Giỏi	1953	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
27211244882	Trần Văn Huy	14/07/2003	K28TPM15	Đà Nẵng	8.2	Giỏi	1954	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28210200043	Trần Văn Minh Phương	01/04/2004	K28TPM15	Quảng Nam	8.0	Giỏi	1955	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211147798	Trịnh Bảo Phúc	08/07/2004	K28TPM15	Quảng Nam	7.3	Khá	1956	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211100181	Trương Văn Thành Đạt	08/03/2004	K28TPM15	Quảng Nam	7.9	Khá	1957	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28210201275	Võ Hoàng Long	27/12/2004	K28TPM15	Quảng Nam	7.8	Khá	1958	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211104640	Võ Minh Hoàn	18/04/2004	K28TPM15	Quảng Nam	8.1	Giỏi	1959	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
27211242380	Võ Ngọc Châu	19/08/2003	K28TPM15	Quảng Nam	7.9	Khá	1960	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28210202923	Võ Nguyên Vũ	28/03/2004	K28TPM15	Quảng Nam	7.7	Khá	1961	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211155033	Võ Quốc Triệu	29/09/2004	K28TPM15	Quảng Nam	7.9	Khá	1962	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28212304505	Võ Tuấn Dương	12/10/2004	K28TPM15	Quảng Ngãi	8.1	Giỏi	1963	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28201153146	Đào Thu Thiên	06/02/2004	K28TPM16	Quảng Nam	8.3	Giỏi	1964	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211106192	Dương Bá Hoàng Ngọc	06/10/2004	K28TPM16	Quảng Trị	8.1	Giỏi	1965	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211145200	Dương Tấn Hòa	26/03/2004	K28TPM16	Quảng Nam	7.3	Khá	1966	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211142388	Hồ Lục Quyền	01/09/2004	K28TPM16	Quảng Nam	7.6	Khá	1967	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28210201751	Hoàng Sĩ Phong	18/02/2004	K28TPM16	Phú Yên	8.4	Giỏi	1968	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211300029	Hoàng Văn Quân	25/09/2004	K28TPM16	Gia Lai	8.0	Giỏi	1969	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28210228190	Huỳnh Kim Thạch	17/09/2004	K28TPM16	Quảng Nam	8.4	Giỏi	1970	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211149898	Huỳnh Ngọc Phong	25/01/2004	K28TPM16	Thừa Thiên Huế	8.2	Giỏi	1971	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211154899	Lê Minh Quân	13/06/2004	K28TPM16	Quảng Nam	8.3	Giỏi	1972	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN

**Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam**

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (ký vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28211152885	Lê Văn Bá Khải	07/12/2004	K28TPM16	Quảng Nam	8.1	Giỏi	1973	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211138246	Lương Kiến Quốc	06/12/2004	K28TPM16	Quảng Nam	8.0	Giỏi	1974	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28212335403	Mai Xuân Sinh	27/09/2004	K28TPM16	Đà Nẵng	8.5	Giỏi	1975	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28210204405	Mai Xuân Việt	31/10/2004	K28TPM16	Thừa Thiên Huế	8.1	Giỏi	1976	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28219005421	Ngô Anh Trung	05/02/2004	K28TPM16	Thừa Thiên Huế	7.7	Khá	1977	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211152202	Ngô Kim Hoàng Nam	06/08/2004	K28TPM16	Khánh Hòa	8.3	Giỏi	1978	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211106998	Ngô Quang Trường	20/01/2004	K28TPM16	Quảng Nam	7.4	Khá	1979	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211504245	Nguyễn Đình Ngọc Thiện	12/09/2004	K28TPM16	Đà Nẵng	7.8	Khá	1980	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211131197	Nguyễn Đức Hiếu	26/03/2004	K28TPM16	Quảng Nam	7.8	Khá	1981	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28214639348	Nguyễn Đức Tiến	31/07/2004	K28TPM16	Quảng Nam	8.0	Giỏi	1982	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28219001638	Nguyễn Hoàng Khâm	16/08/2004	K28TPM16	Quảng Nam	7.8	Khá	1983	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28218441981	Nguyễn Hồng Thương	26/01/2004	K28TPM16	Quảng Nam	7.7	Khá	1984	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211153148	Nguyễn Lương Thiện	20/03/2004	K28TPM16	Quảng Nam	8.5	Giỏi	1985	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28210203284	Nguyễn Ngọc Hậu	10/10/2004	K28TPM16	Phú Yên	7.7	Khá	1986	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211337211	Nguyễn Tấn Hoài Anh	16/11/2004	K28TPM16	Quảng Ngãi	8.3	Giỏi	1987	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211138892	Nguyễn Tấn Sang	18/12/2004	K28TPM16	Quảng Nam	8.2	Giỏi	1988	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211103456	Nguyễn Thành Lâm	30/03/2004	K28TPM16	Phú Yên	8.4	Giỏi	1989	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28210200041	Nguyễn Tiến Lực	05/09/2004	K28TPM16	Gia Lai	8.1	Giỏi	1990	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211100231	Nguyễn Toàn Chung	11/12/2004	K28TPM16	Bình Phước	7.9	Khá	1991	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28210204197	Nguyễn Trọng Nguyên	20/06/2004	K28TPM16	Đà Nẵng	8.2	Giỏi	1992	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211105869	Nguyễn Trường Phúc	25/02/2004	K28TPM16	Quảng Nam	8.4	Giỏi	1993	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28212724427	Nguyễn Văn Hoàng	23/01/2004	K28TPM16	Đà Nẵng	8.0	Giỏi	1994	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211102797	Nguyễn Văn Minh	29/08/2004	K28TPM16	Thừa Thiên Huế	7.5	Khá	1995	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28219105135	Nguyễn Văn Thái	09/03/2004	K28TPM16	Khánh Hòa	8.0	Giỏi	1996	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211153069	Phan Thê Chung	29/03/2004	K28TPM16	Đắk Nông	8.1	Giỏi	1997	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211152318	Trần Huy Nhật	11/08/2004	K28TPM16	Quảng Nam	7.3	Khá	1998	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28210250816	Trần Phúc Thịnh	18/08/2004	K28TPM16	Quảng Nam	8.0	Giỏi	1999	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28218305920	Trần Văn Diệp	09/07/2004	K28TPM16	Quảng Nam	7.2	Khá	2000	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28213136220	Trần Văn Quốc	06/10/2004	K28TPM16	Hà Tĩnh	7.1	Khá	2001	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211140073	Văn Phú Nhật Minh	25/09/2004	K28TPM16	Quảng Nam	7.7	Khá	2002	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211152483	Bùi Nguyễn Thiên Phúc	15/11/2004	K28TPM17	Gia Lai	7.9	Khá	2003	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211106230	Cao Trần Gia Huy	21/10/2004	K28TPM17	Đắk Lắk	8.1	Giỏi	2004	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28204624378	Đặng Huỳnh Tường Vy	11/07/2004	K28TPM17	Quảng Nam	8.1	Giỏi	2005	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211150690	Đào Lê Văn Kiên	29/09/2004	K28TPM17	Đắk Lắk	7.9	Khá	2006	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211280305	Đỗ Huỳnh Tài	05/05/2003	K28TPM17	Đà Nẵng	7.4	Khá	2007	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28210202496	Hồ Văn Hậu	10/08/2004	K28TPM17	Quảng Nam	7.6	Khá	2008	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211527412	Hoàng Vũ Quốc Toàn	30/09/2004	K28TPM17	Đà Nẵng	7.8	Khá	2009	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN

**Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam**

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (ký vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28211100833	Hứa Văn Anh Vũ	14/12/2004	K28TPM17	Quảng Nam	8.1	Giỏi	2010	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211154283	Huỳnh Tấn Thịnh	06/07/2004	K28TPM17	Quảng Nam	7.5	Khá	2011	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211151905	Lê Công Tuấn	04/07/2004	K28TPM17	Quảng Trị	7.6	Khá	2012	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211106155	Lê Khắc Nam	27/11/2004	K28TPM17	Đắk Lắk	8.5	Giỏi	2013	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211102108	Lê Minh Tuấn	23/12/2004	K28TPM17	Gia Lai	7.8	Khá	2014	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211152655	Lương Tuấn Bảo	05/10/2004	K28TPM17	Quảng Trị	8.3	Giỏi	2015	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28212345772	Lý Thái Tài	21/07/2004	K28TPM17	Thừa Thiên Huế	8.0	Giỏi	2016	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211100349	Ngô Lê Trường An	04/08/2004	K28TPM17	Quảng Bình	7.7	Khá	2017	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211149692	Nguyễn Châu Cao Thiên	11/03/2004	K28TPM17	Quảng Nam	6.5	TB Khá	2018	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211105148	Nguyễn Hùng Thắng	02/06/2004	K28TPM17	Gia Lai	8.1	Giỏi	2019	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211143883	Nguyễn Tam Minh Thức	21/10/2004	K28TPM17	Quảng Nam	7.3	Khá	2020	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211106638	Nguyễn Thành Luân	05/12/2004	K28TPM17	Quảng Trị	7.8	Khá	2021	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28217235242	Nguyễn Trung Hiếu	12/10/2004	K28TPM17	Quảng Nam	8.1	Giỏi	2022	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28212341693	Nguyễn Văn Anh Duy	13/06/2004	K28TPM17	Quảng Trị	8.3	Giỏi	2023	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211101068	Nguyễn Văn Tùng	24/11/2004	K28TPM17	Quảng Nam	7.8	Khá	2024	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211103510	Phạm Mai Huy	25/07/2004	K28TPM17	Quảng Nam	7.7	Khá	2025	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28219006056	Phạm Phước Lợi	10/02/2004	K28TPM17	Quảng Nam	8.1	Giỏi	2026	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211141936	Phạm Quốc Hiệu	29/05/2004	K28TPM17	Quảng Ngãi	7.9	Khá	2027	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28201132244	Phạm Thị Thuỷ Linh	14/12/2004	K28TPM17	Quảng Nam	7.5	Khá	2028	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28210204393	Phan Bùi Minh Tân	15/11/2004	K28TPM17	Quảng Nam	7.6	Khá	2029	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28210201440	Phan Quốc Mạnh	08/05/2004	K28TPM17	Đắk Lắk	7.5	Khá	2030	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211104848	Trần Lê Nhất	12/07/2004	K28TPM17	Gia Lai	8.2	Giỏi	2031	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211147846	Trần Quang Việt	09/07/2004	K28TPM17	Quảng Bình	8.0	Giỏi	2032	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28206502815	Trần Thị Xuân Trang	04/05/2004	K28TPM17	Thừa Thiên Huế	7.3	Khá	2033	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211150376	Trần Trung Chiến	09/09/2004	K28TPM17	Quảng Trị	8.1	Giỏi	2034	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211104056	Triệu Văn Ý	23/03/2004	K28TPM17	Quảng Nam	7.5	Khá	2035	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211105089	Trương Công Huy	03/07/2004	K28TPM17	Đà Nẵng	7.5	Khá	2036	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28214603564	Võ Quốc Triều	20/12/2004	K28TPM17	Quảng Ngãi	7.2	Khá	2037	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211103148	Võ Thế Việt	09/04/2004	K28TPM17	Quảng Ngãi	8.1	Giỏi	2038	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28201104892	Võ Thị Kim Huệ	06/01/2004	K28TPM17	Quảng Trị	8.4	Giỏi	2039	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28219106216	Võ Văn Tín	27/07/2004	K28TPM17	Quảng Nam	7.8	Khá	2040	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28212305585	Doãn Thanh Việt	17/07/2004	K28TPM18	Kon Tum	7.7	Khá	2041	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28212322971	Hồ Văn Phúc	27/02/2004	K28TPM18	Quảng Nam	7.3	Khá	2042	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211105590	Hoàng Anh Nguyên Vũ	13/08/2004	K28TPM18	Quảng Bình	7.3	Khá	2043	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28212403871	Hoàng Đình Vinh	15/10/2003	K28TPM18	Đắk Lắk	7.7	Khá	2044	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211100955	Hoàng Văn Quyền	08/02/2004	K28TPM18	Nghệ An	8.5	Giỏi	2045	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211125500	Lại Hữu Triệu	26/11/2003	K28TPM18	Đà Nẵng	7.7	Khá	2046	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN

**Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam**

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (ký vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28211148867	Lê Minh Trung	08/06/2004	K28TPM18	Đà Nẵng	7.4	Khá	2047	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211305012	Lê Nhật Quang	02/06/2004	K28TPM18	Quảng Bình	8.0	Giỏi	2048	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211100726	Mai Hoàng Phúc Thảo	14/12/2004	K28TPM18	Quảng Nam	7.4	Khá	2049	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28212504985	Mai Song Việt	01/01/2004	K28TPM18	Quảng Nam	7.7	Khá	2050	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28210205131	Ngô Việt Thuận	19/03/2004	K28TPM18	Thừa Thiên Huế	8.0	Giỏi	2051	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211152658	Nguyễn Gia Bảo	08/09/2004	K28TPM18	Quảng Nam	7.9	Khá	2052	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211141477	Nguyễn Quốc Huy	27/11/2004	K28TPM18	TP. Hồ Chí Minh	6.9	TB Khá	2053	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28219021038	Nguyễn Thanh Sơn	22/01/2004	K28TPM18	Quảng Nam	7.6	Khá	2054	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28200206340	Nguyễn Thị Lan Chi	12/05/2004	K28TPM18	Quảng Nam	7.6	Khá	2055	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28210202115	Nguyễn Văn Quốc Huy	27/09/2004	K28TPM18	Quảng Nam	7.7	Khá	2056	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211150479	Phạm Minh Hải	09/11/2004	K28TPM18	Đà Nẵng	7.7	Khá	2057	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28210206878	Phạm Quang Vinh	29/03/2004	K28TPM18	Quảng Nam	7.5	Khá	2058	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211103054	Tô Hữu Vũ	19/03/2004	K28TPM18	Đà Nẵng	7.4	Khá	2059	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211106644	Trần Nguyên Đồng	05/06/2004	K28TPM18	Gia Lai	8.0	Giỏi	2060	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211100419	Trần Ninh Tinh	07/04/2004	K28TPM18	Quảng Trị	7.0	Khá	2061	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211146963	Trần Văn Đức	24/08/2004	K28TPM18	Đà Nẵng	7.5	Khá	2062	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211154547	Trần Văn Nhật	11/08/2004	K28TPM18	Quảng Nam	6.8	TB Khá	2063	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211101893	Trần Văn Tài	01/02/2004	K28TPM18	Thừa Thiên Huế	7.8	Khá	2064	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28218235689	Trần Văn Thời	03/10/2004	K28TPM18	Quảng Nam	7.4	Khá	2065	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211150101	Từ Tấn Chiến	26/10/2004	K28TPM18	Quảng Ngãi	7.6	Khá	2066	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211144334	Võ Ngọc Thiện	16/08/2004	K28TPM18	Quảng Nam	7.8	Khá	2067	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28201102966	Võ Trần Tấn Phú	01/07/2003	K28TPM18	Quảng Ngãi	7.6	Khá	2068	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28214302147	Bùi Sỹ Hoàng	14/08/2003	K28TPM19	Thanh Hóa	8.3	Giỏi	2069	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28218053625	Đặng Đình Sáng	02/08/2004	K28TPM19	Nghệ An	7.9	Khá	2070	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211106647	Đặng Văn Thanh	14/09/2004	K28TPM19	Đà Nẵng	7.9	Khá	2071	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28210202143	Hồ Trung Ý	22/04/2004	K28TPM19	Quảng Nam	7.7	Khá	2072	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211344383	Lê Đức Vinh	19/06/2004	K28TPM19	Đắk Lắk	7.3	Khá	2073	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211349462	Lê Ngọc Trung	22/03/2004	K28TPM19	Quảng Nam	7.5	Khá	2074	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28219050541	Lê Trần Anh Kiệt	04/06/2004	K28TPM19	Quảng Nam	8.1	Giỏi	2075	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28210240535	Lê Trương Hồng Long	02/02/2004	K28TPM19	Quảng Nam	7.9	Khá	2076	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211150577	Lê Vĩnh Tú	12/09/2004	K28TPM19	Quảng Nam	7.5	Khá	2077	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211103133	Mai Lê Tuấn Kiệt	11/11/2004	K28TPM19	Đà Nẵng	7.8	Khá	2078	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211151896	Ngô Thành Lâm	30/03/2004	K28TPM19	Đà Nẵng	8.5	Giỏi	2079	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211151549	Nguyễn Đức Khải	14/11/2004	K28TPM19	Thừa Thiên Huế	8.4	Giỏi	2080	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28212526180	Nguyễn Mạnh Cường	28/04/2004	K28TPM19	Hưng Yên	8.2	Giỏi	2081	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211151569	Nguyễn Như Quốc Linh	14/04/2004	K28TPM19	Quảng Nam	7.5	Khá	2082	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211153274	Nguyễn Phương Tín	02/10/2004	K28TPM19	Quảng Nam	8.2	Giỏi	2083	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN

**Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam**

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (ký vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28211122683	Nguyễn Thanh Lam	20/08/2004	K28TPM19	Quảng Ngãi	7.9	Khá	2084	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211106199	Nguyễn Trung Kiên	03/08/2004	K28TPM19	Quảng Nam	7.9	Khá	2085	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211153139	Nguyễn Văn Thanh Duy	29/04/2003	K28TPM19	Quảng Nam	8.0	Giỏi	2086	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211153262	Phạm Da Dĩ	14/12/2003	K28TPM19	Quảng Ngãi	8.0	Giỏi	2087	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211100017	Phạm Nguyên Khang	14/08/2004	K28TPM19	Quảng Nam	8.2	Giỏi	2088	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211104947	Phạm Quốc Thịnh	30/08/2004	K28TPM19	Quảng Nam	7.5	Khá	2089	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211151727	Phạm Văn Phúc	03/08/2004	K28TPM19	Quảng Nam	8.2	Giỏi	2090	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211100204	Phan Quốc Huy	17/06/2004	K28TPM19	Đà Nẵng	8.1	Giỏi	2091	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28219334352	Trần Don Pháp	11/09/2004	K28TPM19	Quảng Trị	8.1	Giỏi	2092	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211104152	Trần Vĩnh An	11/06/2004	K28TPM19	Gia Lai	8.1	Giỏi	2093	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211103806	Trương Nhật Tân	28/10/2004	K28TPM19	Đắk Nông	7.5	Khá	2094	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211106758	Văn Phú Tín	29/02/2004	K28TPM19	Quảng Nam	7.1	Khá	2095	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211152836	Võ Nguyễn Đình Quốc Huy	12/04/2004	K28TPM19	Quảng Nam	8.2	Giỏi	2096	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211105687	Võ Tuấn Kiệt	18/09/2004	K28TPM19	Quảng Nam	7.8	Khá	2097	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211105499	Vũ Đức Nguyên	09/09/2004	K28TPM19	Gia Lai	8.2	Giỏi	2098	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28209001477	Bùi Thị Thu Hà	21/05/2004	K28TPM20	Quảng Nam	8.4	Giỏi	2099	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28210250038	Đặng Văn Quốc Huy	26/02/2004	K28TPM20	Đà Nẵng	8.0	Giỏi	2100	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211303174	Hồ Hải Quân	02/11/2004	K28TPM20	Đà Nẵng	7.9	Khá	2101	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211102233	Hồ Văn Sỹ	06/06/2004	K28TPM20	Quảng Bình	7.7	Khá	2102	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211150377	Huỳnh Ngọc Ti	24/09/2004	K28TPM20	Bình Định	8.1	Giỏi	2103	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211105266	Lâm Chu Bảo Toàn	03/11/2004	K28TPM20	Gia Lai	7.7	Khá	2104	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211153810	Lâm Quang Trung	09/01/2004	K28TPM20	Gia Lai	7.7	Khá	2105	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211151640	Lê Vĩnh Tài	03/09/2004	K28TPM20	Quảng Nam	8.2	Giỏi	2106	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211151907	Lưu Quang Tuấn	04/02/2004	K28TPM20	Quảng Nam	7.4	Khá	2107	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211102739	Lưu Thiện Kiệt	20/12/2004	K28TPM20	Đà Nẵng	8.3	Giỏi	2108	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211139224	Ngô Minh Đạt	26/01/2004	K28TPM20	Đà Nẵng	7.6	Khá	2109	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211152541	Nguyễn Anh Quân	29/06/2004	K28TPM20	Quảng Trị	8.0	Giỏi	2110	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211105139	Nguyễn Anh Tuấn	23/04/2004	K28TPM20	Gia Lai	8.0	Giỏi	2111	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28217546430	Nguyễn Công Quốc	05/06/2004	K28TPM20	Đà Nẵng	7.7	Khá	2112	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211434873	Nguyễn Công Toàn	07/05/2004	K28TPM20	Đà Nẵng	8.0	Giỏi	2113	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211344267	Nguyễn Đình Minh Nhật	31/03/2004	K28TPM20	Thừa Thiên Huế	7.8	Khá	2114	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28218305424	Nguyễn Đình Nhật Tân	29/10/2004	K28TPM20	Thừa Thiên Huế	8.3	Giỏi	2115	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28214853631	Nguyễn Hữu Vũ Hưng	07/03/2004	K28TPM20	Quảng Nam	8.2	Giỏi	2116	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211143323	Nguyễn Huy Cường	04/03/2004	K28TPM20	Đắk Lắk	8.0	Giỏi	2117	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28210200152	Nguyễn Ngọc Toàn	19/12/2004	K28TPM20	Gia Lai	7.3	Khá	2118	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211152396	Nguyễn Quốc Vũ	09/05/2004	K28TPM20	Quảng Nam	8.1	Giỏi	2119	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211151909	Nguyễn Xuân Tuấn	13/09/2004	K28TPM20	Gia Lai	8.2	Giỏi	2120	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN

**Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam**

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (ký vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28211152783	Phan Đình Nhật Huy	14/04/2004	K28TPM20	Đà Nẵng	8.1	Giỏi	2121	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28201106321	Phan Thị Diệu My	05/05/2004	K28TPM20	Đà Nẵng	7.6	Khá	2122	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211102962	Trần Kiều Tiến	26/08/2004	K28TPM20	Quảng Nam	8.0	Giỏi	2123	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28210200192	Trần Tiễn Thắng	09/02/2004	K28TPM20	Đà Nẵng	7.3	Khá	2124	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28210245268	Trần Trung Huy	24/10/2004	K28TPM20	Quảng Nam	8.2	Giỏi	2125	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28210205190	Trương Thanh Hiếu	10/03/2004	K28TPM20	Quảng Trị	8.2	Giỏi	2126	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28214338949	Biện Hữu Tiến	14/11/2004	K28TPM21	Đà Nẵng	8.0	Giỏi	2127	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211102941	Đặng Văn Long	21/08/2004	K28TPM21	Đà Nẵng	7.7	Khá	2128	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211152597	Đỗ Thiên Sáng	24/02/2004	K28TPM21	Quảng Trị	6.5	TB Khá	2129	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28201143389	Đồng Thị Thúy	10/07/2004	K28TPM21	Quảng Nam	7.9	Khá	2130	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28212706646	Hồ Văn Nhân	17/02/2004	K28TPM21	Quảng Trị	7.9	Khá	2131	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211103114	Hoàng Minh Tuấn	09/10/2004	K28TPM21	Quảng Trị	8.0	Giỏi	2132	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28212350565	Huỳnh Văn Hiệp	14/12/2004	K28TPM21	Thừa Thiên Huế	8.2	Giỏi	2133	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28213142374	Kiều Nguyễn Mạnh Quân	02/08/2004	K28TPM21	Quảng Ngãi	7.3	Khá	2134	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28210204335	Lâm Văn Đông	06/06/2004	K28TPM21	Quảng Nam	7.9	Khá	2135	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28210205855	Lê Đức Hoan	13/01/2004	K28TPM21	Quảng Trị	8.0	Giỏi	2136	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28218004875	Lê Thành Đức	22/01/2004	K28TPM21	Đà Nẵng	7.8	Khá	2137	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211153775	Lương Văn Thịnh	09/09/2004	K28TPM21	Quảng Nam	7.8	Khá	2138	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211106376	Ngô Bảo Hoàng Gia	16/12/2004	K28TPM21	Đà Nẵng	8.2	Giỏi	2139	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28214142181	Ngô Văn Trường	21/05/2004	K28TPM21	Quảng Nam	7.3	Khá	2140	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211132949	Nguyễn Quang Triều	28/06/2004	K28TPM21	Đà Nẵng	7.5	Khá	2141	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211121732	Nguyễn Quốc Đạt	03/03/2003	K28TPM21	Quảng Ngãi	7.9	Khá	2142	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28201152321	Nguyễn Thị Hồng Nhung	08/03/2004	K28TPM21	Quảng Trị	7.5	Khá	2143	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28212303859	Nguyễn Văn Mạnh	31/07/2004	K28TPM21	Đắk Lắk	7.0	Khá	2144	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211405130	Phạm Đức Ngọc	03/12/2004	K28TPM21	Quảng Nam	7.5	Khá	2145	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211148370	Phạm Ngọc Tài	07/07/2004	K28TPM21	Quảng Nam	7.7	Khá	2146	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211136830	Phạm Tuấn Kiệt	16/12/2004	K28TPM21	Đà Nẵng	7.2	Khá	2147	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211106330	Phan Quang Thắng	04/03/2004	K28TPM21	Phú Yên	7.6	Khá	2148	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211106418	Trần Phú	02/12/2004	K28TPM21	Thừa Thiên Huế	7.5	Khá	2149	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211101107	Trần Hữu Hiếu	16/09/2004	K28TPM21	Đà Nẵng	7.1	Khá	2150	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28210238763	Trịnh Tuấn Khanh	14/09/2004	K28TPM21	Đà Nẵng	8.0	Giỏi	2151	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211102248	Trương Đình Nam	08/07/2004	K28TPM21	Đắk Lắk	8.1	Giỏi	2152	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211125629	Trương Đức Duy	06/12/2003	K28TPM21	Quảng Trị	8.0	Giỏi	2153	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211148022	Trương Nhật Cường	22/02/2004	K28TPM21	Thừa Thiên Huế	8.3	Giỏi	2154	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211105488	Võ Văn Thành Tài	20/10/2004	K28TPM21	Quảng Nam	7.8	Khá	2155	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211151587	Châu Chinh	12/07/2004	K28TPM22	Quảng Nam	7.5	Khá	2156	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28219001757	Châu Ngọc Trường	31/07/2003	K28TPM22	Quảng Nam	6.1	TB Khá	2157	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN

**Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam**

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (ký vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28211104830	Đặng Hoàng Anh	14/11/2004	K28TPM22	Đà Nẵng	7.1	Khá	2158	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211100773	Đoàn Ngọc Hưng	14/07/2004	K28TPM22	Quảng Nam	6.7	TB Khá	2159	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211152260	Hồ Sỹ Nhân	16/05/2003	K28TPM22	Quảng Trị	7.6	Khá	2160	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28212306623	Kiều Phước Lộc	09/04/2003	K28TPM22	Quảng Nam	7.3	Khá	2161	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211102629	Lê Lâm Anh Bảo	11/09/2004	K28TPM22	Đà Nẵng	7.5	Khá	2162	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211148447	Mai Văn An	03/09/2004	K28TPM22	Quảng Nam	7.5	Khá	2163	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211137440	Nguyễn Đại Anh	05/01/2004	K28TPM22	Đà Nẵng	6.7	TB Khá	2164	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28212648804	Nguyễn Đầu Hùng	08/09/2004	K28TPM22	Nghệ An	6.7	TB Khá	2165	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211100047	Nguyễn Phạm Chí Vĩ	14/01/2004	K28TPM22	Đà Nẵng	6.8	TB Khá	2166	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211105328	Nguyễn Quốc Thảo	22/10/2004	K28TPM22	Đà Nẵng	7.3	Khá	2167	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211154226	Nguyễn Thanh An	18/12/2004	K28TPM22	Quảng Nam	7.8	Khá	2168	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211131503	Nguyễn Thanh Roan	22/03/2004	K28TPM22	Đà Nẵng	6.9	TB Khá	2169	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28201154542	Nguyễn Thị Vân Anh	13/09/2004	K28TPM22	Quảng Nam	7.7	Khá	2170	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28212349593	Nguyễn Văn Bình	23/02/2004	K28TPM22	Quảng Nam	7.6	Khá	2171	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211145762	Nguyễn Văn Mạnh	04/09/2001	K28TPM22	Đắk Lắk	7.3	Khá	2172	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211153837	Phạm Nguyễn Quốc Việt	04/01/2004	K28TPM22	Quảng Ngãi	7.1	Khá	2173	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211103811	Phạm Văn Toàn	17/01/2003	K28TPM22	Ninh Bình	7.9	Khá	2174	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211102978	Thạch Bảo Lộc	04/08/2004	K28TPM22	Đà Nẵng	6.5	TB Khá	2175	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211101140	Thân Đức Nguyên Chương	24/03/2004	K28TPM22	Quảng Nam	7.8	Khá	2176	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211100793	Trần Phan Thanh Phúc	04/01/2004	K28TPM22	Đà Nẵng	7.6	Khá	2177	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211103974	Trần Quang Tuấn Anh	10/08/2004	K28TPM22	Đà Nẵng	7.3	Khá	2178	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28212506156	Trần Quốc Chinh	07/09/2004	K28TPM22	Quảng Ngãi	6.4	TB Khá	2179	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211154081	Trần Quốc Công	18/06/2004	K28TPM22	Thừa Thiên Huế	7.9	Khá	2180	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211154038	Trần Thế Anh	25/06/2004	K28TPM22	Quảng Bình	7.0	Khá	2181	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28206505677	Trần Thị Hoàng Nhi	26/06/2002	K28TPM22	Gia Lai	8.5	Giỏi	2182	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28204636673	Trần Thị Ý Ly	01/01/2004	K28TPM22	Đà Nẵng	7.6	Khá	2183	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28219002412	Võ Xuân Phúc	05/08/2003	K28TPM22	Quảng Nam	7.3	Khá	2184	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211148084	Bùi Quốc Cường	25/10/2004	K28TPM23	Quảng Ngãi	7.1	Khá	2185	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28215125326	Hoàng Hữu Cường	26/02/2004	K28TPM23	Đà Nẵng	7.2	Khá	2186	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28201106102	Lê Ngọc Khánh Hân	03/02/2004	K28TPM23	Đà Nẵng	8.2	Giỏi	2187	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211100501	Lê Xuân Dũng	02/09/2004	K28TPM23	Đà Nẵng	7.7	Khá	2188	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211154059	Lường Nhật Hoàng	12/04/2004	K28TPM23	Thanh Hóa	7.1	Khá	2189	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211151702	Ngô Văn Nam	03/03/2003	K28TPM23	Quảng Trị	8.5	Giỏi	2190	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211154567	Nguyễn Anh Đức	01/06/2004	K28TPM23	Hà Tĩnh	8.3	Giỏi	2191	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211134664	Nguyễn Bảo Dương	06/05/2004	K28TPM23	Thừa Thiên Huế	7.1	Khá	2192	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211126155	Nguyễn Minh Hoàng	05/08/2004	K28TPM23	Đà Nẵng	7.7	Khá	2193	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211503678	Nguyễn Minh Hoàng	11/10/2003	K28TPM23	Quảng Trị	7.3	Khá	2194	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN

**Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam**

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (ký vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28201100136	Nguyễn Thị Khánh Hiền	10/03/2004	K28TPM23	Đà Nẵng	8.0	Giỏi	2195	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211100836	Nguyễn Văn Công	13/02/2001	K28TPM23	Quảng Trị	7.5	Khá	2196	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211136584	Nguyễn Văn Đạt	04/07/2004	K28TPM23	Đà Nẵng	7.7	Khá	2197	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28214641165	Phạm Thiên Đồng	05/02/2004	K28TPM23	Quảng Nam	7.4	Khá	2198	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211103401	Phan Thành Đạt	16/06/2004	K28TPM23	Đà Nẵng	7.7	Khá	2199	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28210254698	Trần Đồi	28/09/2004	K28TPM23	Đắk Lắk	7.3	Khá	2200	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211154656	Trần Duy Dũng	30/07/2004	K28TPM23	Đắk Nông	8.1	Giỏi	2201	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211103593	Trần Huy Hoàng	07/09/2003	K28TPM23	Đà Nẵng	6.9	TB Khá	2202	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211148574	Trần Ngọc Hải	03/04/2004	K28TPM23	Đắk Lắk	7.1	Khá	2203	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211151740	Trương Ngọc Gia Hưng	21/06/2004	K28TPM23	Đà Nẵng	7.6	Khá	2204	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211106832	Võ Huy Hoàng	13/07/2003	K28TPM23	Quảng Trị	7.6	Khá	2205	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28212205992	Cao Nhật Minh	01/01/2004	K28TPM24	Đà Nẵng	7.5	Khá	2206	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211154669	Cao Quảng Tuấn Hưng	01/04/2004	K28TPM24	Thừa Thiên Huế	8.4	Giỏi	2207	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28216505813	Đặng Xuân Khoa	06/09/2003	K28TPM24	Đà Nẵng	8.3	Giỏi	2208	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28201101597	Doãn Thị Thảo Ly	22/12/2003	K28TPM24	Quảng Nam	8.4	Giỏi	2209	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211305859	Hồ Ngọc Nguyên Khang	22/09/2003	K28TPM24	Đà Nẵng	7.2	Khá	2210	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211154880	Hồ Thăng Lực	05/06/2004	K28TPM24	Đà Nẵng	7.0	Khá	2211	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211152417	Hoàng Văn Phong	11/12/2004	K28TPM24	Đà Nẵng	8.1	Giỏi	2212	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211143530	Huỳnh Thanh Long	03/01/2004	K28TPM24	Đà Nẵng	8.4	Giỏi	2213	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211151241	Lê Đức Mới	20/01/2004	K28TPM24	Đà Nẵng	8.1	Giỏi	2214	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211154099	Lê Hoài Nam	11/09/2004	K28TPM24	Quảng Trị	8.4	Giỏi	2215	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211152982	Lê Nguyễn Hoàng Nam	13/11/2004	K28TPM24	Quảng Nam	7.9	Khá	2216	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28219026832	Lê Nguyễn Nhật Thành	09/12/2004	K28TPM24	Đà Nẵng	8.3	Giỏi	2217	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211151481	Lê Trần Vũ Linh	20/01/2004	K28TPM24	Hà Tĩnh	8.0	Giỏi	2218	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211102907	Lê Văn Mỹ	14/10/2002	K28TPM24	Đà Nẵng	8.1	Giỏi	2219	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211154140	Lưu Văn Lâm	02/07/2004	K28TPM24	Quảng Nam	8.2	Giỏi	2220	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211154671	Nguyễn Đình Phương	18/12/2004	K28TPM24	Thừa Thiên Huế	7.9	Khá	2221	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211102465	Nguyễn Đức Mạnh	12/05/2004	K28TPM24	Bình Định	8.4	Giỏi	2222	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28212754793	Nguyễn Hoàng Huy	10/01/2004	K28TPM24	Quảng Trị	7.6	Khá	2223	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28210246375	Nguyễn Hồng Phúc	14/11/2004	K28TPM24	Quảng Nam	7.8	Khá	2224	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211154100	Nguyễn Nho Bảo Lâm	12/03/2004	K28TPM24	Quảng Nam	7.9	Khá	2225	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211154681	Nguyễn Quốc Nhật	17/01/2004	K28TPM24	Quảng Nam	8.1	Giỏi	2226	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
27202202175	Nguyễn Thảo Nguyên	18/04/2003	K28TPM24	Thừa Thiên Huế	8.1	Giỏi	2227	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28201202650	Nguyễn Thảo Như Bình	15/03/2004	K28TPM24	Quảng Nam	8.4	Giỏi	2228	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28219004753	Nguyễn Văn Nguyên	22/10/2003	K28TPM24	Đắk Lắk	8.1	Giỏi	2229	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28212200842	Phạm Lê Huy	14/11/2004	K28TPM24	Đà Nẵng	7.7	Khá	2230	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211151690	Phan Thanh Phúc	19/09/2004	K28TPM24	Đà Nẵng	8.4	Giỏi	2231	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN

**Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam**

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (kỹ vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28211125973	Trần Gia Huy	18/12/2004	K28TPM24	Đà Nẵng	7.0	Khá	2232	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28214301733	Trần Quốc Huy	04/02/2004	K28TPM24	Quảng Nam	8.4	Giỏi	2233	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28212306184	Trần Văn Mậu	31/05/2004	K28TPM24	Bình Định	7.8	Khá	2234	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211152766	Văn Công Gia Huy	24/03/2004	K28TPM24	Đà Nẵng	8.0	Giỏi	2235	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211144421	Võ Anh Quân	24/06/2003	K28TPM24	Quảng Trị	8.3	Giỏi	2236	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211106797	Dương Đức Tín	12/02/2002	K28TPM25	Đà Nẵng	8.2	Giỏi	2237	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211154727	Huỳnh Ngọc Hà Tây	24/01/2004	K28TPM25	Quảng Nam	7.6	Khá	2238	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211106754	Huỳnh Như Quốc	03/06/2003	K28TPM25	Đà Nẵng	8.1	Giỏi	2239	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211104415	Lê Anh Trí	10/09/2004	K28TPM25	Đà Nẵng	8.0	Giỏi	2240	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211106367	Lê Văn Toàn	29/07/2004	K28TPM25	Đà Nẵng	7.5	Khá	2241	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28207142807	Mai Thị Lệ Thương	29/05/2004	K28TPM25	Quảng Bình	7.9	Khá	2242	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211102501	Ngô Thanh Trọng	19/12/2004	K28TPM25	Bình Định	7.8	Khá	2243	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211150107	Nguyễn Anh Huy Toàn	20/09/2004	K28TPM25	Quảng Nam	7.4	Khá	2244	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211154670	Nguyễn Công Khánh Tài	13/10/2004	K28TPM25	Thừa Thiên Huế	7.4	Khá	2245	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211450273	Nguyễn Đắc Hải	27/11/2003	K28TPM25	Đắk Nông	7.9	Khá	2246	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28212353186	Nguyễn Đắc Phi Hoàng	05/03/2004	K28TPM25	Quảng Nam	7.6	Khá	2247	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211151433	Nguyễn Đình Thi	25/09/2004	K28TPM25	Đà Nẵng	7.7	Khá	2248	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28219054495	Nguyễn Đức Thắng	03/08/2004	K28TPM25	Quảng Trị	7.1	Khá	2249	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211106125	Nguyễn Hữu Thái	17/07/2000	K28TPM25	Quảng Nam	7.9	Khá	2250	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211150513	Nguyễn Hữu Thắng	10/03/2004	K28TPM25	Quảng Nam	8.0	Giỏi	2251	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211153150	Nguyễn Hữu Thọ	22/06/2004	K28TPM25	Thừa Thiên Huế	7.2	Khá	2252	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211105981	Nguyễn Hữu Trung	12/11/2003	K28TPM25	Quảng Nam	7.1	Khá	2253	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28219005622	Nguyễn Minh Tấn	15/06/2004	K28TPM25	Gia Lai	7.6	Khá	2254	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211403556	Nguyễn Nhật Hoàng	13/06/2003	K28TPM25	Đà Nẵng	7.1	Khá	2255	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211103779	Nguyễn Như Trường Thịnh	24/02/2004	K28TPM25	Quảng Nam	7.6	Khá	2256	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28201154694	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	19/10/2004	K28TPM25	Đà Nẵng	8.4	Giỏi	2257	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
27211245297	Nguyễn Văn Cường	02/01/2003	K28TPM25	Bình Phước	7.9	Khá	2258	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
27211243093	Phạm Lê Thanh	04/02/2003	K28TPM25	Đà Nẵng	7.2	Khá	2259	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211104136	Phan Cao Thắng	22/11/2004	K28TPM25	Đà Nẵng	7.3	Khá	2260	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211100035	Phan Hồng Quân	28/11/2001	K28TPM25	Đà Nẵng	7.7	Khá	2261	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28219025556	Phan Thế Tài	14/03/2004	K28TPM25	Đà Nẵng	7.8	Khá	2262	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28201150184	Phan Thị Minh Trâm	24/05/2004	K28TPM25	Quảng Nam	7.9	Khá	2263	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211154769	Trần Lê Đức Tính	06/02/2004	K28TPM25	Bình Định	8.2	Giỏi	2264	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211137100	Trần Nguyên Khanh	24/06/2004	K28TPM25	Đà Nẵng	8.1	Giỏi	2265	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211154771	Trần Quốc Toàn	19/03/2004	K28TPM25	Quảng Trị	8.4	Giỏi	2266	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211154719	Trương Thịnh	14/06/2004	K28TPM25	Quảng Nam	7.2	Khá	2267	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211327942	Võ Hoàng Nhân	04/09/2004	K28TPM25	Quảng Trị	7.1	Khá	2268	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN

**Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam**

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (ký vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
28200251688	Võ Thị Diễm Thùy	18/10/2004	K28TPM25	Đà Nẵng	7.8	Khá	2269	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211154102	Võ Văn Quốc	01/01/2004	K28TPM25	Đà Nẵng	8.2	Giỏi	2270	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28212206542	Võ Văn Tiến	05/03/2004	K28TPM25	Đà Nẵng	8.1	Giỏi	2271	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211103508	Đặng Ngọc Tỷ	29/08/2004	K28TPM26	Đà Nẵng	6.9	TB Khá	2272	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28201107001	Đỗ Cẩm Tuyền	29/11/2004	K28TPM26	Quảng Ngãi	8.1	Giỏi	2273	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211331922	Đỗ Quý Bách	26/11/2004	K28TPM26	Đà Nẵng	6.8	TB Khá	2274	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211154707	Kiều Đỗ Ngọc Trung	05/04/2004	K28TPM26	Đà Nẵng	7.7	Khá	2275	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28213147603	Lê Quang Trường	03/02/2004	K28TPM26	Quảng Nam	7.1	Khá	2276	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211138195	Lê Trần Anh Tuấn	16/09/2004	K28TPM26	Đà Nẵng	7.7	Khá	2277	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211154468	Lê Trí Nguyên	17/08/2004	K28TPM26	Đà Nẵng	7.6	Khá	2278	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211154743	Ngô Hồng Thúc	04/10/2004	K28TPM26	Đà Nẵng	7.8	Khá	2279	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211154699	Nguyễn Công Anh Tuấn	01/02/2004	K28TPM26	Đà Nẵng	7.1	Khá	2280	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211149308	Nguyễn Đăng Quang	24/11/2004	K28TPM26	Quảng Bình	7.0	Khá	2281	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211148885	Nguyễn Hòa Nam	09/05/2001	K28TPM26	Quảng Nam	7.4	Khá	2282	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211154917	Nguyễn Quang Duy	01/08/2003	K28TPM26	Quảng Trị	7.9	Khá	2283	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211154159	Nguyễn Quốc Việt	09/11/2004	K28TPM26	Bình Định	8.3	Giỏi	2284	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211154221	Nguyễn Thành Công	07/05/2004	K28TPM26	Đà Nẵng	7.7	Khá	2285	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211354043	Nguyễn Thanh Nam	18/09/2004	K28TPM26	Quảng Nam	8.3	Giỏi	2286	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211154541	Nguyễn Thanh Tú	21/01/2004	K28TPM26	Đà Nẵng	7.3	Khá	2287	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211100224	Nguyễn Thanh Tùng	04/11/2004	K28TPM26	Quảng Bình	7.4	Khá	2288	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28208101234	Nguyễn Thị Hải Yến	05/04/2004	K28TPM26	Quảng Trị	7.8	Khá	2289	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28201154872	Nguyễn Thị Thùy Linh	21/08/2003	K28TPM26	Thanh Hóa	8.5	Giỏi	2290	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28210244498	Nguyễn Xuân Tùng	26/03/2004	K28TPM26	Quảng Nam	7.6	Khá	2291	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211154819	Phạm Quốc Hưng	21/10/2004	K28TPM26	Quảng Bình	7.2	Khá	2292	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211154859	Phan Trọng Dương	03/02/2004	K28TPM26	Hà Tĩnh	8.3	Giỏi	2293	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211154066	Tạ Văn Trường	01/01/2004	K28TPM26	Quảng Nam	6.5	TB Khá	2294	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211151611	Trần Anh Trung	18/07/2004	K28TPM26	Gia Lai	7.8	Khá	2295	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28219005322	Trần Quang Trường	27/09/2003	K28TPM26	Kon Tum	8.4	Giỏi	2296	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211154535	Võ Ngọc Trung	30/06/2004	K28TPM26	Đà Nẵng	8.1	Giỏi	2297	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
27201240894	Võ Thị Quỳnh Duyên	11/03/2002	K28TPM26	Đà Nẵng	7.3	Khá	2298	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28213133254	Đặng Hùng Cường	13/04/2004	K28XDQ	Quảng Trị	7.0	Khá	2299	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
26207134796	Nguyễn Minh Hà	11/04/2002	K26ADP-DLK	Bình Định	7.7	Khá	2300	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
27217125199	Phạm Huỳnh Thanh Tra	04/10/2003	K27DLK	Bình Định	6.9	TB Khá	2301	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
27203121278	Phan Thị Trà My	20/03/2003	K27NAB	Đắk Lắk	8.2	Giỏi	2302	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
27203339390	Lưu Thị Diễm Phúc	17/05/2003	K27NHB	Quảng Nam	8.4	Giỏi	2303	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ GDQP-AN

**Tại: Trung tâm GDTC&QP, ĐH. Duy Tân,
P.124 tòa nhà A, cơ sở Hòa Khánh Nam**

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	Độc số thứ tự để nhận chứng chỉ (ký vào sổ lưu)	Thời gian nhận chứng chỉ
27203800629	Trần Thị Phương Linh	28/05/2000	K27NHB	Quảng Bình	8.3	Giỏi	2304	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
26203122892	Nguyễn Vũ Quỳnh Anh	25/10/1999	K27QTH	Hà Tĩnh	8.1	Giỏi	2305	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
27202426437	Trần Lê Dễm Quỳnh	01/02/2002	K27QTH	Đắk Lắk	8.2	Giỏi	2306	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28202749900	Đỗ Thị Thanh Sương	26/03/2004	K28ADH	Phú Yên	8.2	Giỏi	2307	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28204452650	Nguyễn Thị My My	22/03/2004	K28QTN	Quảng Nam	8.6	Giỏi	2308	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28214354918	Trần Lê Trường Thịnh	30/10/2001	K28ADP-QTH	Đà Nẵng	7.5	Khá	2309	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
27211253219	Nguyễn Đào Minh Hiền	07/09/2003	K28CMU_TPM	Quảng Trị	8.1	Giỏi	2310	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28218125221	Trần Lê Khánh Duy	09/08/2004	K28DLL1	Đà Nẵng	7.4	Khá	2311	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28208202235	Nguyễn Hà Thu Thảo	10/06/2004	K28DSG	Đà Nẵng	7.8	Khá	2312	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
27211501088	Phạm Dương Thái Vũ	10/12/2003	K28EDK	Quảng Trị	8.2	Giỏi	2313	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28211101046	Huỳnh Văn Thiên	29/11/2004	K28HP-QLC	Quảng Nam	8.2	Giỏi	2314	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28214546652	Phan Như Lâm	30/03/2004	K28HP-QLC	Quảng Nam	7.3	Khá	2315	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026
28204504325	Trịnh Thanh Ly	03/12/2004	K28HP-QLC	Đắk Lắk	8.4	Giỏi	2316	Từ ngày 03/09 đến 18/09/2026